

PHƯƠNG ĐÔNG

★ GIA - ĐÌNH và
★ DÂN SỐ

NGUYỆT - SAN
THÁNG 5
NĂM 1974

Số 35

Chủ Nhiệm, Chủ Bút : HOÀNG-SỸ-QUÝ

Phó Chủ Bút : LƯU-TRUNG-KHẢO

Phụ tá Chủ nhiệm : TRẦN - QUÝ - THÁI

NỘI DUNG

1. Người mẹ phương đông...	HOÀNH SƠN	— 293
2. Vấn đề dân số qua dòng lịch-sử	HOÀNG VĂN LỤC	— 301
3. Bảo vệ và giáo dục hài nhi	TOÀN ÁNH	— 309
4. Truyền thống gia đình	NGUYỄN VĂN HẦU	— 317
5. Cha mẹ sinh con...	LÊ THANH QUẾ	— 324
6. Nhân số lý tưởng của gia đình. . .	ĐỖ ĐÌNH TUÂN	— 330
7. Những phản ứng tai hại của việc sử dụng thuốc viên ngừa thai	NGUYỄN TẤN CHỨC	— 334
8. Giá trị khoa học của phương pháp J. Billings	NGUYỄN TẤN CHỨC	— 340
9. Phương pháp J. Billings		— 342
10. Gia đình người Nhật	PHAN KIM HUÊ	— 352
11. Ý kiến về vấn đề K.H.H.G.Đ	KỸ SƯ HÀ DƯƠNG BỤY	= 353

TIN TỨC — HỘP THƯ — SÁCH BÁO NHẬN ĐƯỢC
BÌA TRƯỚC DO HƯỚNG DƯƠNG TRÌNH BÀY

Nguyệt san **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên-Đồ Saigon — H.T. 2094 — Đ.T. 24.592

GIÁ BÁO

Mỗi số	150đ
Công số	giá gấp đôi
Một năm	1800đ
Một năm (độc giả sinh viên)	1700đ
Một năm độc giả ân nhân	3500đ sắp lên

Cao nguyên và miền Trung (từ Đà-lạt trở lên) thêm 300đ cước phí máy bay một năm. Ngoại quốc: thêm 800đ cước phí đường thủy một năm.

Quý vị nào tìm được 8 độc giả dài hạn xin kính biểu một năm báo.

Một số báo mất, xin báo tin và trả một nửa tiền báo và tiền bưu phí, Tòa báo sẽ gửi bù.

CÁCH TRẢ TIỀN

1) Ngân phiếu và bưu phiếu, đề cho:

Cô Đỗ thị Phương, **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon, H.T. 2.094

2) Đến ty bưu điện, trả qua Trương Mục Bưu Điện:

Saigon T/M 2790, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

ghi địa chỉ và lý do

3) Công số, có thể gửi trả vào Trương Mục Tổng Ngân khố V.N.

Saigon T/M 57070, Tạp chí **PHƯƠNG ĐÔNG**

161, Yên Đồ, Saigon

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang quảng cáo ân nhân	:	12.000 đ
1 trang quảng cáo thân hữu	:	8.000 đ
1/2 trang trong mỗi kỳ	:	4.000 đ
1/4 trang trong mỗi kỳ	:	2.500 đ
Trang bìa mặt sau 2 màu, mỗi kỳ	:	18.000 đ
Trang bìa mặt sau màu, mỗi kỳ	:	12.000 đ

Quản lý:

ĐỖ-THỊ-PHƯƠNG

Thư ký tòa soạn:

LÊ-THÀNH-CHUNG

Xuất bản:

VŨ-QUỐC-HUNG

Phân phối:

TRẦN-ANH-HÙNG

NGƯỜI MẸ PHƯƠNG ĐÔNG SỨ MỆNH LÀM CHA MẸ

□ HOÀNH SƠN

PHƯƠNG ĐÔNG MẪU HỆ

Phương Đông là của Người Mẹ, nên NGƯỜI MẸ PHƯƠNG ĐÔNG quả là Mẹ lý tưởng, một bài thơ bất tuyệt về Người Mẹ.

Hai nước lớn nhất của Phương Đông là Ấn-Độ và Trung-Hoa, chẳng những lớn về diện tích, dân số, mà còn lớn cả về văn minh nữa. Hai nước ấy xưa kia không phải là xã hội phụ hệ. Các dân từ phía Bắc tràn xuống đã mang tới cho họ Người Cha cùng với những tục lệ cứng cỏi. Dưới sức mạnh của kẻ thống trị, nền văn hóa trước tuy biến mất ở bề mặt, nhưng lặn vào chiều sâu, nó đã nuôi dưỡng và thấm nhiễm hoàn toàn cả tâm tình, lối sống cũng như tư tưởng của người dân.

Chắc các bạn muốn hỏi: Thứ văn minh chìm ấy là văn minh gì?

Xã hội Ấn, trước khi người Arya (Aryen) đặt chân tới, đã theo chế-độ mẫu hệ. Tài liệu điêu khắc của miền lưu vực sông Indus cho thấy người ta đề cao nữ thần, trái lại với thứ tôn giáo « đực » của Hy-Lạp và La-Mã. Trên đầu một tượng nữ thần, người ta nhìn rõ có cái một bông sen¹. Theo H. Zimmer, bông sen ấy là cái âm bộ của Mẹ Nước nguyên sơ, cái cửa mà vạn vật được sinh ra từ đó. Trong một bài kinh của Rg-veda không được chính thức công nhận, Sen là tên

một nữ thần (nữ thần Padmā) cũng gọi là Śrī và Lakṣmī, cái danh hiệu trở thành quen thuộc ngày nay của Thần mẫu.

Trong những thế kỷ đầu tiên của Ky-tô kỷ-nguyên, sen từ trên đầu đã tụt xuống nằm dưới chân của nữ thần. Và khi các thần nam giới của Arya lan tràn tất cả, thì sen tách rời khỏi nữ thần đã làm bệ cho nam-thần Brahmā, Đức Hóa công. Sau này trong Phật giáo, sen trở thành Huệ-trí hay Bát-nhã, và Đức Phật đã ngồi lên trên nó.

Cơ cấu xã hội mẫu hệ còn tồn tại lâu sau này ở miền Nam. Chính miền Nam này, ngay hồi trước Ky-tô kỷ nguyên, đã xâm lăng bán đảo Đông dương², mang chế độ mẫu hệ cùng với tôn giáo tới, khiến cho ngày nay dân Chàm vẫn còn giữ nhiều phong tục của xã hội mẫu hệ đó.

Tuy dân Chàm còn giữ được cơ cấu mẫu hệ, nhưng tại chính xứ mẹ của nó, ảnh hưởng Arya đã biến cải hoàn toàn phong tục. Người mẹ không còn được đề cao như xưa, nhưng, chìm vào trong bóng tối, người mẹ ấy như nhựa cây và máu đã nuôi dưỡng và biến cải tôn giáo Ấn ở chiều sâu Rút cuộc, những gì

1. Tác phẩm điêu khắc nói trên hiện đề ở Cổ tàng viện Calcutta.
2. Kể đó, hồi đầu Ky-tô kỷ nguyên, một số các bộ lạc miền Bắc cũn tràn tới Đông dương và Java.

của Ārya chỉ còn là khuôn khổ, một cái khung và bộ xương. Còn những gì chứa đựng trong các khuôn khổ đó đã thành Drāviḍa (Dravidien) mất rồi.

Tại miền Bengal, nơi mà văn hóa và ngôn ngữ khác biệt với Ārya, người ta chỉ tôn kính Thần mẫu có tên là Durgā, Kālī. Phần lớn của bảy triệu dân Calcutta (thủ đô của Bengal) tập trung xung quanh hai ngôi đền Kālī ở phía Nam và phía Bắc. Lễ thần Rāma (Rāma-līlā) chiến thắng quỷ vương được mừng long trọng trong tháng mười ở các tiểu bang khác, đã trở thành lễ kính Durgā chiến thắng Quỷ Trâu (Māṣa) ở Bengal, và tại đây, người ta tổ chức lớn hơn gấp mười lần¹.

Ở phương Bắc, khi đánh nhau mà thua quỷ, thì các thần cầu cứu với Thần chúa Viṣṇu. Trái lại ở miền Nam, họ cầu cứu với Thần-mẫu gọi là Śrī, Śakti. Theo một huyền thoại ở đây, để thắng quỷ, các thần đã góp chung pháp lực của mình lại. Pháp lực làm nên do sự tổng hợp ấy sẽ là Pháp lực vô cùng mạnh, Śakti. Śakti giống cái, và đó cũng là Thần-mẫu. Một khi Śakti đã hiển hiện rồi, chư thần đều hướng về Ngài trong cử chỉ tôn thờ.

Śakti, đó cũng là Pháp thuật sáng tạo Māyā. Trước kia, việc sáng tạo là do nam thần : Brahmā, Śiva. Ngày nay, sáng tạo lại là của Śakti, Pháp lực và Thần mẫu.



Văn minh cổ Trung-Hoa cốt lấy quân binh âm dương làm thiết yếu, nhưng có thể Trung hoa tiền văn minh là một xã hội mẫu hệ, và Việt Nam cũng thế. Những gì còn sót lại gần đây, như tục gửi rế bên ta là một dấu hiệu. Tục gửi rế hiếm thấy trong các văn minh, và tục gửi rế của miền Nam Ấn xưa (và của Chàm nữa) là một yếu tố thuộc chế độ mẫu hệ. Ngày nay, những gì còn sót lại của thứ văn minh mẫu hệ giả định đó là niềm yêu kính sâu xa đối với mẹ nơi bất cứ một người dân Việt nào.

Cũng vì kính trọng Người Mẹ, Việt Nam đã trở thành giang san của Phật Bà Quan Âm và Đức Mẹ. Hầu hết các nhà thờ Việt là nhà thờ Đức Mẹ. Hầu hết các hội viên hội đoàn thuộc hội đoàn Đức Mẹ. Và phần lớn của các giờ kinh được dành cho các kinh và bài hát Đức Mẹ².

Còn Quan Âm, đó chính là Bồ Tát Avalokiteśvara (Chúa nhìn xuống thế giới) của Phật giáo Ấn Độ. Avalokiteśvara là một bồ tát nam nhân. Sang đến Trung hoa, bắt đầu

1. Lễ kính Durgā, tức Durgā-pūjā kéo dài tới 12 hôm. Các công sở nghỉ ít nhất một tuần. Các trạm thờ dựng kín khắp nơi và đường phố đông nghẹt lấy người. Ở các tiểu bang khác, lễ kính Rāma tổ chức đơn giản hơn nhiều và chỉ nghỉ có hai ngày thôi.
2. Trên thế giới, người ta cũng kính Đức Mẹ như thế, nhưng theo nhận xét của nhiều người, thì Việt nam còn tôn sùng Đức Mẹ nhiều hơn.

tượng Ngài còn là đàn ông, nhưng sau trở thành đàn bà, Phật bà Quan Âm, và không còn thấy bóng tượng đàn ông đâu nữa. Quan Âm đã trở thành Thần mẫu và hiền mẫu, vừa đặt chân tới ngưỡng cửa Niết Bàn, nghe tiếng than khóc của dương gian, đã cúi lòng mà dừng chân lại, không tiến vào nữa. Bên Trung hoa, Đức Quan Âm có tới ba ngày lễ hằng năm. Bên Việt Nam, Ngài còn được tôn thờ hơn là cả bên Trung Hoa nữa.

NGƯỜI MẸ LÝ TƯỚNG BÊN NGƯỜI CHA LÝ TƯỚNG

Người mẹ lý tướng được tượng trưng bằng Đất. Tượng của Đất, đó là Khôn. «Khôn hậu tài vật»¹, nghĩa là đức của Khôn lớn vô cùng, chờ

mang được muôn vật, hóa hóa sinh sinh không bao giờ có tận. Đó là lòng mẹ của người mẹ Việt nam, lòng thương con không dấu nào có thể đo, không biên nào có thể sánh, không tuổi nào bền bỉ cho bằng.

Tuy lòng người đàn bà hẹp hòi, nhưng hẹp là hẹp với người khác kia, chứ với con mình, thì dù có bao nhiêu con, mẹ vẫn ôm hết vào lòng được.

Khôn thì âm u, còn Càn thì sáng sủa. Khôn thì cương kiện, mà Càn thì nhu thuận.

Cho nên có Khôn phải có Càn, có Mẹ phải có Cha, để bổ túc lẫn cho

1. Kinh Dịch ; Soán truyện của quẻ Bát thuần Khôn.

Cáo lỗi Độc giả

Giá giấy báo đã tăng gấp ba bốn lần trong vòng không đầy một năm, và các tạp chí khác từ lâu đã tăng giá. Cho đến nay, Phương Đông vẫn cố duy trì giá cũ là 120đ., nhưng vì giá cả hiện nay lại còn đang tăng thêm, nên chúng tôi buộc lòng phải đổi giá báo là 150đ. kể từ tháng này. Xin quý độc giả vui lòng thông cảm.

Quý độc giả thừa rõ chúng tôi phải chịu hy sinh về tài chánh đến thế nào để duy trì tờ Phương Đông mà độc giả vẫn yêu mến. Vậy xin quý độc giả vui lòng giúp đỡ chúng tôi bằng cách giới thiệu cho nhiều người mua, và giới thiệu đề nhiều cơ sở kinh doanh đăng quảng cáo.

CHÂN THÀNH CẢM Ạ

nhau, nhờ đó trời chảy chẳng những việc sinh con, mà cả việc dưỡng dục thân cũng như tâm cho đứa trẻ. Quả thực, Cha sinh khí là phần tinh thần hơn, Mẹ sinh hình là phần thể chất hơn, khiến đứa con tăng trưởng một cách quân bình và trưởng thành như một người.

Mẫu của người cha là Anh hùng và Đạo sỹ, mà đặc tính là cương kiện và khuôn thước. Tư thế của người cha, đó là của Thần khí và Dương hỏa cần để ấp ủ nước âm-u và nhu thuận để từ đó sinh nên muôn vật. Cho nên lòng mẹ bao la đến đâu, thì đức cha cũng cao dày đến đâu.

Cái may của Phương Đông là đã được xây dựng trên căn bản của sự âm-u, phong phú và mềm dịu của Người Mẹ, đề rồi sau đó lại được chỉnh trang trong khuôn thước của Người Cha do các dân tộc từ phía Bắc mang tới. Bản chất mẹ, hình thức cha, quả nhiên đó là một căn bản văn hóa lý tưởng vậy. Dù cả cha và mẹ mới có quân bình, nhưng nếu yếu tố cha quá trội thì con người sẽ trở nên "bề ngoài", tù tĩnh và cứng cõi, thiếu hẳn sức sống động của chiều sâu. Việt Nam ta xem ra được cái may mắn là rất có quân bình âm dương. Sự quân bình âm dương không đưa tới quán tính, mà trái lại sẽ làm cho sinh hóa, và sinh hóa một cách điều hòa.

Nhờ môi trường âm dương hòa hiệp này, người con Việt đã lớn lên với đầy sức sống bột khởi của âm-tố mà vẫn không phá ngang để sinh ra hỗn độn. Không mẹ nào thương

con và hy sinh cho con như mẹ Việt, mà cũng không cha nào tận tâm uốn nắn con như cha Việt.

Xưa kia, tại mỗi gia đình Phương Đông, người con bao giờ cũng là trung tâm của gia đình. Nói như thế, có lẽ có người cười và cho là "nói đại". Thực ra thì địa vị và quyền hành trong gia đình cho đến nay vẫn là của người cha. Người cha ấy vẻ mặt nghiêm nghị, ngồi ở sập giữa của "nhà trên" để cầm cân nảy mực cho tất cả. Phận vị của người mẹ là ở "nhà trong" hay "nhà dưới", còn con cái thì không có tiếng nói, trừ con trưởng khi "quyền huynh thế phụ".

Nhưng đó chỉ là bề ngoài.

Thực ra, người con bao giờ cũng là mối quan tâm chính yếu cho cả cha lẫn mẹ. Người ta làm lụng đâu tất mạt tối là để nuôi con, cho con ăn học, dựng vợ gả chồng cho con, mưu cầu tương lai cho con. Niềm hãnh diện của cha mẹ là ở sự ngoan ngoãn, thông minh, đức hạnh và "làm nên" của những đứa con đó. Đứa con, đó là kẻ gìn giữ ngọn lửa thiêng luôn cháy cho dòng tộc, là kẻ nối dõi tông đường và hằng năm cúng giỗ để cha ông được siêu độ cũng như để liên lạc người sống với nhau và với kẻ chết. Người xưa quả thực chỉ lo cho con, chứ chính mình thì họ quên mất¹.

1. Dù kiểu lo của họ có nhiều cái độc đoán và không thích hợp. Sự trọng con trai khinh con gái, có lẽ do các dân tộc phương Bắc mang tới.

TRÁCH NHIỆM SINH SẢN

Ngày xưa, tinh thần trách nhiệm của cha mẹ rất cao. Cha mẹ chỉ biết nghĩ đến con và quên mình hoàn toàn vì con.

Khi « gặp nhau », họ gặp nhau là để sinh con nếu đây là con nhà gia giáo. Họ đi cầu tự đủ chỗ để sinh con trai, một đứa con sẽ làm vẻ vang cho dòng tộc. Khi giao hợp, bên Ấn thì có cả một loạt nghi lễ tôn giáo kèm theo, và những nghi lễ này giới hạn sự buông thả cho tình dục lối cuốn, đồng thời hướng tâm hồn về nguồn gốc thần thánh của dòng họ và về đứa con sẽ sinh ra. Bên Việt Nam và Trung Hoa, cũng có những lễ phép khi thi hành việc đó, và tác dụng những lễ phép ấy cũng không có gì khác. Những lễ nghi và lễ phép, tuy giới hạn tương giao tự nhiên và sự biểu lộ tình yêu giữa vợ chồng¹, nhưng mặt khác cũng là một phương pháp tiết dục và điều hòa sinh sản. Khi vợ chồng biết tiết dục như thế, họ cũng tiết kiệm sinh lực, dành để đến kỳ sẽ dồn dồn sang một đứa con, và đứa con ấy nhất định phải khoẻ mạnh và thông minh đỉnh ngộ hơn.

Ngày nay, vì loài người đã sinh đầy mặt đất, và tổ chức xã hội kiểu Tây khiến cho một gia đình không đủ khả năng nuôi và giáo dục quá nhiều con. « Đa tử đa tôn » không còn là một cái phúc nữa, mà trở nên một tai họa. Cha mẹ làm đâu tất mất tối không đủ ăn, và con cái bị bỏ bê sẽ thành du đàng và đi hút xì ke. Người làm cha mẹ thấy thế sao khỏi đau lòng?

Để sinh con, chúng ta cần tiền liệu sao cho đứa con sinh ra được hạnh phúc. Dù là giống vật do bản năng còn biết làm như thế cơ mà. Chúng ta cứ nhìn vào cái tổ tò vò thì đủ rõ.

Con tò vò để trứng vào con sâu bướm và làm tổ bọc kín lấy. Nó đã tiền liệu tất cả, để khi từ trứng sinh ra, con nó có một mâm cơm thịnh soạn là mấy chú sâu đó, và để khi ăn vừa hết sâu, thì con ấu trùng đã đủ lớn để có thể đục vỡ tổ mà ra.

Con vật chỉ có bản năng, và bản năng ấy giúp chúng chu toàn « bốn phận » làm cha làm mẹ. Con người vì có tự do nên bản năng nói trên yếu kém đi, khiến con người phải lấy lý trí và tinh thần bốn phận thay thế vào. Bản tính của con người là vượt bản tính vậy. Và giá trị con người hơn hay kém cũng là ở cố gắng vượt bản tính của mỗi người đó.

Người ta vượt bản tính bằng cách làm theo bốn phận. Bốn phận làm cha mẹ là sống nơi con và sống cho con, nên cha mẹ không thể ích kỷ để không muốn sinh con, không thể cứ việc truy hoan mà không nhận

1. Mục đích của lễ phép phải là để duy trì tinh thần. Ai đã có tinh thần rồi thì không cần đến lễ phép nữa. Chúng ta thử hỏi người ngày nay đã có tinh thần chưa, khi mà không thiếu gì những tiếng than van : Nhà tôi nó như con...
2. Không chối cãi rằng có những gia đình nghèo túng mà con cái nên người, trong khi con cái nhiều ông bố lại là những kẻ chơi bời và vô hạnh.

trách nhiệm, không thể sinh con do « chẳng may mà sinh », cũng không thể sinh bừa bãi khiến con cái phải bỏ bê và đói khổ.

— *Ích kỷ mà không muốn sinh con* : Người Tây phương đủ điều kiện hơn ta để có nhiều con, mà họ lại không muốn có. Từ nhiều năm nay, Chính phủ Pháp dùng mọi biện pháp để khuyến khích sinh con, nhưng dân số Pháp chính cống vẫn cứ mỗi năm sụt đi chừng một triệu ¹. Nhiều gia đình, vợ chồng đã bốn mươi mà nhà chưa thấy trẻ khóc. Phần lớn chỉ có một con, ít khi tới hai. Xã hội Tây phương đã trở thành xã hội hưởng thụ, và do hưởng thụ nên họ khốn đốn vì chính tinh thần hưởng thụ đó. Nếu vì hưởng thụ mà cha mẹ không muốn sinh con, thì vì hưởng thụ con cũng không muốn nuôi cha mẹ, khiến cha mẹ phải chờ đợi trong cô đơn một cái chết chậm chạp trong các nhà dưỡng lão.

— *Truy hoan mà không nhận trách nhiệm* : Do tinh thần hưởng thụ, con người trở nên ích kỷ. Thế mà tình yêu là hiến thân cho nhau, nên đòi hỏi quên mình để nghĩ đến nhau. Cho nên một khi ích kỷ xâm lấn, tình yêu sẽ sa sút mà nhường chỗ cho tình dục : người chồng chỉ biết truy hoan thả cửa cho sướng cái thân, chứ không quan tâm đến sức khỏe và sự đau đớn của vợ mình ; còn vợ chỉ chú ý đến sắc đẹp và sự hấp dẫn của nó, nên không muốn tốn sức nuôi con bằng sữa mình và tự mình săn sóc nó. Và cả hai vì ích kỷ, đều không muốn có con để bị vướng bận. Nhưng cũng chính do sự ích kỷ này,

mà họ không thể biết đến cái hạnh phúc có con và được hy sinh cho con, một hạnh phúc vô cùng thanh cao và sâu xa, mà chỉ tội dân nghèo như người Việt mình mới cảm thấy thôi. Thế rồi cũng vì ích kỷ nữa, nên con cái không mấy tri ân và không nghĩ đến việc báo hiếu họ như bên chúng ta.

— *Chẳng may mà sinh* : Có những cha mẹ tuy không ngừa thai, nhưng khi giao hợp, họ chỉ biết có khoái lạc thôi, chứ con thì họ không hề nghĩ đến bao giờ. Nên dù có con, đứa con ấy sẽ là đứa con của Ngẫu nhiên, chứ không phải của chính họ cho lắm. Con người thiêng liêng và có tự do, nên tương quan có tính cách người phải là một tương quan tâm tình và tự ý chấp nhận. Nói cách khác, chỉ khi nào cha mẹ muốn sinh con và yêu con, thì đứa con sinh ra mới quả đúng là con của cha mẹ, được sinh ra chẳng những bằng thân xác, mà còn bằng tinh thần nữa. Dĩ nhiên giao hợp mà do tình yêu mãnh liệt và sâu xa thúc đẩy, thì mình nhiên hay mặc nhiên, tình yêu ấy cũng như muốn tận kết bằng một cái gì cụ thể : « Đứa con của hai ta ».

— *Sinh con bừa bãi* : Những gia đình ít học thường là những gia đình sinh con nhiều và sinh bừa bãi. Nhiều yếu tố sức khỏe, công việc và chỗ ở gây nên tình trạng này. Những

1. Vì từ nhiều năm, dân số Pháp gần như giữ nguyên mức 50 triệu, trong khi mỗi năm có tới cả triệu người ngoại quốc đến sinh sống.

đứa con đứa nọ nối đuôi đứa kia không thể nào nhận được sự săn sóc đầy đủ. Vì thế, việc sinh sản cần phải được kế-hoạch-hóa.

Sự kế hoạch hóa không phải chỉ là một việc làm, mà còn là một tinh thần nữa. Tinh thần ấy là tinh thần yêu thương, tinh thần trách nhiệm và tinh thần tiết dục.

Đề đứa con quả thực là con ta, ta phải có ý muốn và sự sắp đặt để sinh ra chúng, cũng như tiền liệu những gì để nuôi dưỡng và giáo dục chúng. Vậy kế hoạch hóa gia đình sẽ là ước định số con sẽ sinh ra, ước định sinh khi nào, ước định khoảng cách sao cho đứa trước đủ lớn khi đứa sau đến thay thế nó trong vòng tay người mẹ, và, nếu có thể, ước định cả việc sinh con trai hay con gái¹.

Không ai chối cãi rằng tình yêu là bốc đồng tự nhiên, nên không ưa tính toán. Tình yêu bốc đồng và sâu xa như muốn được ghi dấu bằng một cái gì là "của hai ta", trường cửu và chắc nịch: đứa con! Nhưng thực ra, tình yêu trong hoàn cảnh của cuộc sống rất khuyết điểm này còn là hy sinh trong đau khổ nữa. Sự tính toán đưa vào, trong tinh thần hy sinh ấy, sẽ là đề soi sáng và tinh-thần-hóa tình yêu, khiến nó bớt thô sẽ trở nên cao quý và sâu xa hơn. Đây không phải là hưởng lạc ích kỷ, mà chỉ là đề bảo vệ sức khỏe của nhau cũng như của mỗi đứa con sẽ sinh. Vì đây là tiết kiệm sinh lực để nó khỏi bị phân tán, và đề, khi thời gian đến, nó sẽ kết tụ đến

tối đa vào một đứa con nhất định. Và đây cũng là đề mỗi đứa con nhận được tất cả sự triu mến và những săn sóc, đồ dòn vào cho nó.

Và như thế, đứa con sẽ là đứa con hoàn toàn hơn của đôi bên, hoàn toàn do ý muốn rõ rệt cũng như do sự đồ đầy bằng sức lực dành dụm cho con của cha mẹ.

Tinh thần hy sinh nói trên, cùng với tất cả sự tiết kiệm sinh lực ấy, không thể thực hiện ngoài phạm vi tiết dục. Một lần nữa, tinh thần của Kế hoạch gia đình là tinh thần tiết dục vậy².

Có một hy sinh và tiết kiệm sinh lực hoàn toàn do từ bỏ hoàn toàn giao hợp trong suốt thời gian chưa muốn sinh con. Có một hy sinh và tiết kiệm sinh lực tuy không hoàn toàn nhưng thích hợp hơn để duy trì tình yêu nơi thường nhân bằng sự tiết dục giới hạn trong những ngày trứng rụng của chu kỳ.

Đối với con người thì đó là tiết dục, nhưng đối với con vật, đó mới chỉ là bản năng. Bản năng ấy khiến con vật chỉ thêm muốn và giao hợp vào những thời kỳ nhất định, và bản năng ấy nhằm điều hòa sự sinh sản của chúng.

1. Điều ấy ngày nay trở nên có thể nhờ vào sự tấn bộ của khoa học.
2. Tiếng « Kế hoạch hóa gia đình » là tiếng dùng trong một chương trình hành động có tầm mức quốc tế của Hòa Kỳ. Cố nhiên chương trình này không nhằm một tinh thần nào cả, và tai hại của nó là ở chỗ ấy.

Với con người, sự thêm muốn không theo chu kỳ nhất định đề nó có thể tự điều hòa lấy cả sự thêm muốn lẫn sinh sản, và sự kiện ấy làm nên giá trị « người » của nó. Sự tiết dục này làm nên cái « văn vẻ » của con người. Súc vật, khi cơn thèm đến, sẽ làm « hùng hục như trâu ». Con người mà làm thế thì không còn gì cái vẻ « người » của nó nữa¹. Đề làm người, nó phải hành sự sao cho « nho-nhã » một tí, và sự giữ gìn phong độ như thế đã là tiết dục rồi. Sự tiết dục bắt đầu từ đây đề đạt tới chỗ hoàn toàn của nó nơi phần đông các tu sỹ. Tôi chưa nói đến thánh hiền, mà chỉ mới nói đến tu sỹ. Những người này chả sống đầy chung quanh chúng ta đây là gì. Ấy là chưa kể đến những người tuy không tu mà còn « giới » hơn là chính người đi tu nữa. Vì thế, tiết dục là điều có thể và không đến nỗi khó khăn như một số người lầm tưởng. Cốt là ta đừng thả cửa

nhìn, nghe, đọc và nghĩ bất cứ cái gì, khiến gây kích thích và tăng cường độ nhục dục trong ta. Chỉ cần ta tập « nhịn » cho quen, và rồi ta sẽ dần thấy thắng mình là dễ. Chính nhờ những cố gắng như thế, mà tâm hồn trở nên thanh cao và tinh thần nghĩa vụ phát triển².

Tôi không nói bằng trừu tượng mà đã trưng ra một số sự kiện chứng minh. Tôi nói lên kinh nghiệm của biết bao người xương thịt như chúng ta, những người đã từng yêu thương, từng bị cám dỗ, từng đã sa ngã và cũng từng đã thắng mình.

1. Như trên đã nói, không thiếu gì những bà phải than thở với bạn : Chồng tôi nó như con...
2. Những người muốn thành công trong cuộc đời đều phải hy sinh, vất vả rất nhiều. Vậy chả lẽ đề thành người, chúng ta không thể cố gắng đôi chút hay sao.

Đính Chính

Trong số báo trước, bài NHỮNG QUÁI THAI GỌI LÀ ĐÀN BÀ NGÀY NAY, ở dòng cuối trang 215 và hai dòng đầu trang 216,

in là : « Mèo mẹ đôi khi giết con vì không muốn con chia sẻ cái gì của mình, một sự ích kỷ mà mèo không thể hiểu »...

Xin sửa là : « Mèo mẹ đôi khi giết con vì không muốn chia sẻ con với ai khác, còn người phụ nữ giết con vì không muốn con chia sẻ cái gì của mình. Một sự ích kỷ mà mèo không thể hiểu ! Một sự tàn nhẫn mà cọp cũng phải ghê ! ».

VÀI KHÍA CẠNH CỦA VẤN ĐỀ DÂN SỐ QUA DÒNG LỊCH SỬ

HOÀNG VĂN LỤC (S. Quercetti)

Nhân dịp Năm Quốc Tế Dân Số, dư luận tại Miền Nam Việt-Nam đã đề ý đến vấn đề dân số và đã bàn luận về nhiều khía cạnh của vấn đề. Trong bài này chúng tôi mời độc giả đề ý đến vấn đề trên về phương diện lịch sử, xem có thể rút bài học nào cho hiện tại và tương lai được không.

NHỊP ĐỘ GIA TĂNG DÂN SỐ

Từ khi con người ta xuất hiện trên mặt đất cho đến độ một triệu năm sau, người ta ước đoán tổng số loài người trên dưới 125.000. Trong thời kỳ đó loài người có lẽ chỉ hiện diện tại Phi Châu mà thôi. Từ thời kỳ trên cho đến độ năm 8.000 loài người đã lan tràn khắp mặt đất và có lẽ đã lên tới 5 triệu... Trong thời gian đó, tỷ lệ sinh sản là độ 50 phần ngàn và tỷ lệ gia tăng dân số là độ 0,002 phần trăm. Sự sống còn và mức độ gia tăng (dù tối thiểu) là nhờ chút văn minh mà loài người đã đạt tới được và giúp con người bớt chết chóc, tổ chức được đời sống của mình và tự vệ được.

Vào lối năm 8 000, loài người, ngoài việc săn bắn đã bắt đầu sản xuất thực phẩm bằng cách trồng trọt, nghĩa là bắt đầu nghề nông. Đó là thời kỳ " cách mạng nông nghiệp ». Nhờ đó mà thực phẩm đầy đủ hơn, đời sống loài người cố định hơn tại một chỗ và sức khỏe được bảo đảm hơn trước. Lúc bấy giờ có lẽ cuộc sống kéo dài đến 25-30 tuổi trung bình, và loài người bắt đầu tổ chức đời sống tập thể trong các làng, tích trữ thực phẩm và rảnh thì giờ để lo các việc khác nhằm mục đích cải thiện đời sống của họ.

Từ thời đó, dân số trên thế giới tiếp tục gia tăng đều đặn, mặc dù thỉnh thoảng có những thiên tai làm giảm bớt số dân, như dịch hạch tại Âu Châu vào thế kỷ 14 kỷ nguyên, khiến một phần nửa dân chúng chết trong vòng độ hai năm. Trong số các thiên tai khác làm giảm số dân, có nạn đói và các cuộc chiến tranh.

Từ giữa thế kỷ 17 bắt đầu một thời kỳ hòa bình tại Âu Châu. cùng với cuộc cách mạng thương mại, khiến dân chúng sung túc hơn trước và hoạt động mạnh mẽ hơn trước. Từ năm 1650 đến 1750 dân số tại Âu-Châu và Nga gia tăng từ 103 triệu đến 144 triệu.

Vào cùng thời kỳ trên, số dân tại Trung Hoa cũng gia tăng từ 50 đến 75 phần trăm, cũng là nhờ các chế độ ổn định và một chính sách nông nghiệp hợp lý.

Trong thời gian kể trên, tỷ lệ gia tăng dân số khắp thế giới đã lên tới độ 0,3 phần trăm mỗi năm. Vào thế kỷ kế tiếp, từ 1750 đến 1850, tỷ lệ gia tăng là 0,5 phần trăm. Trong thời kỳ này, dân số tại Âu-Châu gia tăng 100 phần trăm và tại Á-Châu 50 phần trăm.

Từ năm 1850 đến năm 1950, tỷ lệ gia tăng dân số khắp thế giới là độ 0,8 phần trăm, mỗi năm. Tại các quốc gia kỹ nghệ hóa Tây phương, trong thời kỳ đầu tiên của cuộc « Cách mạng kỹ nghệ », nghĩa là giữa thế kỷ 18 đến đầu thế kỷ 20, dân số gia tăng quá mau, nhưng trong thời kỳ kế tiếp, nhất là từ năm 1930 trở đi, dân số tăng gia chậm hơn, đến nỗi lúc bấy giờ người ta sợ số dân có thể dần dần bớt chứ không tăng nữa.

Tại các quốc gia đang mở mang, dân số chỉ bắt đầu gia tăng mau vào những năm 1930-1940, nhiều nhất do việc bắt đầu kiểm soát và chữa trị các bệnh dịch tai hại như sốt rét, hạch, tả, vv. Do đó, tỷ lệ gia tăng dân số tại các quốc gia đang mở mang từ năm 1940 đến 1950 đã lên 0,9 phần trăm và từ năm 1950 đến 1960 đã lên 1,8 phần trăm.

BẢNG GIA TĂNG DÂN SỐ TRÊN THẾ GIỚI

TỪ 1650 ĐẾN 1690

(đơn vị : 1.000.000)

Năm	Âu-ch.	Á-châu	Pal-châu	Thái-bình	Bắc-Mỹ	Nam-Mỹ	Tổng	Tỷ lệ							
				Dương			số	gia tăng							
1650 :	103	:	257	:	100	:	2	:	1	:	7	:	470	:	0,3
1750 :	144	:	437	:	100	:	2	:	1	:	10	:	694	:	0,5
1850 :	274	:	656	:	100	.	2	:	26	:	33	:	1.091	:	0,8
1950 :	594	:	1.272	:	199	:	13	:	166	:	162	:	2.406	:	1,8
1960 :	641	:	1.679	:	254	:	16	:	199	:	206	:	2.995	:	2,0

VẤN ĐỀ HẠN CHẾ SỐ CON

Từ ngàn xưa, loài người đã áp dụng những phương pháp khác nhau để tránh thụ thai hoặc hạn chế số con trong gia đình. Trong các tài liệu đầu tiên của lịch sử nhân loại nhắc đến vấn đề hạn chế số con, có những tài liệu

được viết vào những năm sau đây : vào khoảng năm 2.400 trước kỷ nguyên tại Hy Lạp, vào khoảng năm 2.000 tại Ai Cập, vào năm 600 sau kỷ nguyên tại Trung Hoa và vào năm 300 tại Ấn-Độ.

Trong số các phương pháp ngừa thai và hạn chế số con, có giao hợp « nửa chừng », hay « rút lui », bịt miệng tử cung, hay bỏ thuốc trừ tinh trùng vào âm đạo, bao bọc dương vật, rửa âm đạo sau khi giao hợp, lập gia đình trễ, phá thai, đẻ trẻ sơ sinh chết, vv. Vào những năm gần đây có thêm các phương pháp thuốc viên, thuốc chích, vòng xoắn, cột ống dẫn trứng hay ống dẫn tinh trùng, tránh giao hợp vào những thời kỳ phụ nữ có thể thụ thai.

Từ ngàn xưa, lý do hạn chế số con có tính cách cá nhân (tránh thụ thai, bảo vệ sức khỏe của người mẹ, vv.) hoặc gia đình và kinh tế (sinh ít con để khỏi chia đất cho nhiều người), chứ ít có người hạn chế sinh sản để kiểm soát dân số.

Một trường hợp đặc biệt là khi triết gia Aristote cho rằng nên hạn chế sinh đẻ để duy trì nền văn hóa tốt đẹp của dân tộc Hy Lạp. Đề hạn chế số dân cách hữu hiệu, ông sẵn sàng chấp nhận cả việc phá thai và giết trẻ sơ sinh... Nhưng hình như lập trường lý thuyết trên không được đem ra áp dụng.

Ngoài ra, về phương diện dân số, còn có một đạo luật gọi là Lex Julia et Papia vào thời kỳ phồn thịnh nhất của đế quốc La Mã, vào năm 18 kỷ nguyên, khuyến khích các giới cấp trung lưu và nhất là thượng lưu sinh nhiều con, tức gia tăng dân số, và phạt những người không có con.

Vào hai thế kỷ 17 và 18 tại Âu-Châu, chắc có lẽ người ta hạn chế số con cách đặc lực, đặc biệt trong các giới thượng lưu tại Pháp và Venise. Nhưng chưa biết rõ được việc hạn chế có phải là vì ý muốn, hay vì có nhiều cặp vợ chồng son sẻ (có lẽ vì lấy nhau trong phạm vi nhỏ hẹp của họ hàng).

KIỂM SOÁT DÂN SỐ.

Ý tưởng kiểm soát và hạn chế dân số bằng các chính sách quốc gia quy mô xuất hiện vào thời kỳ cách mạng kỹ nghệ. Vào năm 1798, một kinh tế gia người Anh, T.R Malthus, đã báo động vì dân số gia tăng mau hơn mức gia tăng của thực phẩm trên thế giới. Vì thế nên một ngày nào đó, một

ngày rất gần, nhân loại sẽ không đủ ăn. Theo ông, chỉ có chiến tranh, nạn đói và dịch hạch mới có thể giảm bớt dân số một cách hữu hiệu. Ông cho rằng dân chúng càng sung túc thì dân số càng gia tăng (điều này quả là sai lầm). Ông kịch liệt phản đối các phương pháp nhân tạo để kiểm soát dân số, trừ phương pháp kiêng cử và lập gia đình trễ.

Đề hiểu rõ lối suy nghĩ của ông Malthus, chúng ta nên nhớ rằng ông là một kinh tế gia theo tư tưởng tư bản tự do. Vì thế Ông coi lương bổng của công nhân như là một phần của giá bán hàng hóa. Khi chủ nhà máy « mua » công lao của nhân công, phải tìm cách mua với giá thấp nhất, một giá chỉ đủ « bảo trì » nhân công, tức là đủ cho nhân công sống, có sức làm việc và sinh con để thay thế cha mẹ lúc già, tức là lúc cũ quá không thể làm việc được nữa.

Khi dân số tăng quá nhu cầu, có vấn đề thất nghiệp và nhân mãn. Vì thế cần phải hạn chế số dân đến mức độ phù hợp với nhu cầu. Như vậy việc kiểm sát dân số chỉ áp dụng cho giới công nhân nghèo mà thôi. Ông Malthus không hề nghĩ tới việc phân phối lợi tức đều đặn để giải quyết vấn đề nhân mãn. Đối với Ông, của cải không bao giờ dư thừa, để có thể phân phối cho giới công nhân. Đồ « dư thừa » chỉ là con cái của công nhân cần phải hạn chế.

Tuy nhiên, còn phải chờ một thế kỷ nữa mới có người bắt đầu vận động để các quốc gia hạn chế số dân. Đề hiểu sự kiện này, chúng ta phải nhớ rằng các biện pháp y tế mới được khám phá để chữa các bệnh tật nguy hiểm, nhất là các bệnh truyền nhiễm, bắt đầu có kết quả tại Âu-châu vào giữa thế kỷ 19. Chính nhờ các biện pháp y tế, nhất là chích ngừa các thứ bệnh đậu mùa, dịch hạch, tả, sốt rét v.v... mà số trẻ sơ sinh bớt chết đi nhiều, dân chúng sống lâu hơn, nên dân số tăng mau hơn trước.

Vì dân số bắt đầu gia tăng mau, nên người ta bắt đầu tìm cách hạn chế. Vào năm 1878, Hiệp Hội Malthus đã được thành lập tại Anh quốc với mục đích phổ biến và xúc tiến việc kiểm soát dân số. Vào năm 1878 tại Hòa Lan và năm 1916 tại Hoa Kỳ, các bệnh viện đầu tiên cung cấp phương tiện ngừa thai đã được mở do sáng kiến của một nhóm người thuộc Hiệp Hội Kiểm Soát Sinh Sản (Birth Control League).

Tuy nhiên, vào đầu thế kỷ 20, tỷ lệ sinh sản tại nhiều quốc gia Tây phương bắt đầu giảm bớt (tại Pháp bắt đầu bớt trước, vào giữa thế kỷ 19) và tới trình độ thấp nhất vào năm 1900. Vào năm đó, tỷ lệ sinh sản tại Âu-châu đã xuống dưới 20 phần ngàn, tức là mức độ dân số không tăng nữa, hoặc tăng rất ít, chỉ đủ thay thế những người chết.

Trong thời kỳ đó, nhất là từ 1920 đến 1930, các chính quyền bắt đầu lo lắng và khuyến khích dân chúng gia tăng số con, cũng như cấm phò biến các phương pháp hạn chế sinh sản.

Trong khi số dân tại các quốc gia Tây phương giảm bớt, số dân tại các quốc gia đang mở mang bắt đầu tăng gia vào các năm 1930-1940. Lý do chính khiến dân số gia tăng là nhờ các biện pháp mới để chữa trị các bệnh truyền nhiễm.

Từ năm 1878 trở đi, các Hiệp Hội Kiểm Soát Sinh Sản hoạt động đều đặn, và đầu thế kỷ 20, họ thuyết phục được các tổ chức y sĩ chấp nhận việc hạn chế sinh sản như một công việc hợp lý về phương diện y khoa.

Từ năm 1942, các Hiệp Hội đã lan tràn tới một số các quốc gia đang mở mang và đổi tên là Liên Hiệp Hội Làm Cha Mẹ theo Kế Hoạch (Planned Parenthood Federation). Hồi năm 1952, khi dư luận đã bắt đầu lo lắng về sự bùng nổ của dân số, Liên Hiệp Quốc Tế Làm Cha Mẹ theo Kế Hoạch (International Planned Parenthood Federation) đã thành hình và 15 năm sau đã có chi nhánh tại 54 quốc gia, kể cả 36 quốc gia đang mở mang.

Từ năm 1960, một số quốc gia đang phát triển đã chính thức ban hành các luật lệ và chính sách quốc gia về việc hạn chế số dân. Các chương trình kiểm soát dân số tại các quốc gia đang mở mang (trừ các quốc gia cộng sản) thường được các quốc gia tân tiến tây phương, đặc biệt Hoa Kỳ, nâng đỡ, viện trợ và hầu như điều khiển.

Các quốc gia áp dụng chính sách kiểm soát dân số, sớm hay muộn, đã chấp nhận luôn việc phá thai, như là cách bổ-khuyết cho các phương pháp kia khi thất bại. Vào những năm gần đây, chúng ta đã thấy một số quốc gia « tân tiến » chấp nhận mở rộng luật lệ cho phép phá thai. Một lý do quan trọng là để ngăn chặn việc phá thai lén lút, gây tai hại về phương diện sức khỏe và tài chánh.

Đề hiểu rõ khuynh hướng của những ai chủ trương và xúc tiến các chính sách và chương trình hạn chế dân số, cần phải phân biệt hai vấn đề

khác nhau : (1) kế hoạch hóa gia đình, và (2) kiểm soát dân số. Kế hoạch hóa gia đình, tức là để cha mẹ được tự do quyết định số con cái mong muốn, là một biện pháp không giúp được quốc gia hạn chế dân số cách hữu hiệu. Muốn kiểm soát sự gia tăng của dân số cách hữu hiệu, cần phải áp dụng các chính sách mạnh mẽ khuyến khích, trên thực tế nhiều khi là ép buộc, các gia đình hạn chế số con. Một số quốc gia đã áp dụng các biện pháp hành chính như bắt phụ cấp gia đình cho đứa con thứ ba hay thứ tư, bắt nghỉ hộ sản, làm khó dễ khi đi tìm việc làm; khó gửi con cái đi học tại các trường công, hoặc vào các bệnh viện công, v.v...

Vào những năm gần đây, Liên Hiệp Quốc đã bắt đầu dùng một danh từ mới và « nhân đạo » hơn để nhắc đến các vấn đề dân số. Đó là danh từ « Quality of Life » (Phẩm giá của sự sống). Đó là một điều đáng mừng vì cho chúng ta thấy rằng vấn đề kiểm soát dân số (cũng như các vấn đề khác như kế hoạch hóa gia đình, ngừa thai, điều hòa sinh sản, v.v...) là một việc xứng đáng với con người, với điều kiện nhằm mục đích giúp mọi người sống cách đầy đủ và phong phú hơn.

RÚT VÀI BÀI HỌC

Mặc dù các trang trước chỉ đủ đề nêu lên nét đại cương mà thôi, nhưng chúng ta vẫn có thể rút được một số bài học, có lẽ không phải hoàn toàn sai lầm.

1. Với đà gia tăng dân số tại các quốc gia đang mở mang vào những năm gần đây, cần phải tìm cách kiểm soát dân số và phải chấp nhận các biện pháp mạnh, nhưng phù hợp với nhân quyền, do các chính quyền đưa ra.

2. Tuy nhiên chúng ta đã thấy sự tiến bộ về kinh tế, vẫn là yếu tố tiên quyết để giải quyết vấn đề dân số, song song với việc hạn chế sinh sản. Vào những năm gần đây, chúng ta đã thấy Nhật Bản, một quốc gia tương đối bé về phương diện nguyên liệu và diện tích, nhưng lại đông dân, đã phát triển đến nỗi thiếu nhân công và phải thuê hơn nửa triệu nhân công Đại Nàn để làm việc tại các xưởng máy.

3. Việc gia tăng và giảm bớt dân số mặc dù vào những năm gần đây đã được nghiên cứu khá tỉ mỉ, vẫn có nhiều sự bất ngờ, khó đoán trước

được. Thí dụ tỉ lệ gia tăng sinh sản sau thế chiến thứ hai (baby boom), hiện tượng giảm bớt dân số tại Âu-Châu vào đầu thế kỷ 20, trái hẳn với sự tiên đoán của ông Malthus v.v..

Hồi năm 1923, một kinh tế gia người Hoa Kỳ là G.s Edward M. East đã viết như sau : « Vào năm 1964, dân số tại Hoa Kỳ sẽ lên 214 triệu, nghĩa là quá cao so với đà tiến bộ tốt đẹp nhất có thể có trong ngành nông nghiệp, như chúng tôi đã tính trước » Rõ ràng lời tiên đoán này về đà phát triển nông nghiệp sai lầm hoàn toàn.

Vì loài người có tự do phần nào, nên chúng ta không thể lấy các luật lệ kinh tế cứng rắn mà tiên đoán một cách máy móc về hành động của con người được.

4. Lịch sử đã cho chúng ta thấy, hễ người ta sung túc thì lệ sinh sản tự nhiên giảm bớt. Phải chăng vấn đề chính yếu là phân phối lợi tức cách công bằng giữa quốc dân, hơn là hạn chế số dân ?

5. Khi thấy những ngân khoản khổng lồ các quốc gia mở mang Tây phương đầu tư vào việc hạn chế sinh sản tại các quốc gia đang mở mang, chúng ta không khỏi nghi ngờ rằng người tây phương vẫn quan niệm vấn đề dân số như Ông Malthus, và coi dân số tại các quốc gia đang mở mang như là những con người dư thừa cần phải hạn chế để duy trì quyền lợi của họ và để khỏi phải chia sẻ của cải cách công bằng hơn. Chúng ta nên nhớ, một đứa trẻ tại các quốc gia tân tiến tiêu thụ gấp 20 lần một đứa trẻ tại các quốc gia đang mở mang.

6. Danh từ « phẩm giá sự sống » thật tốt đẹp, nhưng thực tế đằng sau danh từ đó như thế nào ? Nhớ lại cuộc hội thảo về dân số do Hội Đồng Quốc Gia Dân Số tổ chức vào giữa tháng hai năm 1974, không thể khỏi cảm thấy khó chịu về thái độ của những chuyên viên về dân số. Họ luôn luôn đưa ra những con số, những thống kê và những lý lẽ kinh tế, chứ ít khi quan tâm đến nhân phẩm con người. Họ gây cảm tưởng rằng công việc của họ là đề nghị các chính sách và chương trình để hạn chế những con số, như diệt chuột, thay vì nâng cao cái phẩm của sự sống con người.

Khi Đức Phao-Lô đệ Lục lên tiếng phản đối việc áp dụng các phương tiện nhân tạo, vì lý do các phương tiện đó xúc phạm đến phẩm giá con

1) E.M. East, *Mankind at the Crossroads*, (New York, 1923) p. 167

người, những người có thể lực đã tận dụng mọi phương tiện tuyên truyền để chế giễu và lên án lập trường « cuồng tín » và « phản tiến bộ » của đạo giáo. Chính Đức Phao-Lô đệ Lục đã nhiều lần nhắc nhở các quốc gia mở mang có bốn phần chia sẻ với các nước đang phát triển của cải và phương tiện kỹ thuật để tiến bộ mau hơn. Giải quyết sự chênh lệch quá mức giữa các quốc gia có phải là giải pháp tốt đẹp và nhân đạo hơn việc hạn chế số dân « dư thừa » không ?

KẾT LUẬN

Trên đây chúng tôi đã đem ra vài sự kiện và nhận xét sơ lược về vấn đề dân số trong lịch sử nhân loại. Mong rằng sẽ có những người chuyên môn về sử học nghiên cứu vấn đề cách đầy đủ hơn, hầu đưa ra các bài học chính xác giúp những người lập ra và thi hành các chính sách kiểm soát dân số, tránh được nhiều sự sai lầm và giúp dân tộc tiến bộ cách toàn vẹn hơn.

CHÚ Ý.— Phần lớn các sự kiện và ý tưởng trong bài trên đã được lấy trong các sách sau đây :

- Paul R. Ehrlich, Anne H. Ehrlich, *Population, Resources, Environment*, San Francisco, 1970.
- *Encyclopédie Larousse* — « Population ».
- *Encyclopedia Britannica* — « Population ».
- J.T. Noonan — *Contraception*, Harvard Univ. Press, 1966.
- G. Cottier — *Régulation des Naissances et Développement Démographique*, Desclée de Brouwer, 1969.

**KÉM ĂN
MẤT NGỦ**

uống

BIO-ACTIN

LÀM MAU ĐÓI, ĂN NGON

LÊN CÂN, DỄ NGỦ

TRỊ: HEN XUYỄN, PHONG NGŨA

(Có bán tại các nhà Thuốc Tây)

số 48/BYTQCDP ngày 13-7-72

Bảo - Vệ và Giáo - Dục

HÀI - NHI

● Toan Anh

Tại Saigon hiện nay nói riêng và trên toàn cõi miền Nam nước Việt nói chung, đang có phong trào ngừa thai bằng những phương pháp khoa học. Ngừa thai nghĩa là ngăn cản một mạng người đáng được ra đời, không được làm người ! Mà từ ngừa thai đi tới phá thai chỉ có nửa bước. Hủy hoại một bào thai là hủy hoại một mạng người ! Mà ngừa thai với phá thai để làm gì ? Chỉ vì có một bọn người muốn bán những dụng cụ và thuốc ngừa thai, có thể có cả thuốc phá thai, đã đưa ra lý do nhân mãn để che giấu âm ý dã man của mình. Người ta cũng đã thật là phí phạm mạng người, giết hại những bào thai chỉ vì mục đích thương mại !

Không nói chỉ đến những bào thai, ngay những phần tử tạo nên bào thai, tinh trùng của đàn ông, noãn-tử của đàn bà, chúng ta cũng không có quyền phá hoại ! Một bào thai hình thành không phải là một sự ngẫu nhiên, và biết bao nhiêu gia đình chỉ mong mỗi một đứa con mà không được !

Phá hoại một bào thai, phá hoại ngay từ tinh trùng và noãn tử, nghĩa là ngừa thai, đã đi ngược lại thiên lý... và bởi những ai chủ trương ngừa thai phá thai hãy coi chừng đến lúc hối hận như Thủ tướng Sato

Nhật Bản đã tự nhận là tòng phạm trong việc phá hủy hơn 50 triệu bào thai trong 22 năm.

Từ xưa, dân tộc Việt Nam chúng ta luôn luôn tôn trọng mạng người, dù là người lớn hay trẻ thơ, dù đây chỉ là cái bào thai mới thành hình sơ khởi.

Chưa từng bao giờ tổ tiên chúng ta nghĩ đến việc ngừa thai hoặc phá thai, nếu đây không phải là một đôi trường hợp rất hạn hữu vì *ăn vụng chống no*.

Đạo đức Phương Đông không cho phép chúng ta làm những điều vô nhân đạo, và nền luân lý Việt-Nam luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải quý trọng mạng người. Mạng người phải được tôn trọng bắt đầu ngay từ phút đầu tiên của bào thai. Các bà mẹ có bổn phận gìn giữ đứa con mình ngay từ khi có tin mừng.

THAI GIÁO

Tập tục Việt Nam muốn rằng không những chỉ *dạy con từ thuở còn thơ*, mà phải dạy con ngay từ trong bụng mẹ. Thai giáo là giáo dục đứa con ngay từ lúc còn là bào thai. Đây chỉ là một quan niệm tâm lý, nhưng quan niệm này đã phát sinh từ hai điểm bảo vệ và giáo dục hài nhi trên ba phương diện : Thể chất, tinh thần và tâm linh,

Quan niệm này ta phải nhận là rất đích đáng, ngày nay được môn học tâm lý xác nhận và phát huy.

THÈ CHẤT. Muốn bảo vệ bào thai, tạo những ảnh hưởng vật chất tới bào thai qua người mẹ, tiền nhân Việt Nam đã nghĩ rằng mọi hành động của người mẹ đều ảnh hưởng tới đứa con trong bụng, và gần hơn, tình trạng sức khỏe của người mẹ rất mật thiết với bào thai.

Người mẹ phải tự giữ gìn sức khỏe, phải có sự kiêng khem từ làm lụng đến ăn uống để tránh bệnh tật đau yếu trong thời thai nghén,

Về ăn uống, sự kiêng khem rất được người xưa lưu tâm. Bao nhiêu những thức ăn khó tiêu, các cụ đều khuyên người mang thai không nên dùng, nhưng đây không phải là một sự khuyên can trực tiếp, những sự khuyên can trực tiếp nhiều khi thiếu hữu hiệu, bởi vậy các cụ phải dựa vào lý lẽ siêu hình để khuyên can con cháu. Các cụ khuyên khi đàn bà có thai không nên ăn :

— Cua để tránh sinh ngang vì con cua hò ngang.

— Trai, sò, ốc, hến để tránh con nhiều rãnh rọt, vì các thủy sản này đều có nhớt.

— Thịt thỏ để tránh sinh con sứt môi, vì con thỏ nào nhìn cũng đều như sứt môi.

Thực ra, không phải ăn cua thì sinh ngang, ăn trai sò ốc hến thì con có rãnh, hoặc ăn thịt thỏ thì đẻ con sứt môi, nhưng chính vì đây là những thức ăn khó tiêu, ăn vào bị đầy như

vậy hại tới sức khỏe của người mẹ và sẽ hại lây tới sức khỏe của đứa con trong bụng. Nếu khuyên thẳng các bà có thai không nên ăn vì sinh đầy, các bà sẽ không nghe, nhưng đem lời khuyên răn này đặt trên hình thức ảnh hưởng siêu hình các bà vì sợ, vì nghĩ đến đứa con sau này mà nghe theo.

Người xưa cũng khuyên người mẹ phải kiêng ăn :

— Những đồ ăn, hoa quả, bánh trái cúng một đám tang hay đám cưới để tránh con khỏi bị chứng sải ;

— Những thịt ôi, hoa quả ứa có hại cho sức khỏe.

Hai điều răn này cũng chỉ nhằm mục đích bảo vệ cho sức khỏe của người mẹ, tức là của đứa con. Những đồ cúng dù của một đám tang hay đám cưới đều là những đồ đã bày biện trước linh cửu hay trên bàn thờ từ lâu, ruồi bọ đã bâu vào và khiến cho đồ cúng thành ôi ỉu. Còn thịt ôi và hoa quả ứa là tất nhiên không nên ăn.

Ngoài ra, người mẹ cũng phải tránh những thức quá béo bở, ẻ bào thai quá lớn khó sinh, và sự khó sinh này rất có ảnh hưởng tới đứa trẻ, có thể nó sẽ bị ngạt vì ra đời chậm. Việc sinh đẻ trước đây khó khăn hơn ngày nay, khoa giải phẫu chưa có để giúp những người mẹ khó sinh.

Cũng để bảo vệ cho bào thai, trái với những điều kiêng ăn trên, người mẹ phải ăn

— Nhiều trứng gà để sinh con có da dẻ hồng hào.

— Nhiều du đủ chín đề lúc sinh được dễ dàng.

TINH THẦN. Nếu người xưa chú trọng tới sự bảo vệ bào thai về mặt thể chất bao nhiêu, thì về mặt tinh thần lại càng phải chú ý bảo vệ bào thai hơn. Lễ tất nhiên sự bảo vệ này cũng qua người mẹ.

Trong lúc có thai người mẹ phải tránh nhìn thấy :

— Mọi cảnh tượng hãi hùng và đau đớn.

— Mọi tranh ảnh bất chính.

— Mọi hành động gian tà của người khác.

Những cảnh tượng, những hành động và những tranh ảnh này tạo ấn tượng trong đầu óc người mẹ, sẽ ảnh hưởng thẳng tới bào thai.

Và người mẹ cũng cần tránh :

— Mọi cử động kém ngay thẳng

— Mọi ngôn ngữ thô bỉ

— Mọi sự xúc động quá mạnh về vui buồn

— Mọi sự nổi giận

— Mọi sự kêu gào

để bào thai khỏi lây ảnh hưởng xấu, nhất là khi người mẹ bị xúc động.

Và để tạo ảnh hưởng tốt cho đứa con sau này, người đàn bà phải :

— nói năng dịu dàng,

— cử chỉ khoan thai,

— luôn luôn tươi cười,

— giữ cho tâm hồn ngay thẳng trong sạch,

— treo trong nhà đề luôn luôn được ngắm, tranh ảnh các vị anh

hùng, các bậc vĩ nhân, các bà mẹ hiền từ cùng những phong cảnh cao nhã thanh khiết.

Người con thụ hưởng khí huyết của người mẹ và với huyết thống tính tình thường đi theo. Người mẹ cần giữ mình để đứa con sau này không bị lệch lạc tâm hồn hoặc có những tính nết kém đẹp.

Và muốn gây sự hoạt bát sau này cho đứa trẻ, trong lúc có thai người đàn bà không nên ăn không ngồi rồi, cần phải có những hoạt động thủ công. Nhiều gia đình khá giả, xưa nay người đàn bà không phải làm lụng gì, trong lúc có thai, bố mẹ và chồng cũng bày đặt công việc để tạo cơ hội cho người này hoạt động. Đây vừa là giáo dục mà cũng vừa là bảo vệ bào thai. Kinh nghiệm cho hay, trong khi có thai ít cử động lúc sinh sẽ khó khăn, và tục cũng nhận thấy những người mẹ nhanh nhẹn thường sinh con hoạt bát.

TÂM LINH.— Người mẹ phải có đức tin để truyền đức tin cho con. Người mẹ phải đi lễ các nơi đình chùa phủ miếu.

— để giữ vững sự tin tưởng của mình đối với Trời. Phật Thần Thánh.

— để cầu giới siêu hình phù hộ cho mình được mạnh khỏe, được mẹ tròn con vuông lúc sinh đẻ.

Các bà tín đồ Thiên Chúa giáo thay vì đi lễ như những người bên Lương, đặt lòng tin ở Chúa và muốn đức tin sau này sẽ vững ở đứa con con trong bụng.

Tóm lại về ba phương diện *Thề chất, tinh thần và tâm linh*, chúng ta thấy người xưa đã chú trọng đặc biệt tới vấn đề thai giáo, vừa có tính cách giáo dục lại vừa có tính cách bảo vệ bào thai.

Phong tục xưa, đánh rằng có điều hay điều dở, nhưng xét cho kỹ những tục lệ về thai giáo, không phải là những điều cần gạt đục khoi trong.

LÂM BỒN.

Lo lắng cho bào thai khi ở trong bụng mẹ, người ta lại càng sẵn sóc cho bào thai, lúc đứa trẻ ra chào đời, nghĩa là lúc người mẹ lâm bồn.

Người mẹ thường sửa soạn thật chu đáo để đón tiếp đứa con, lễ tất nhiên trong việc sửa soạn này, những người khác trong gia đình cũng tham gia vào, nhất là người chồng.

Người mẹ may sẵn tã và quần áo lót lòng cho con. Áo lót lòng thường được kện may bằng những mảnh áo cũ của những người đàn bà để nuôi con để cầu may được lấy sự dễ nuôi con này. Nếu đây là một cặp vợ chồng đã từng có con, và con cái không hề bị sa sẩy đứa nào, người mẹ thường dùng quần áo cũ của vợ chồng mình làm tã, hoặc may áo sơ mi cho con ; tiện nhất là dùng những tã lót của các anh chị đứa bé. Nếu đây là trường hợp con đầu lòng, người ta đi xin những áo lót lòng của các gia đình đông con.

Người ta cũng lại sắm sẵn một chiếc nôi đất để đựng nhau lúc đứa trẻ ra đời, và ở những gia đình khá giả người ta sắm sẵn cả những đồ

dùng cần thiết cho người mẹ trong lúc mới sanh :

— Than củi để đốt nóng, chính do sự đốt than này mà có thành ngữ *năm bếp* để chỉ người đàn bà mới sinh, đang nằm trong buồng kín để tránh gió máy.

— Nghệ để xoa bóp sau khi sinh, ta tin rằng xoa nghệ trừ được gió máy và giúp cho sản phụ khí huyết được lưu thông.

Đối với những gia đình gặp cảnh *hữu sinh vô dưỡng*, người ta nuôi sẵn cả một con chó đen tuyền, lúc lâm-bồn đem giết lấy máu để trừ tà ma.

Và khi gần đến ngày sinh, người đàn bà có thai không bao giờ đi xa, e gặp cảnh *đẻ đường đẻ chợ* không người sẵn sóc. Và theo sự kiêng kỵ cổ truyền, người ta kiêng không cho người lạ đến sinh tại nhà mình. Chỉ những người trong nhà, đã thụ thai ở trong nhà mới có thể ở trong nhà được.

Phương ngôn có câu *sinh dữ tử lành* và ta cho rằng có người đến sinh tại nhà mình là một điều không hay.

Sự kiêng kỵ này chính ra cũng chỉ là một cách gián tiếp bảo vệ sản phụ và hài nhi. Chính vì sự kiêng kỵ này mà những người đàn bà sắp đến ngày sinh không dám đi đâu xa e bất thần chuyển bụng khó tìm được nơi lâm bồn. Sinh đẻ là khó khăn, là quan trọng, sản phụ phải sinh ngay ở nhà mới đủ sự sẵn sóc của gia đình. Tục lệ đặt ra sự kiêng kỵ

người lạ tới để ở nhà mình, phải mượn lý do siêu hình, chính ra có lẽ muốn tránh cho sản phụ khỏi phải lâm bồn trong một hoàn cảnh thiếu thốn có hại cho cả mẹ lẫn con, vì sinh đầu cho bằng ở nhà có sự sửa soạn từ trước lại có sự sẵn sàng của chồng con và các người thân khác !

Khi lâm bồn trước đây có những bà mụ chuyên môn giúp đỡ theo những cách thức cổ truyền, — lẽ tất nhiên không bằng được các nữ hộ sinh và các bác sỹ ngày nay. Trong lúc sinh, sản phụ thường được cho ăn trứng gà và cháo vừng, theo tục thì cho rằng ăn những thức này để thêm sức lực chịu đựng và dễ sinh.

Đứa trẻ đã ra đời, bà mụ cắt nhau, nhau được để vào một chiếc nôi đất mới đã mua sẵn, và được đem chôn ở một nơi cao ráo và phải chôn thật sâu kéo đứa trẻ buồn nôn, lại phải tránh giọt nước mả hiên để đứa trẻ khỏi toét mắt và chốc đầu. Nhau là một phần của đứa bé khi nó nằm trong bụng mẹ, do đó vì khí huyết, những sự đụng chạm tới nhau, phải chăng đã có thể ảnh hưởng cách cảm tới đứa nhỏ !

Chính vì sự chôn nhau, ngày nay ta có thành ngữ nơi chôn nhau cắt rốn.

ĐÓN TAY.— Đứa bé sinh ra, một người nhà chờ đợi bà mụ trao cho đỡ lấy nó để ở mụ sẵn sàng cho người mẹ.

Ta dùng hai tiếng *đón tay* để chỉ việc người nhà đỡ lấy đứa bé. Ta tin rằng đứa bé được ai đón tay, sau

này lớn lên tính nết đứa bé sẽ giống người đó, vì vậy người ta thường kén người đón tay cho đứa bé.

Phải chăng qua việc đón tay, đây là sự đụng chạm đầu tiên của đứa bé với người đời, và nếu người đón tay nó có ảnh hưởng tới tính nết của nó phải chăng là do luồng nhân diện của người này đã truyền sang cho nó do ảnh hưởng của một sự ám thị ?

Và để tạo ảnh hưởng tốt cho đứa trẻ trong mai hậu, người xưa thường kén người đón tay, kén cẩn thận như kén người trải giường chiếu cho cô dâu trong buổi động phòng vậy.

SỰ KIÊNG KHEM CỦA SẢN

PHỤ.— Đứa trẻ đã ra đời, lúc này là lúc người mẹ cần sẵn sàng để được phục hồi sức khỏe ngõ hầu có thể nuôi con đầy đủ bởi sữa mẹ.

Người mẹ lại phải kiêng khem rất nhiều. Ta có câu : *Ăn miếng ngon, chồng con trả người.* Người mẹ phải dè dặt trong vấn đề ẩm thực. Của ngon thường là của độc, khí huyết của người mới sanh, theo các cụ gọi là còn *non*, nếu không kiêng khem ăn uống bữa bãi sẽ sinh bệnh. Trước đây các sản phụ Việt Nam chỉ ăn cơm với muối rang hoặc nước mắm chưng với trứng cáy.

Theo Đông y, các bà mới sinh dễ mắc bệnh, phải kiêng đồ đặc, nhưng cần phải bổ dưỡng bằng thuốc bổ.

Sản phụ lại phải kiêng gió, nhất là gió lùa và phải nằm trong buồng kín có đốt lửa. Người ta thường đốt lá sơn để tránh sự nhiễm độc.

SẢN SỐC TRẺ SƠ SINH. —

Nuôi trẻ sơ sinh thật vất vả và phải hết sức cẩn thận. Ta thường nói *nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa*, thật đúng khi nói tới sự sản sóc và nuôi nấng một em bé sơ sinh.

Phải cưng em bé như trứng mỏng. Em bé yếu đuối mỏng manh lắm, một luồng gió, một tiếng động cũng làm cho em bé giật mình và khóc, và có thể vì đó sinh sài sinh đẹn.

Phải bảo vệ em bé chống mọi sức mạnh hữu hình hoặc vô hình có thể làm hại tới em được, nhất là trong những ngày đầu tiên.

SỮA BÚ. Mới sinh con, người sản phụ chưa có sữa ngay, phải chờ sữa về trong vài ba ngày.

Trong lúc chờ đợi, phải nhờ hàng xóm ai tốt sữa cho bú chực, và sau đó những gia đình khá giả thường mượn vú nuôi. Mượn vú nuôi, người xưa cũng kén người vì ta tin rằng đứa trẻ bú sữa người vú có thể giống tính nết người vú được. Điều này có phần nào đúng, đứa trẻ có một đôi phần giống tính nết người vú, không biết có phải vì bú sữa không, nhưng riêng việc người vú ngày đêm gần gũi đứa bé và sản sóc cho tới khi nó lớn, lẽ tất nhiên nó phải chịu phần nào ảnh hưởng của người vú.

Hai ba ngày sau khi sinh, sữa về, vú người mẹ bắt đầu căng sữa. Muốn có nhiều sữa nuôi con, người mẹ dùng lá mít rửa vú, — lá mít khi ngắt khỏi cây, ở cuống đọng những giọt nhựa trông như sữa. Người mẹ phải ăn cháo thông thảo, một vị thuốc Bắc, nấu với ngó sen và chân giò. Các cụ giải thích :

— Thông thảo làm thông những tia vú sữa.

— Chân giò và ngó sen đều có tính chất làm cho người mẹ có nhiều sữa.

SỨC MẠNH HỮU HÌNH. —

Đây là tất cả những sức mạnh bên ngoài ta có thể nhận thấy được, và những sức mạnh này có thể gây ảnh hưởng không hay cho đứa trẻ :

Tiếng động mạnh làm đứa trẻ giật mình ;

Ánh sáng làm đứa trẻ lè mắt;
Bụi bặm làm đứa trẻ nháy mắt.
Gió máy làm đứa trẻ sinh bệnh tật, v.v...

SỨC MẠNH VÔ HÌNH. —

Trong việc bảo vệ hài nhi chống sức mạnh vô hình mới là điều khó khăn.

— Đứa trẻ dễ phải giờ *quan sát* hoặc giờ *kim sa thiết tọa*, khó nuôi, phải cúng giải giờ.

— Khi mang một đứa trẻ từ một nơi này đi nơi khác, sợ tà ma ám ảnh, người ta hoặc bôi nhọ chào lên trán đứa nhỏ để làm đứa nhỏ xấu xí đi. hoặc cầm con dao cái kéo hay chiếc đĩa đi theo để bảo vệ cho đứa trẻ.

— Gặp người lạ dữ vía, đứa trẻ hay khóc người ta đốt vía, hoặc khi người lạ còn có mặt, người ta cầm bó lúa ném xuống đất nơi trước mặt người này, đứa trẻ sẽ ngưng khóc.

— Đứa trẻ ngứa tịch mình mây phải cúng ma tị.

— Đứa trẻ lên đậu, phải treo ngoài cửa ngõ một bó vàng và trồng một cây lá ráy, hoặc cài một cành kinh giới để giữ mệnh cho nó.

— Đứa trẻ có thể vì ảnh hưởng vô hình hay đau ốm, phải nhờ người bế nó chui qua chiếc sàng đám tang một người già, để ma bệnh đi theo đám tang đứa trẻ sẽ khỏi bệnh và sống lâu.

CÁC PHƯƠNG THUẬT. —

Đây là những cách dựa vào siêu hình hoặc kinh nghiệm để bảo vệ cho hài nhi. Ở trên, đã được nêu lên một số trường hợp chống lại những sức mạnh vô hình hoặc hữu hình có thể xâm phạm tới trẻ em. Dưới đây là một số các phương thuật :

— Khi đứa trẻ ngủ lì không dậy, người ta xin vài cái tóc mai của người khác họ phẩy vào miệng nó, nó sẽ thức tỉnh.

— Đứa trẻ hay trớ, nghĩa là hay nôn mửa, lấy nước lòng đỏ cho nó uống.

— Đứa trẻ nấc, lấy ngọn lá trầu không dán vào thóp nó;

— Đứa trẻ lười rốn, mượn kẻ ăn mày cầm gậy chọc vào

— Đứa trẻ hắt hơi, nói *sống lâu trăm tuổi*, cầu cho nó thọ.

— Có đứa trẻ cứ đêm đêm là khóc, khóc suốt 3 tháng 10 ngày, ta gọi là *khóc dạ đề*. Muốn chữa phải mượn một người khác họ lấy chiếc cộc chuồng lợn ném xuống gầm giường.

— Đứa trẻ mắc bệnh sài môn nghĩa là ngày càng gầy còm chỉ còn da bọc xương, mang nó ra kéo lê chung quanh một mả mới đề bỏ cái sài ở lại nơi mả này.

Trên đây là một số các phương thuật, hoặc tự mắt chúng tôi đã trông, hoặc tự tai chúng tôi đã được nghe chúng tôi xin thuật lại. Viết lại đây những phương thuật này, chúng tôi không có ý khuyến khích mọi người trong sự mê tín dị đoan. Chúng tôi cũng không nói đúng hay sai, sợ phạm tới lòng tin của người khác.

Ngoài sự bảo vệ sinh mệnh, sức khỏe, người ta còn bảo vệ cả tính nết của trẻ em. Khi đưa con cho người khác bế, người ta kiêng không đưa qua cửa sổ, e lớn lên đứa trẻ sẽ trộm cắp, trèo tường vượt cửa. Khi cho con bú chực, người ta cũng kén người tốt tính v.v...

Trong những gia đình khó nuôi con, sinh con, người ta đem bán khoán, nghĩa là đem bán đứa con cho Thần Phật, nó thành con của Thần, Phật không sợ tà ma bắt đi.

Ta lại còn tục *bỏ chợ bỏ đường*. Gặp đứa trẻ quặt quẹo hay đau ốm, người ta đem nó ra bỏ ở ngã ba đường hoặc ở giữa chợ, rồi nhờ một người khác bế nó về. Người ta tin rằng làm như vậy, đứa trẻ hết chịu

ảnh hưởng xấu về siêu hình của bố mẹ sẽ dễ nuôi hơn.



Chúng tôi xin ngừng bút ở nơi đây vì phạm vi một bài trong một nguyệt san, tuy trong vấn đề bảo vệ và giáo dục hài nhi theo tục tập cổ truyền cũng còn nhiều điều đáng nói¹.

Qua những điều chúng tôi vừa trình bày, hẳn quý vị nhận thấy mạng một hài nhi là đáng quý dù chỉ mới là bào thai. Người xưa bảo vệ bào thai, bảo vệ hài nhi rất cẩn trọng, có bao giờ ai nghĩ tới việc tiêu diệt ngay mạng sống con người từ tinh trùng từ noãn tử, nghĩa là từ những yếu tố tạo thành con người như ngày nay đâu.

Chúng tôi cũng đồng ý là cần tránh nạn đói kém, nạn nhân mãn, nhưng thực ra với dân số 17.000.000 trên miền nam nước Việt, sao đã gọi là đông ! Mà nếu có vì lý do gì muốn giảm bớt đi 1/10 chúng tôi nghĩ rằng chúng ta không có quyền hy sinh những cái gì sẽ trở thành bào thai,

cái gì sẽ là tương lai của đất nước, mà chúng ta cần trừ khử 1/10 đó trong những hạng :

— Đại tiều tham nhũng gây tai hại cho đất nước.

— Đại tiều Việt gian công răn cắn gà nhà.

— Đại tiều gian thương làm suy sụp nền kinh tế Việt Nam

— Cao bồi, du đảng làm đảo lộn trật tự xã hội.

— Cờ bạc, ma túy làm suy yếu tinh thần dân tộc.

— Ma cô dặt gài cho các quan lớn và ngoại nhân làm bại hoại phong hóa.

— Quá vọng ngoại, coi rẻ tất cả những giá trị truyền thống của dân tộc làm mất tinh thần tự trị tự cường ;

— Nịnh bợ ngoại nhân; nghe theo lời xúi dục của chúng thì hành những kế hoạch hiểm độc làm lụn bại dân tộc như kế hoạch ngừa thai, phá thai chẳng hạn.

1. Xin đọc *Phong tục Việt Nam* của tác giả.

Nhà thuốc PHƯƠNG - ĐÔNG
KHẢO CỨU THỰC-NGHIỆM ĐÔNG-TÂY Y-DƯỢC

THUỐC BỒ NHẬT
VÔ ĐỊCH

CHINOMOTO

Bán tại các nhà thuốc và 10 Lê-văn-Duyệt Saigon

Điện thoại 20.832 và 20.277

Số KD/BYT/115/1958

TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH

★ NGUYỄN VĂN HẦU

« Vua Tề Cảnh Công đi chơi núi Ngưu Sơn, khi tới phía bắc quốc đô thì ứa lệ, than thở :

— Đạp thay nước ta ! cây cỏ tươi tốt, sum sê, đầm đìa những sương mai kia ! Rồi đây ta phải chết mà bỏ nước này ư ? Nếu tự cỏ không ai chết (mà ta cũng sống hoài) thì ta quyết không bỏ nước này mà đi nơi khác.

Viên sử quan họ Khổng và Lương Khâu Cứ đi theo hầu, đều nhỏ lệ, sầu :

— Bọn hạ thần chúng tôi đội ơn đại vương mà ăn rau ăn thịt, thường ngồi xe xấu ngựa còm, mà còn không muốn chết, hưởng hồ đại vương ».

Đó là hạng vương hầu khanh tề, người ta ham sống đề thụ hưởng đã đành ; còn sau đây là những người cùng khổ, họ đã lâm gần cái chết mỏng mảnh như ngàn cân treo sợi tóc, khó thoát khỏi được, nhưng vì gia đình, con cái, họ cũng tìm cách đề trốn chạy cái chết cho có người được còn :

« Một lúc, Thúc kêu :

— Mỗi lần rồi, mình vịn vào tôi để tôi bơi / Tôi không xóc nổi được mình nữa.

Mấy phút sau, chồng nghe chừng càng mỗi, hai cánh tay rã rời. Vợ khẽ hỏi :

— Có bơi được nữa không ?

— Không biết, nhưng một mình thì chắc được.

— Em buông ra cho mình vào nhé ?

Chồng cười :

— Không. Cùng chết cả.

Một lát, một lát nhưng Lạc coi lâu bằng một ngày.

Chồng lại hỏi :

— Lạc ơi ! Lạc có cố bơi được nữa không ?

— Không !... Sao ?

— Không, thôi đành chết cả đôi

Bỗng Lạc run run khẽ nói :

— Thằng Bò ! Cái Nhón ! Cái Bé... Không !... Anh phải sống » 2.

1. *Liệt Tử và Dương Tử* của Nguyễn Hiến Lê, Lá Bối x.b. 1973.

2. *Truyện ngắn Anh phải sống* của Khái Hưng.

Tâm địa ham sống sợ chết là tâm địa chung của tất cả ai còn tri giác, phi trừ một số trường hợp đặc biệt vì đại nghĩa, cần phải hy sinh, hoặc vì một phần hận nào đó đến cực độ thì không kể.

Người ta muốn sống không phải chỉ đề vì mình mà còn vì ông bà cha mẹ, vợ chồng con cái, nói chung là do một mối dây ràng buộc chặt chẽ của gia đình. Mà gia đình là nền của xã hội đề từ đó mới có thể thành lập được quốc gia.

DƯỚI MÁI GIA ĐÌNH.

Có thể chia thành hai bậc cho mỗi gia đình của người Việt Nam : Đại gia đình và tiểu gia đình. Đại gia đình gồm tất cả những người trong bà con dòng họ do cùng một ông tổ sanh ra, họ sống dưới những túp nhà riêng nhưng cùng chung huyết thống nên cũng được gọi là một gia tộc. Còn tiểu gia đình thì trong đó có vợ chồng, cha mẹ, con cái cùng sống dưới một nếp nhà, quần quít bên nhau.

Nếu lấy gia trưởng làm trụ của gia đình mà kể theo tích đề tế tự kể truyền¹, thì trên đó là cha mẹ (phụ mẫu). Trên cha mẹ là ông nội bà nội (tổ phụ và tổ mẫu). Trên ông bà nội là ông bà cụ hay ông cố bà cố (tăng tổ phụ mẫu). Trên ông bà cụ là ông bà kị hay ông sơ bà sơ (cao tăng tổ phụ mẫu). Đó là cấp trên. Tính xuống cấp dưới thì còn có con, cháu, chắt, chít, chít.

Bỏ chiều dọc mà tính theo chiều ngang thì đồng hàng với gia trưởng là anh em, chị em ruột thịt (bào huynh bào đệ hay bào tỉ bào muội). Anh em trai của cha gọi là bác, là chú (bá phụ, thúc phụ). Chị em gái của cha gọi là cô (cô mẫu). Con của bác hay của chú mình, được coi bằng hàng với mình, thì gọi nhau là anh

em, chị em chú bác (tông huynh đệ, tông tỉ muội).

Ngoài họ nội nói trên, còn có họ ngoại. Họ ngoại cũng có đủ bậc kể theo chiều dọc, ngang như trên, nhưng là những người ruột thịt với mẹ. Họ tuy không cùng một tông tộc, không chung ở một nhà, nhưng vẫn được coi nhau là thân quyến và thường cùng chia sẻ sự vui buồn với nhau. Xem trong thời gian phong kiến cụu trào, tội tru di tam tộc không dung cho những người bên ngoại thì đủ biết sự liên hệ mật thiết là bao.

Trong những cuộc quan, hôn, tang, tế, dưới mái gia đình cũng không hề thiếu vắng sự chia cay xè ngọt của họ bên ngoại. Tuy có câu tục ngữ.

*Bên ngoại thương đại thương đột
Bên nội không vội gì thương.*

Đề nói về cái khinh cái trọng, của đôi bên nội ngoại và tuy trên thực tế bên nội bao giờ cũng có một tầm vóc quan trọng hơn bởi sự được kế truyền dòng họ, được tang tế phụng tự. Nhưng bên trong thâm tình thì

1. Pierre Varet : *Au pays d'Annam les Dieux qui meurent*, Édition Eugène Figuière, Paris.

nội ngoại cũng ngang nhau và đôi khi còn mặn mà thăm thiết lắm.

Ta còn có câu hát của mấy em bé ngây thơ chân thành :

Con chim se sẻ,

Nó đẻ cọt đình.

Bà ngoại đẻ má

Má đẻ mình em ơi !

Nhưng chưa hết. Dưới mái nhà thân yêu trong những dịp cúng giỗ tổ tiên hay những ngày cát khánh, người ta còn thấy có mặt cả những anh em rề và những chị em dậu. Họ là những chồng hoặc vợ của anh em chị em mình. Họ lắm khi được ở chung luôn với cha mẹ vợ (gọi là gả giao ở hay là gả bắt rề) hoặc ở mãi với cha mẹ chồng (con út thừa tự). Bởi mỗi liên lạc bắt từ một nguồn mà ra đó, có khi nảy nở chẳng chịt càng lúc rộng lớn, khiến cho những dòng họ giàu có "rân rạc", người ta thấy có lúc rề tụ đông đảo đến mấy trăm người trong những buổi liên hoan sum vầy. Đó là chưa kể được theo trọn vẹn ý nghĩa của câu tục ngữ :

Làm sui một nhà,

Biết ra cả họ.

Cái "biết ra" ấy nếu được "bấm tay điểm đầu" thì còn có cả chồng cô, vợ bác, vợ chú. Cô bác chú, còn có ruột và họ. Cô bác ruột là anh em ruột với cha mình. Cô bác họ là anh em thúc bá với cha mình. Vợ bác là bác gái, vợ chú là thím dậu, còn chồng của cô là đượng rề (có miền gọi là chú rề hoặc chú đượng). Lại còn chồng dì, vợ cậu, được gọi là đượng. là mợ. v.v.,

Phải mất nhiều giấy mực đề mới kể ra cho hết được cái cảnh "lang quế đặng phương", cái dây "qua cát liền tình" của một gia đình cổ cự và sung túc mà ngữ vựng xưa gọi là vọng tộc.

SỰ THÀNH LẬP GIA ĐÌNH

Xã hội Việt từ xưa, sự định vợ gả chồng cho con cái là do quyền năng tuyệt đối của người làm cha mẹ. Cha mẹ "đặt đầu ngồi đó" bởi vì «áo mặc sao qua khỏi đầu». Nhưng không phải vì vậy mà cha mẹ quyết định một cách bừa bãi. Chính ở cái quyền năng tối thượng đó của cha mẹ hóa cho nên cha mẹ càng coi đó là một trách nhiệm thiêng liêng. Phải chọn lựa làm sao, phải lo lắng thế nào để cho sự thành hôn của đôi trẻ là một xứng đáng vừa ý mới được.

Tập tục môn đương hộ đối, hoặc mua heo chọn nái, cưới gái chọn dòng đã được coi như quyền sở "lập thành" từ bao đời kiếp mà bổn phận cha mẹ không thể làm gì khác hơn. Tập tục đó, một là muốn cho nền nếp con nhà gia giáo được ngang nhau hầu sau này dễ bề uốn nắn dạy sửa (chứ không chỉ hoàn toàn vì địa vị xã hội trọng khinh như người ta tưởng), hai là để khi sanh con đẻ cháu truyền đời, chúng sẽ do truyền thống đức độ, thông minh, mẫu mực mà kể thế (mục đích chính yếu của sự thành lập gia đình ngày xưa là vấn đề kế thế).

Cha mẹ đã có quyền quyết định như vậy mà bổn phận của kẻ làm con, theo truyền thống, cũng tự cảm thấy phải vâng chịu

như vậy mới đúng. Họ cũng biết yêu và có quyền thờ lộ niềm yêu chứ không hoàn toàn mất hẳn tư cách cá nhân. Nhưng chỗ đứng của cá nhân hạn hẹp, mà quyền quyết định tối hậu phải là cha mẹ. Ta hãy nghe một chàng trai học bậc nổi niềm :

*Đi ngang nhà má
Cái tay tôi xá,
Cái cẳng tôi quì,
Lòng thương con má,
Có sá gì thân tôi !*

Và một chút tâm tư của người con gái :

*Phụ mẫu sở sanh,
Đề cho phụ mẫu định.
Em đâu dám tư tình,
Cãi lịnh mẹ cha.*

Rốt lại thì mục đích của sự thành lập gia đình vẫn là để nối dõi tông đường, mở rộng họ hàng tông tộc. Không đạt được mục đích đó là không làm xong nghĩa vụ thiêng liêng của người làm con, là bất hiếu. Việc trọng nam khinh nữ phần lớn cũng nảy sanh từ mục đích này :

*Nhất nam viết hữu,
Thập nữ viết vô.*

Trong bảy tội mà người chồng có quyền bỏ vợ được, gọi là « thất xuất », trong đó có tội không con được liệt vào hàng đầu.

SỰ HY SINH CHO GIA ĐÌNH

Như chúng ta đã thấy, người phương đông, đặc biệt là dân Việt-Nam, sống là cho gia đình dòng họ nhiều hơn là cho mình. Không chỉ về cách đối xử, sự hi sinh để đẹp lòng người sống, mà đến cả cho kẻ chết nữa, cũng vậy :

*Sống vì mồ mã,
Không sống vì cả bát cơm,*

Những oán thù lưu liên truyền kiếp mà con cháu cảm thấy là chuyện sanh tử phải thanh toán cho xong, còn nhan nhản đầy khắp, cũng là vì cái hi sinh cho dòng họ, gia đình. Ai dám xúc phạm tới danh dự gia đình, tiền đồ, thì người ấy dám chuốc một thù oán tối đa, vì người bị xúc phạm thà bị thua thiệt riêng mình chứ không ai đánh đề gia đình bị mang tiếng nhục nhơ hèn ố.

Biết bao nhiêu là tấm gương hy sinh cho gia đình dòng họ : Người ta thủ tiết đến chết là muốn đề tiếng thơm dòng họ (chuyện bà mẹ ông Tấn Cao chặt tay vì có tên Chánh Tổng nắm lấy là một). Người ta trì chí tu hành cũng là muốn cứu vớt tổ tông (Nguyễn đem công quả tu hành, cứu trong tông tổ vắng sanh liên đài — Phật). Người ta cố gắng làm nên danh phận, cốt ý không ngoài hiên dương cha mẹ (lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiên phụ mẫu, hiếu chi thì dã. — Nho). Rồi cho con, cho cháu, cho chồng, nhất nhất người ta đều vì cái mối liên hệ mật thiết của gia đình mà hi sinh.

Hãy xem cái hi sinh vì con mà người ta đã kí thác vào con cò trình bạch.

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao !
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong,
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Rồi người ta hy sinh cho chồng, như gương hi sinh kham khổ của bà Bùi Hữu Nghĩa và bà Trần Tế Xương.

Ta hãy nghe ông Thủ Khoa Nghĩa kể về cái đức hi sinh của bà vợ ông :

*Ngã bần khanh năng trợ, ngã oan
khanh năng minh, triều quận đồng
tri khanh thị phụ.*

*Khanh bịnh ngã bất bấy, khanh tử ngã
bất táng, giang sơn ưng tiểu ngã
phi phụ.*

(Tôi nghèo mình lo giúp, tôi oan
mình lo kêu, làng nước đều khen người
vợ tốt.

*Mình đau tôi chẳng nuôi, mình
chết tôi chẳng chôn, non sông đáng thẹn
đứa chồng tôi).*

Và ông Tú Vĩ Xuyên ngâm ngợi
cái tài trí của người hiền nội :

*Quanh năm buôn bán ở mom sông,
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò nơi quãng vắng,
Eo sèo mặt nước buổi đò đông !*

Tất cả đều là cho gia đình. Cho
cái thừa tự kế truyền tốt đẹp bất
diệt của gia đình. Cho một cách thiết
tha thành thật, không so đo, không
lừa đảo. Cho một cách tự nguyện chứ
không bị một ai nài ép bắt nạt mình.

THỪA TỰ CỦA GIA ĐÌNH

Qua một đoạn trên, chúng ta
được thấy rõ mục đích của hôn nhân
theo quan niệm Phương đông xưa là
để duy trì tông tộc. Tông tộc có duy
trì thì sự thừa tự mới có và mới còn
hoài hoài từ đời này sang đời kia.
Còn gì buồn lòng cho bằng khi mồ

hoang đất sụp, cây cỏ mọc lan và từ
đường đồ nát lạnh ngắt khói hương !

« Đó là kiếng họ thất nhưn bất
đức, tuyệt tự vô hậu ». « Đó là cây
khô không lộc, người độc không con ».
Những câu nói ấy là những câu có
sẵn thành khuôn rập trên đầu lưỡi
của thế nhân dùng chỉ những
kiếng họ tàn hoại, không ai thừa
tự.

Bởi nóng lòng nối dõi, sợ có sự
tuyệt hậu mà có kẻ hứa hôn cho con
từ khi hai bên trẻ con còn nhỏ, hoặc
đã tảo hôn. Người ta đã hướng dẫn
khuyến khích sự ăn nằm của con cái
để mà chóng thấy cháu đầu, để mà
không còn sợ cái nạn tuyệt hậu. Vì
tuyệt hậu là một tội lớn, lớn vào hạng
nhất. Có ba tội bất hiếu mà tội đứng
hàng đầu là tội không con trai nối dõi
(bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại).
Cái cảnh tre khóc măng là đau khổ
lắm, và có măng nào mà tự muốn
héo tàn trước tre đầu ! Thế nhưng
con chết trước cha mẹ là một cái tội
khác nữa, « cần phải đánh đòn xác
chết trước khi đem chôn ». Lại như
con dâu cưới về mà không sanh được
thừa tự cho nhà chồng, thì người con
dâu đó bị đề bỏ mà không có quyền
gì kêu ca. Tục lệ cầu tự từ, phủ này
am nọ, cũng như được lấy thêm vợ
lễ đề kiếm con, cũng bắt nguồn từ
những bước cổ gắng thường trực của
hai đảng trai gái, cho nên ai nấy đều
coi như là một lẽ tự nhiên, một sự
cần thiết không có gì đáng trách cứ.

Quan điểm « sự vong như sự tồn »
của Nho giáo, hoặc « Vu lan báo hiếu »

của Phật giáo đã góp thêm cho dân tộc sự cần thiết phải có cố gắng trả nghĩa cha ông của những ai còn lại trong tư cách thừa tự của gia đình. Lúc sống người ta được gia đình săn sóc che chở và cung cấp cho mọi thứ nhu cầu, thì khi chết người ta cũng thấy là cần thiết phải có gia đình để chăm nom giùm cho vùa hương bát nước, cho linh hồn khỏi bị phiêu bạt dạt dờ.

Bởi vậy truyền thống gia đình là một sức hấp dẫn thần diệu cho người Phương đông. Họ phần khởi, hoạt động say mê, ít thoái thác, nhờ bởi gia đình là nguồn vui lại lắng như nước nguồn tiếp tục « bốn lưu đảo hải », hoài hoài không ngớt. Cho nên khi sống ngoài gia đình, hay có lúc vì lẽ gì đó mà bị gia đình ruồng rẫy, hoặc bị cô độc không gia đình, thì người ta tự thấy là kẻ bơ vơ, lạc lõng và dễ dàng trở nên trụy lạc.

HẠN CHẾ SINH SẢN MÀ KHÔNG CÓ HẠI CHO TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH

Nhìn vào tổ chức gia đình lớp trước, có người đã chê trách là quá gò bó, chèn ép và kẻ bị chèn ép nặng nhất là người đàn bà. Nhưng cũng có người khen ngợi, bình vực cho truyền thống đó và cho đó là một hy sinh tự nhiên của tình cảm : vì nhau, nhường nhau để làm tốt cho nhau. Điều đó ở đây chưa thuộc phạm vi thảo luận. Điều cần nhìn thấy là phải có sự cần thiết trong cái mối « truyền thống gia đình ». Con người trong xã hội dân chủ tự do có nhiều quyền tự do thật

nhưng người ta không dễ mà tự do phá vỡ truyền thống gia đình. Chủ nghĩa tam vô cố biến con người thành những cái máy bạch tuột tình cảm, đã bị thất bại xiềng niềng mà ai cũng đã thấy rồi. Đạo « Luật định » gần đây nói lên sự « phong xả » cho phụ nữ, nhưng giới được cho thêm quyền đã có muốn phá vỡ cái cũ để « lướt tới » không, đó là điều hiển nhiên trước mắt !

Giữa lúc nhu cầu vật chất tăng vọt, nạn nhân mãn, nạn thiếu nhiên liệu, nạn đói nghèo tràn lan, người ta phần đông ai cũng có mối lo rồi đây không nuôi nổi miệng trong đó có những cái miệng mới được và sắp được sản xuất từ từng cặp vợ chồng. Cho nên người ta đã tìm cách hạn chế sanh sản. Vấn đề hạn chế sanh sản không phải là mới mà từ xưa vẫn đã có rồi. Người xưa có ý thức trung hòa, vừa ý thức bảo tồn truyền thống gia đình, vừa tiết chế nhục dục theo thiên lương nhân đạo. « Không có hiện tượng cấm cản nhục dục mà chỉ có hiện tượng ý thức chỉ huy và tiết-chế nhục-dục »¹. Người ta đừng quên nhớ rằng truyền thống gia đình vẫn phải là giá trị căn bản không thể dứt mất. Và nhân bản của con người cho thấy phải tôn trọng đức hiếu sinh. Phản lại đức hiếu sinh là phản lại nhân bản. Tiết chế trong nhân đạo, giới hạn mà không sát hại, không vì các nguyên nhân xa gần làm hao hụt

1. *Nếp sống tình cảm* của Lê Văn Siêu, Hương Dương xb. 1956.

lòng hiếu sinh, thì bất cứ sự hạn chế nào đều vô hại không riêng về hạn chế sinh sản.

Vì lòng hiếu sinh mà người ta thiết tha với cái sống, như vài trường hợp đã thấy ghi ở đoạn đầu bài, cũng vì đức hiếu sinh mà người ta không đánh sát hại sinh mạng (*nhất bất sát sanh — Phật*), không đánh ăn thịt sanh vật khi nghe thấy chúng kêu ca (*văn kì thính bất nhĩn thực kì nhục — Nho*) và cho cả đến việc ăn chay, người ta có thể ăn sữa (tuy sữa vẫn phát xuất từ máu thịt) nhưng không thể ăn trứng (dầu trứng cũng từ trong máu thịt mà ra). Bởi vì sữa không là chủng tử sản xuất sinh mạng mà trứng thì lại khác, sẽ nảy nở sinh mạng.

Tinh thần trường dưỡng gia đình, muốn cho gia đình phát triển

không bao giờ dứt, người ta bất cứ ai (kể cả những người tu Phật chủ trương không tạo nghiệp và cầu muốn giải thoát luân hồi : Không cần mối mà cũng không làm mai dong) thấy đều ước muốn cho dòng dõi mình còn và kiếng họ của mình luôn luôn "rắn rạc" mà không một ai muốn trái lại.

Tôi đã được đọc hằng chục gia phả từ vài mươi năm trở lại đây trong các gia đình cổ cựu tôi thấy hầu hết, tại phần đầu hoặc ở phần cuối gia phả, đều có những câu mà lời ý đại loại như sau :

«Vây chúng ta phải noi gương tông tổ, làm phước làm đoan, để cho kẻ tự được miên trường, con đàn cháu đống, đời đời truyền nối nơi Đại mô (Lê, Trần, Nguyễn...) Phủ Đường».



HEPATOMAX

Bào chế bằng nước cốt gan bò

☐ THƠM NGON. NGỌT

☐ BỔ HUYẾT, BỔ GAN

☐ DA DẼ HỒNG HÀO

TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Mua ở : Tân Hóa Dược Cuộc Công Ty — 601 — Lê.V Duyệt, Saigon

cha mẹ sinh con trời sinh tính

□ LÊ THANH QUẾ

Câu nói trên đây rất gọn ghẽ nhưng gói ghém tất cả các viễn tượng tự nhiên cũng như siêu nhiên cao, cả về con người. Nói tới cha mẹ sinh con là đã giả thiết có vấn đề giáo dục sinh lý, tình yêu, hôn nhân và các giây liên hệ giữa cha mẹ và con cái, Tuy nhiên con người không chỉ là thể xác như vật chất hoặc các sinh vật khác mà còn có phần tinh anh siêu việt do Trời phú cho và đó là Tính. Tính đó là Thiên mệnh như sách Trung Dung ghi :

Thiên mệnh chi vị tính (TD, 1)

Trời hoặc Thiên ở đây phải được hiểu theo viễn tượng của quẻ Kiền (thuần Kiền) trong kinh Dịch, nói khác đi, đó là Thái Cực. Thoán từ quẻ Kiền viết :

Kiền : Nguyên, hanh, lợi, trinh.

Kiền là Trời, thuần dương, cường kiện; nguyên : nguyên ủy và lớn lao hanh : hanh thông, lan tỏa muôn nơi thấu nhập cùng khắp; lợi : cần ích, thiết yếu; trinh : chính đính, lâu bền, vĩnh cửu. Kinh Dịch còn diễn tả Trời bằng danh hiệu khác, đó là Thái cực

Dịch hữu Thái-Cực,

thị sinh lưỡng nghi,

Lưỡng nghi sinh tứ Tượng,

Tứ Tượng sinh Bát Quái,

Bát Quái sinh vạn vật.

Cùng trong khát vọng tìm về nguồn gốc tối chung đó, Lão tử lại gọi Trời

bằng Đạo, Vô hoặc Vô danh vì Trời đó thật tinh ròng, huyền nhiệm và siêu việt không thể diễn tả hết được bằng lời, hoặc bằng bất cứ danh hiệu nào. Vì nếu Đạo cao cả như vậy mà có thể diễn tả được bằng lời thì không còn phải là Đạo nữa :

Đạo khả Đạo phi thường Đạo

Danh khả Danh phi thường Danh.

Thế nên Lão tử tạm gọi Trời, Đạo là Vô danh, là nguyên ủy của người, và vũ trụ :

Vô danh thiên đại chi thủy,

Hữu danh vạn vật chi mẫu (ĐĐK, 1 và 52)

Thiên địa vạn vật sinh ư hữu,

Hữu sinh ư Vô (ĐĐK, 40).

Như thế, tất cả nguồn gốc con người và vũ trụ được diễn tả qua quẻ Kiền, Thái cực, Đạo hoặc Vô, hay Vô danh, Thiên, Thiên mệnh... mà niềm tin và danh từ Việt ngữ đã gói gọn trong một chữ TRỜI, nên mới có câu : Cha mẹ sinh con, Trời sinh Tính. Thế nhưng hầu hết các sách báo Việt ngữ xuất bản tới ngày nay đều cắt nghĩa nông cạn chữ Thiên, Trời đó chỉ là Thiên-nhiên, luật thiên nhiên, Trời xanh, ông Xanh...

Đằng khác, nếu càng nhìn sâu vào tâm linh con người, vượt qua giới hạn tâm sinh lý, xuyên qua vùng tâm lý chiều sâu (la Psychologie de pro-

fondeur) và tiềm thức (la subconscience) để đạt tới trung tâm huyền nhiệm linh thiêng trong chiều sâu tâm linh của con người bao gồm chữ **Tĩnh**, thì kiểu cắt nghĩa **Thiên**, **Trời** là thiên nhiên tự nhiên, đã bóp méo sự thật và làm mất tất cả những nét cao cả và linh thiêng của con người trong câu tục ngữ:

*Cha mẹ sinh con, Trời sinh **Tĩnh***

Đặt vấn đề tổng quát như vậy là để dễ khai triển cái đề trên lãnh vực «kế hoạch hóa gia đình» qua 3 đề mục nhỏ:

1. Chữ **Tĩnh** trong viễn tượng NHÂN-BẢN TOÀN-DIỆN¹

2. Những vấn đề chung quanh việc ngừa thai.

3. Giáo dục con người toàn diện hơn là chỉ dạy ngừa thai nhân tạo.

1. Chữ TĨNH trong viễn tượng Nhân bản Toàn-diện.

Hơn bất cứ vấn đề nào khác, việc sinh sản cần được lồng trong viễn tượng Nhân-bản Toàn-diện, vì đó là vấn đề quan trọng và trực tiếp liên quan tới bản thân, tới người khác và con người ảnh hưởng vào xã hội. Triết lý bình dân đã đề cao con người trong câu nói sâu sắc: Cha mẹ sinh con, Trời sinh **Tĩnh**.

Thật vậy, trong mỗi người, **Tĩnh** là là điểm móc nối, liên hệ giữa Trời và đất, giữa cha mẹ và Trời cao. **Tĩnh** (gồm bộ tâm đứng và chữ sinh) không thể chỉ hiểu theo nghĩa nông cạn là tính tình, tính nết mà còn phải hiểu chữ **Tĩnh** đó là phần tinh hoa, cao cả và thần linh của con người mở rộng về Trời cao, liên kết với **Thiên mệnh**.

Tĩnh tức là mệnh Trời, sống theo **Tĩnh** tức là Đạo, như sách Trung Dung ghi:

*Thiên mệnh chi vị **Tĩnh**,
Suất **Tĩnh** chi vị Đạo..* (TD, 1)

Lại nữa, Kinh Dịch cũng đã xác nhận thực tại cao cả đó khi viết:

*Cùng lý tận **Tĩnh** dĩ chi ư Mệnh*
(Thuyết quái)

Thấu triệt được lý và đi tới tận cùng cái **Tĩnh** tức là đạt tới mệnh.

Theo chiều hướng đó, Mạnh Tử khởi đi từ **Tĩnh** tới tâm, vươn lên tới Trời và tới độ phụng thờ Trời bằng cách «tồn tâm dưỡng tính»:

*Tận kỳ tâm giả, tri kỳ **Tĩnh** dã,
Tri kỳ **Tĩnh** dã, tác tri **Thiên** hỹ.
Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ **Tĩnh**.
Sở dĩ **Sự** **Thiên** dã* (MT.VII, 1).

Ai biết và thể hiện đầy đủ cái tâm của mình thì biết được cái **Tĩnh** của mình. Biết được cái **tĩnh** của mình thì

1. Muốn biết thế nào là Nhân-Bản Toàn-Diện xin đọc thêm các bài của cùng một tác giả: THANH-QUẾ. **Tìm phát triển theo chiều hướng Dân-tộc và Nhân-bản Toàn-diện** trong nguyệt san **MINH ĐỨC** số 3 (10/11-1962) 144-168.

Tìm Công lý và Hòa bình trong chiều hướng tâm linh, trong MINH ĐỨC số 4 (1/2-1973) 134-146.

Quan niệm con người trong đạo Phật, trong MINH ĐỨC số 6 (6/7-1973) 136-163.

Đâu là hướng đi của Cách-mạng và Phát-triển, trong MINH ĐỨC số 9 (4/5 -1974) 138-150.

ắt là biết được Trời. Giữ lấy cái tâm, nuôi lấy cái Tính, đó là phụng thờ Trời vậy.

Lại nữa, sách Trung Dung còn nhấn mạnh và nói rõ hơn về điều kiện và mức độ tu luyện để thực hiện độ hòa đồng với Trời đất :

*Duy thiên hạ chi thánh, vi năng tận
kỳ Tính,*

*Năng tận kỳ Tính, tắc năng tận
nhân chi Tính,*

*Năng tận nhân chi Tính, tắc khả dĩ
tán thiên địa chi hóa dục,*

*Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục,
tắc khả dĩ dữ thiên địa tham* (TD, 22).

Chỉ có những người chí thành (tức biết mình, biết người, biết trời, trở nên hoàn thiện) mới có thể biết và thể hiện đầy đủ cái Tính của mình. Biết và thể hiện đầy đủ cái Tính của mình mới có thể thấu triệt được cái Tính của người khác. Có thấu triệt được cái Tính của người khác mới có thể giúp trời đất hóa sinh. Có giúp vào công việc sinh hóa của trời đất, mới có thể tham dự, hòa đồng với trời đất.

Đó là hình ảnh con người bao la, cao cả, vươn cao và hòa hợp tới vô cùng, như sách Trung Dung ghi tiếp : con người xét về rộng rãi thì hòa hợp với đất, cao sáng thì phối hợp với Trời :

Bác hậu phối địa,

Cao minh phối Thiên (TD, 26 và 31).

Tuy nhiên, tới đây ta thấy con người được nhìn dưới khía cạnh siêu nhiên cao cả mà chưa nói tới khía cạnh cụ thể là thân xác con người, nên chúng ta còn phải gõ cửa nhà Vương-

dương-Minh (1572-1582) để có cái nhìn bao quát và đầy đủ hơn về con người. Thật vậy, Vương-dương-Minh còn đưa ra một viễn tượng hết sức rõ rệt về nét cao cả và phổ biến của con người đầu đội trời, chân đạp đất, khi ông nhìn từ Thượng-Đế Siêu Việt mà viết :

*Tự kỳ hình thể dã, vị chi thiên,
Chủ-tể dã, vị chi Đế.*

Lưu hành dã, vị chi mệnh

Phủ ư nhân dã, vị chi Tính,

Chủ ư thân dã, vị chi tâm. (Ngữ
lục, I)

Nhìn theo hình thể của tính thì gọi là trời, làm Chúa tể thì gọi là Thượng-Đế, lưu hành cùng khắp thì gọi là mệnh, khi được phủ cho con người thì gọi là Tính, làm chủ nơi thân xác thì gọi là tâm.

Như thế, chắc thì hào Nggyễn-Du đã phân tích và hiểu kỹ lưỡng theo giòng tư tưởng trên đây nên đã đề cao con người bằng cách nhấn mạnh chữ tâm khi viết :

Thiện căn ở tại lòng ta

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài
(Kiều).

Từ tâm ta phải tìm ngay về Tính và từ Tính ta tìm ra mệnh Trời và tìm gặp Thượng-Đế trong chiều hướng tâm. Chính vì hiểu thấu cái tâm sâu thẳm và cao rộng đó, nên triết lý bình dân đã diễn tả khéo léo qua ca dao

Thức lâu mới biết đêm dài.

Ở lâu mới biết lòng người có nhân.

Cái tâm con người mang sẵn thiện căn nhưng đồng thời cũng là nơi phát sinh bao điều gian ác, tham lam, sắc dục, nham hiểm, bạo động là những

căn cứ làm cho con người làm lu mờ cái tinh trong mình và làm cho con người xa nhau, kinh địch nhau. Thế nên trong Tam tự kinh mới nói : «Tinh tương cận, tập tương viễn». Còn ca dao tục ngữ thì đi sâu vào nội tâm :

Sóng sáu còn có kẻ dò

Lòng người nham hiểm ai đo cho cùng.

Hoặc nói một cách bình thản hơn về chiều sâu thâm kín của lòng người như : dò được sóng được biển, ai dễ dò được lòng nhau. Ngày nay, nhờ khoa học và kỹ thuật, con người đã đặt chân lên cung trăng, lên tới Hỏa tinh hoặc tiến xa tới đầu đi nữa, con người cũng vẫn là một huyền bí đối với khoa học và đối với khoa phân tâm (Psychanalyse),

Trình bày qua như trên, chúng ta đã thoáng thấy con người có thể thật cao cả, bao la, trường tồn, không biên giới, không hiện mà vẫn thấy rõ, không động mà vẫn biến, không làm mà vẫn nên việc, như sách Trung Dung xác nhận :

Du cửu du cương

Bất hiện nhi chương

Bất động nhi biến

Vô vi nhi thành (TD, 26).

Muốn được thế, con người phải trở về tìm lại nguồn sống linh thiêng trong nội tâm của lòng mình. Đó là con đường của Thoán truyện quẻ Phục : «Phục, kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ». Trở về với lòng mình thì nhìn thấy trung tâm điểm của trời đất. Một khi đã ở trung tâm hình tròn thì có thể nhìn ra muôn phương. Lão tử

chắc cũng đã suy tư theo chiều hướng quẻ Phục, nên đã diễn tả cách rất gợi hình về khả năng hiểu biết của con người :

Bất xuất hộ, tri thiên hạ,

Bất khuy dũ, kiến thiên đạo.

Kỳ xuất di viễn,

Kỳ tri di thiều (ĐĐK, 47).

Không ra khỏi cửa mà biết được việc người. Không nhìn ra cửa sổ mà biết được đạo Trời. Càng ra xa, càng biết ít.

Áp dụng vào đời sống, chúng ta có thể nói rõ hơn : Nếu con người không biết hướng nội thì khi càng hướng ngoại càng chạy trốn mình, càng tự vong thân (aliéné), Trái lại, nếu biết trở về với lòng mình thì dễ biết chính mình và biết Trời. Đức Ki-tô cũng nói một câu xác thực theo chiều hướng đó : Hạnh phúc cho những ai có tâm hồn thanh sạch thì sẽ được thấy Thượng-Đế (Mt. 5,8).

Sở dĩ con người đạt độ cao quang, phổ biến như vậy là nhờ có phần tâm, tính và mệnh Trời và chính Thượng-Đế trong tâm hồn mỗi người : «Thiên lý tại nhân tâm, vũ trụ tiền thị ngô tâm». Thế nên càng tìm về tâm, tính sâu thẳm và cao quang, nơi gồm tóm thiên địa, con người càng đi sâu vào nguồn vui bao la, an thái như Mạnh-Tử xác nhận :

Vạn vật giai bị ư ngã,

Phản thân nhi thành,

Lạc mạc đại yên (MT, VII, 4).

Chính ở điểm này mà Triết Trung-Hoa, Ấn độ và Kinh Thánh đều gặp gỡ

và bắt tay nhau trong đềm hòa đồng giữa Trời và người : Trời với ta tuy hai mà Một. Thật vậy theo dòng tư tưởng Ấn độ từ Veda, Upanisad qua Bhagavad-Gita tới Vedanta thì tiểu ngã (Atman) cũng là Sat (có, hữu), Cit (tâm thức), và Ānanda (hạnh phúc) nên mới có thể thành một với Đại ngã (Brahman) là SAT, CIT và ĀNANDA Tuyệt đối. Trong một Upanisad, người ta còn xác định trong thâm cung sâu xa của mỗi người mà đau khổ và thần chết không thể vượt qua ngưỡng cửa của thâm cung đó. Thế nên con người mới cảm thấy thanh lặng an thái vô biên.

Đặng khác, vẫn theo dòng tư tưởng Kinh Dịch, con người cao cả và linh lợi như vậy là vì con người là Đức là năng lực của Trời, đất :

*Kỳ nhân giả : thiên địa chi đức,
âm dương chi giao
quỷ thần chi hội.*

Sách Trung Dung cũng đã giải rộng chữ Tính trong con người là Đức của Trời đất :

Tính chi đức dã (TD, 25).

Nói về Đức thì sách Đại học khuyên ta nên làm sáng cái Đức sáng, tức nguồn năng lực siêu phàm tiềm ẩn trong ta; *minh minh đức, tại chỉ u chi thiện.*

Đó là tất cả cou đường tu thân, tích đức nhờ biết hướng nội để trở nên hoàn thiện, đạt độ «chi thành như thần» để được «cùng thần chi hóa», mà Thần thì vô phương. Vô phương là không bị đóng khung vào phương hướng nào cả, không đo lường được :

«Âm dương bất trắc chi vị thần» (HT thượng 8). Tới mức đó là con người thật phổ biến cao quang, tràn đầy linh lực, là bác hậu phối địa, cao minh phối Thiên, là linh u vạn vật, là linh tại ngã bất linh tại ngã : Nên hay không đều do chính tâm tâm mình.

Vì có liên hệ đó, nên Kinh Dịch đã đi tới kết luận là «Tri nhân tắc tri Thiên». Để biết được người thì cũng biết được Trời. Cụ Nguyễn-Du chắc cũng đã thoáng thấy nét linh lợi, cao cả đó trong con người, nhưng không biết diễn tả thế nào cho hết ý nên chỉ nói là : thác là thể phách, còn là tinh anh. phần tinh anh, cao vời đó trong con người gọi ta liên tưởng tới kiểu tượng hình, bóng bẩy về việc tạo dựng vũ trụ và nhất là con người trong Kinh thánh là con người được tạo dựng nên gồm nam và nữ đều giống hình ảnh Thượng-Đế (Gen. 1,26-27). Con người lúc vừa được dựng nên chưa có sự sống, mới chỉ là xác đất và chỉ có sự sống có thiên mệnh, có Tính, có phần tinh anh khi được Thượng-Đế thổi hơi vào mũi (Gen. 2,7).

Hơn nữa, con người trong thân xác suông dĩ nhiên rất gần với vật chất và các sinh vật khác, nhưng không phải chỉ là tìm hòa đồng với địa, kiểu «bác hậu phối địa» mà thôi. Trái lại con người có phần linh thiêng nên còn phải cho vũ trụ một ý nghĩa, tìm lối thoát cho vũ trụ vật chất như quan điểm của Kinh thánh (Bible) nói là toàn thể vũ trụ đang trông chờ, rên xiết để được giải thoát cùng với tất cả thân xác con người là con cái Trời cao (Rom. 8, 19-23). Cũng ở điểm này mà Kinh Thánh còn nói tới tại sao

chúng ta phải tôn trọng thân xác chúng ta cũng như thân xác người khác. Vì thân xác con người là đền thờ của thần Linh. Thần Linh ở trong mỗi người, đề mọi người đều tồn tại vĩnh cửu (1Cor. 6,19).

Áp dụng vào việc Kế hoạch hóa gia đình : Có nhìn con người trong chiều hướng tâm linh, cao cả và siêu việt như trên, người ta mới thấy trách nhiệm trong việc sinh con, nuôi nấng và giáo dục, mới khiến ta phải tôn trọng thân xác người khác, tôn trọng tình yêu và những biểu lộ của tình yêu qua thể xác, nếu không sẽ chỉ là tình dục suông. Nói nôm na cho rõ thì người ta chỉ thu gợn, bóp méo tình yêu trong việc « làm tình » (to make love, faire l'amour) mà thôi !

Một khi đã nhìn ra khả năng thần thiêng của con người cũng như bao hoàn cảnh, lý do dẫn con người vào vòng sa đọa, tự hủy hoại mình, chúng ta mới thấy việc giáo dục sinh lý, tu thân, tề gia mới thật cần thiết và quan trọng. Một khi đã ý thức như vậy thì các phương pháp hạn chế sinh sản quá máy móc và phi nhân sẽ tự nó phải giảm bớt, nhường bước và chỉ áp dụng cho những con người kém hiểu biết, không đủ ý chí và đạo đức để tự chế hoặc vì bệnh tật hoặc các lý do bất khả kháng khác mà thôi. Linh tại ngã bất linh tại ngã. Trong con người cao cả, tâm linh phải điều khiển thể xác chứ đừng để cho các định luật sinh lý và các dụng cụ nhân tạo xoắn mũi và phá hoại tâm linh.



CƠ - SỞ XUẤT - BẢN
TRƯƠNG - VĨNH - KÝ
(TRONG HỆ-THỐNG SAIGON ÁN QUÁN)

35, NGUYỄN-ĐÌNH-CHIỀU — SAIGON 3

Đ.T. : 22.208 — 22.498 — 45.605

MỘT NỖ LỰC HỢP TÁC GIỮA NHỮNG NHÀ VĂN, HỌA SĨ VÀ KỸ THUẬT GIA. TRONG MỘT CƠ SỞ ẤN LOÁT NGANG HÀNG VỚI NHỮNG ĐẠI ÁN QUÁN QUỐC TẾ. ĐỂ NÂNG CAO NGÀNH XUẤT BẢN VIỆT-NAM VÀ PHỤC VỤ ĐỘC GIẢ THUỘC MỌI THÀNH PHẦN, MỌI LỨA TUỔI.

NHÂN SỐ LÝ TƯỞNG

Của Gia-Đình Việt-Nam

QUA CÁC THỜI ĐẠI

□ ĐỒ ĐÌNH TUÂN

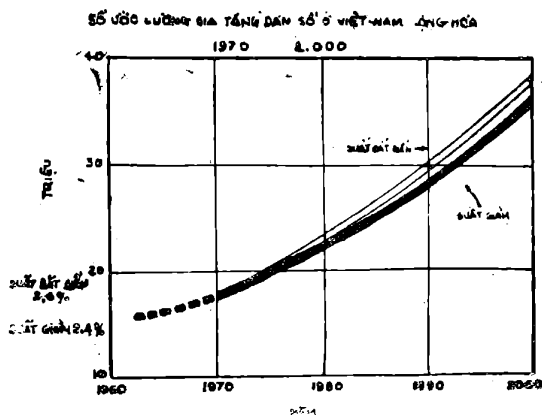
(tiếp theo)

Có người bị quan hóa sự kiện cho rằng thời này chỉ nên sinh 1 hay 2 con là cùng, tốt hơn hết là sống độc thân¹. Vợ con tiền đầu mà nuôi nhà đầu mà ở, con là của nợ vợ là gây oan, lại còn phải theo lễ tục cưới xin vừa tốn kém vừa rắc rối. Sự thật ra sao ! tình thế đã tới chỗ bị thăm đó chưa ! Đề xác định điều đó đúng hay sai, chúng ta hãy xét nghiệm dư luận quần chúng với kế hoạch hóa gia đình. Trước khi Quốc-hội biểu quyết luật kế hoạch hóa gia đình, có 2 lập trường chống chọi nhau : Chống đối và tán thành.

Lập trường chống đối cho rằng : Hãy để dân chúng tự do sinh đẻ. Hạn chế là đoạt quyền tạo hóa, thật là vô nhân đạo khi ngăn cản đứa bé không cho ra chào đời, phản lại tập quán cổ truyền, phá hoại tính thiêng liêng ràng buộc của gia đình, tăng thêm lòng ích kỷ của nhân loại. Các phương thức ngừa thai nếu để cho xir dụng tự do phóng túng là tiếp tay cho thanh thiếu niên sa đọa. Dục phạm và thủ thuật ngừa thai gây ra biến chứng có hại cho cơ thể cùng làm mất thiên nhiên tính của con người. Nước ta nặng về tinh thần sống bằng tình cảm chứ không sống về vật chất như các nước Âu Mỹ, tăng một số lợi tức nhỏ mà làm mất nguồn vui hạnh phúc gia đình vì ít con thì không nên. Loạn lạc kéo dài đã làm chết bao nhiêu người nay còn nghĩ cách hạn chế sinh đẻ giống nòi làm sao tồn tại, nước Pháp không có giặc già mà còn phải trợ cấp tiền đẻ khuyến khích dân chúng sinh đẻ vì sợ dân tộc mất giống hưởng hờ chúng ta. Hạn chế sinh sản nhân lực ít sẽ bị nước ngoài nhòm ngó xâm lăng. Thời thế sắp hòa bình, khi có thái bình chi tiêu giảm, đem tiền đó phát triển kinh tế và đưa dân về nông thôn tăng gia sản xuất nông nghiệp, ắt vấn đề nhân khẩu được giải quyết ngay.

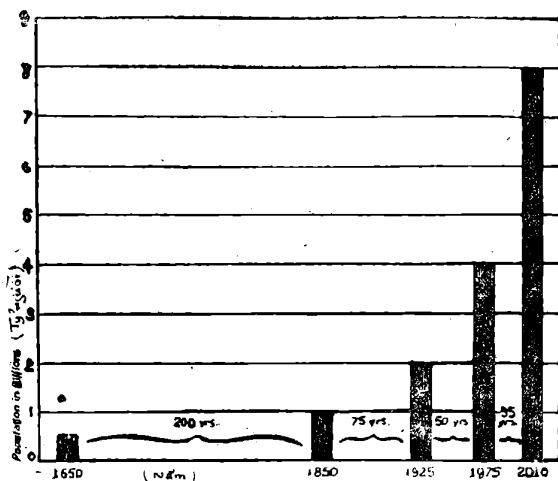
1. Hiện nay rất nhiều thanh niên đã trưởng thành mà không chịu lập gia đình.

Lập trường tán thành bác bỏ lập luận trên : Phải hạn chế sinh sản ngay để giảm bớt giới tiêu thụ, hạn chế không phải là đoạt quyền của trời đất vì sự sống chết vẫn ở trong tay tạo hóa, cấy tinh trùng trong lọ thủy tinh để tạo ra hài nhi mới là sự tiếm quyền của Thượng-đế, ngừa thai ngay từ



Số lượng gia tăng dân số ở Việt-Nam 1970 — 2000

(Ảnh của Vài khía cạnh về sự gia tăng dân số
tại Việt-Nam Cộng-Hòa 1969 — 1990)



Biểu đồ số năm lượng dân số thế giới gia tăng gấp đôi.

(Ảnh của *Our Overcrowded World*)

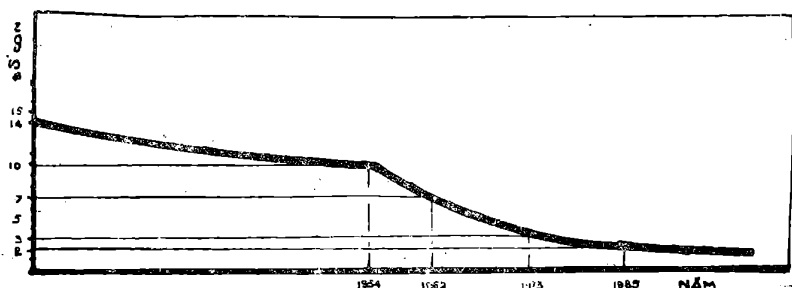
lúc chưa thụ tinh không vô nhân đạo, trái lại đó là hành động rất nhân đạo tránh cho chúng ta khỏi gặp cảnh «hữu sinh vô dưỡng». Trước đả tiến hóa của nhân loại, tập quán cổ truyền không còn hợp thời nữa. Tinh cảm gia đình sau nhiều năm tiếp xúc với Âu Mỹ đã quá lỏng lẻo không cần phải chờ có kế hoạch hóa gia đình, lòng ích kỷ của con người tăng trước đời sống ngày càng thiên về vật chất là điều không thể tránh được. Không đề ngừa thai tự do, thanh thiếu niên vẫn sa đọa nếu muốn. Dục phẩm hay thủ thuật ngừa thai gây ra biến chứng không đáng kể. Giảm mức sinh đẻ lợi tức tăng nhiều chứ không phải nhỏ như mọi người tưởng. Số người chết vì chiến loạn không thấm gì với số sinh quá nhanh, vấn đề dân pháp là một ngoại lệ vì dân trí cao cùng lợi tức nhiều, thấu triệt ngay lẽ nhiều con mức sống giảm vì phải nuôi con nên họ không dám đẻ. Nước Thụy-sĩ nước nhỏ dân ít luôn luôn bình yên, trái lại Trung-Hoa trước đây dân cư đông vào bậc nhất nhì thế giới lại bị nhiều quốc gia xâm lăng lãnh thổ chiếm hữu đất đai. Thái bình đối với nước chậm tiến như chúng ta sau hàng chục năm ly loạn kéo dài sự phát triển kinh tế không thể có ngay được, đem dân về ruộng vườn tận lực tăng gia sản xuất nông nghiệp, số sản lượng vẫn không được bao nhiêu so với số sinh. Mặt khác dân chúng các nước chậm tiến thường có khuynh hướng đi lên sống ở đô thị đề hưởng đời sống văn minh, Việt-Nam ngoài điều đó còn vì lý do an ninh nên dân di cư lên đô tỉnh lỵ rất nhiều, mang danh là xứ nông nghiệp mà theo tài liệu của bộ Nội-vụ năm 1969 dân thành thị chiếm 45% dân số, riêng Sài-gòn Gia-định suất gia tăng 3,6% một năm¹ tài liệu của H.E.S tính đến ngày 31-12-1973 còn cho biết dân số sống ở thành thị nhiều hơn năm 1969 của bộ Nội vụ², sự đem khối dân cư ngụ này về nông thôn quả là một sự rất khó khăn, bởi họ đã quen nếp sống của thành thị không muốn về ruộng vườn làm việc đồng áng lam lũ nữa.

Thực ra ai nói cũng đúng mỗi người có một lý riêng của mình, tất cả đều vì hạnh phúc ầm no của nhân loại, một đẳng vật chất, một đẳng tinh thần.

1. Trích trong Vài khía cạnh về sự gia tăng dân số ở tại Việt-Nam Cộng-Hòa 1969-1990 của bộ Y-tế

2. H.E.S (Hamlet evaluation system) phân phối dân cư theo thứ tự vùng an ninh như sau : A-8.328.000, B-8.048.000. C-2.223.000, D-776.000, E-366.000, N-12.000, V-150.000.

NHÂN SỐ LÝ TƯỞNG CỦA GIA ĐÌNH HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI



Biểu đồ Nhân số gia đình lý tưởng qua các thời đại

Dù muốn dù không phải hạn chế sinh đẻ. Sự sinh sản «vô kỷ luật» cùng ý niệm trời sinh voi sinh cỏ không thể nào chấp nhận cho thời đại này. Phô mặc đời sống cho số mệnh an bài không hợp với thời buổi kinh tế cạnh tranh. Số lượng con hàng tá ngoài sự cực khổ cho chính mình còn làm xã hội mang thêm gánh nặng không ích lợi gì. Nhưng ta nên dùng phương pháp nào hạn chế và số con nên có là bao nhiêu? Tốt hơn hết ta nên dùng phương pháp thiên nhiên, giới dục trong khoảng thời gian đàn bà có thể thụ thai như phương pháp Ogino Knaus hoặc phương pháp đo nhiệt độ, bắt đặc dĩ mới phải dùng thuốc hoặc thủ thuật ngừa thai¹. Vấn đề con số lý tưởng cho mỗi gia đình, căn cứ vào thống kê dân số và tình trạng kinh tế hiện tại gia đình nên có từ 3-4 con, nhìn xa hơn nữa từ năm 1985 trở đi mỗi gia đình chúng ta chỉ nên có 2 con², số lượng 2 con phải được duy trì và coi như là con số bất biến vì cao hơn nhân khẩu sẽ thừa so với sản lượng thực phẩm, thấp hơn có thể làm tuyệt chủng. Chính bởi điểm này, trước khi chấm dứt bài, người viết cũng xin lưu ý: Không thành lập gia đình hoặc tránh không đẻ một đứa con nào là một sự ích kỷ không thể dung thứ được, hành động đó rất có hại cho tiền đồ tổ quốc và sự vinh cửu của quốc gia.

1. Cột hoặc cắt vòi dẫn trứng của nữ phái, cột hoặc cắt ống dẫn tinh của nam phái, đặt vòng xoắn cho đàn bà...
2. Nhật Bản, Đài Loan có số con lý tưởng của gia đình hiện nay là 2.

Những phản ứng tai hại của việc sử-dụng thuốc viên ngừa thai

□ NGUYỄN TẤN CHỨC

Primum non nocere.

(Trước hết, đừng dùng thuốc có hại cho bệnh-nhân)

Cũng như mọi loại thuốc Âu-đức, thuốc ngừa thai gây nhiều phản-ứng tai hại, sự phản ứng độc nhiễm càng rõ rệt hơn đối với những người sử dụng thuốc dài hạn không có sự kiểm soát của y sĩ.

Các phản-ứng tai hại ít khi được công bố và thống kê y khoa về khía cạnh này rất khó tìm vì thuốc viên được bán trên thị trường thế giới thường được các nhà sản-xuất quảng-cáo như một loại thuốc vô hại.

I.— PHẢN ỨNG THỨ PHÁT (Side effects) của thuốc viên ngừa thai:

— Thuốc viên ngừa thai gồm có 2 nữ kích thích tổ hợp lại : chất Oestrogen và chất progestogen.

— Thuốc viên có tác dụng làm cho giai đoạn rụng trứng (ovulation) bị kìm hãm (ovulation inhibition).

— Có thuốc viên uống mỗi ngày trong cả chu kỳ. Hiện có thuốc chích đồng loại dùng từng giai đoạn 1—3 tháng.

a) *Thuốc làm kinh kỳ bị đảo lộn và ra huyết.*

Phản ứng làm ra huyết ít hay nhiều tùy theo loại viên ngừa thai và lên đến tỷ-lệ từ 4 đến 25%. Phụ-nữ dùng thuốc viên thường bị ra huyết khoảng đầu hay giữa chu-kỳ kinh nguyệt (theo Bác sĩ J.J. Tsuei).¹

Thuốc chích loại Depo. Provera (150mg mỗi 3 tháng) có thể gây đảo lộn kinh kỳ. Chu-kỳ kinh nguyệt biến đổi từ 3 đến 299 ngày hoặc làm ra huyết lúc hành kinh. Có 1—4% lại bị tắt kinh (Tsuei). Trường hợp ra huyết quá nhiều còn có thể gây ra trạng thái thiếu máu nặng.

b) *Chứng căng vú và đau nhức vú* — thường xảy ra (từ 10 — 25%) vì tác động của kích-thích-tổ nữ.

c) *Buồn nôn mửa và mệt mỏi* — Chứng này xảy ra trong 1/3 trường hợp trong giai đoạn đầu như trong tình trạng đau nghén. Thuốc Depo Provera gây nhức đầu trong 7,2% trường hợp.

d) *Mập phì* — Chứng này xảy ra từ 1/3 đến 1/2 các trường hợp vì thuốc viên ngừa thai làm cho chất nước ứ đọng trong cơ thể (mập nước).

e) *Động biến thần kinh, thay đổi tính tình*

Nhiều phụ nữ có bị trạng thái bức mình, giận hờn, u buồn, dễ bị cảm xúc, nổi nóng hay gây gổ. Tỷ lệ chứng này là 5,9% đối với kẻ dùng thuốc Depo Provera.

f) *Chứng kích dâm* — Chứng này xảy ra cho 53% số phụ nữ dùng thuốc (loại Norethindrone) theo BS. Ringrose ².

g) *Bệnh của hệ thống thần kinh*. Theo David B. Clark ³, phụ nữ dùng thuốc có thể đau nhức gân đầu (migraine), có triệu chứng bị bướu não (pseudotumor cerebri), đau thần kinh hệ nơi mắt (optic neuritis) và động máu trong tĩnh mạch nơi bộ thần kinh mắt (arteriovenous retinal thrombosis).

h) *Các biến chứng về máu huyết.*

— Chất Calcium và phosphore bị giảm.

— Chất α globulin giảm, β globulin tăng, Serum albumin giảm trong huyết thanh⁴⁻⁵.

— Chất kích-thích-tổ nội tuyến làm phát-triển cơ thể và chất insulin bị thay đổi. Do đó các phụ-nữ đã bị bệnh đái đường (diabète) thì bị nặng thêm⁶.

— Các chất mỡ như loại triglycérides tăng cao và làm hại gan. Trong 50% trường hợp chất alkaline phosphatase bị xáo trộn trong huyết, serum transaminase tăng. Các trường hợp gây chứng hoàng đản vì suy gan nặng buộc phụ nữ phải ngưng thuốc⁷⁻⁸.

— Thuốc ngừa thai còn làm tăng huyết áp, bị phù và gây bị ứ đọng máu trong tĩnh mạch. Các cuộc nghiên cứu tại Anh quốc chứng minh các phụ nữ dùng thuốc ngừa thai bị bệnh huyết động tĩnh mạch viêm (thromboplebitis) 7 lần nhiều hơn người không dùng thuốc. Huyết động nơi phổi tim và não có thể gây tử vong — nhất là khi có mang, người dùng thuốc có thể bị bệnh trên xa lần nhiều hơn người không dùng⁹.

i) *Bệnh ung thư*

Thuốc ngừa thai có tác động làm tăng cơ hội bị bệnh ung thư tử-cung. Tế bào lập thượng bì (epithelial) phát triển mau hơn như các trường hợp bướu ung-thư (carcinoma) nơi phụ nữ dùng thuốc tại New-York. Người uống thuốc viên ngừa thai phải được kiểm-soát bằng thuật Papanicolaou 6 tháng 1 lần (Tsuei) ¹⁰.

j) *Bệnh nhiễm tử cung*. Thuốc ngừa thai làm gia tăng sự phát tiết nơi bộ sinh dục ngoài của phụ nữ và tạo môi trường cho bệnh ký sinh trùng Monillase và Trichomonas phát triển ¹¹,

k) Ảnh hưởng ngoài da :

Thuốc ngừa thai gây nên bệnh hắc sắc tố bì (Melanosis) hay da bị nám đen như trong trạng thái có mang thai. Ngoài ra, có thể gây rụng tóc, lác da, ngứa và vàng da vì suy gan.

II — CÁC ĐIỀU KIỆN CẦN PHẢI KIỂM SOÁT TRƯỚC KHI DÙNG THUỐC VÀ TRONG LÚC DÙNG THUỐC (J. J. Tsuei)¹²

a) Kiểm soát căn bản trước khi dùng thuốc.

— Khám sức khỏe tổng quát và các bệnh di-truyền.

— Khám toàn thể bộ phận sinh dục (vú và tử cung, - cần thiết phải xem đầu tử cung và làm Papanicolaou).

— Kiểm soát tiền bệnh và tiền căn của mỗi người.

b) Cấm kỵ không dùng được thuốc.

— Các người đã có hay đang có bệnh ung thư vú và tử cung hoặc bị suy gan, suy tim, suy thận và nhất là những người đã có bệnh ứ đọng huyết (thrombose).

— Các người bị bệnh bướu thịt (fibrome), bệnh suy thị giác, kinh-phong, suyễn, bệnh đái đường, bệnh kém phát-triển đầu xương và các bệnh làm đảo lộn chất Calcium và phosphore trong máu.

— Các người đang cho con bú sữa mẹ vì thuốc viên có thể làm tắc sữa và có ảnh hưởng tai hại đối với hài nhi.

c) Giảm đoạn ngay việc sử dụng thuốc viên.

— Nếu kết quả thí nghiệm cho biết là suy gan hay các hạch nội tiết bị mất thăng bằng.

— Nếu có suy kém về thần kinh và thay đổi tánh.

— Nếu bị nhức đầu và lòa mắt, chóng mặt.

— Nếu thị giác kém và khám đáy nơi mắt có triệu chứng sưng hay bề mạch máu nơi võng mạc (rétinite hémorragique).

— Việc sử dụng thuốc ngừa thai, cũng như mọi vị thuốc âu dược cần có sự kiểm soát của y sĩ, nhất là đối với những phụ nữ dùng thuốc dài hạn. Hiện nay trên thị trường có trên 300 loại thuốc ngừa thai với tên thường mãi khác nhau, do đó y-sĩ có nhiệm vụ tìm món thuốc nào hợp cho mỗi người, chỉ dẫn cho bệnh nhân tường tận các phản ứng tai hại, kiểm soát định kỳ các phụ nữ dùng thuốc bằng cách khám bệnh và cho thử nghiệm đầy đủ để tránh những tai hại trên.

Bởi lẽ đó điều hòa sinh sản theo ý muốn không phải là một việc có thể làm thiếu sự kiểm soát của y-sĩ.

Vì là một dịch vụ y-khoa thuần túy và riêng biệt cho mỗi người phụ-nữ tùy theo tình trạng sức khỏe của từng người, cho nên việc quảng bá rầm rộ để phân phát thuốc viên ngừa thai trên bình diện rộng lớn như một kế-hoạch giảm dân số trên toàn quốc hầu như rộng thị trường tiêu thụ có lợi cho tư bản sản xuất thuốc viên là một sự lường gạt trắng trợn, một sự công khai lợi dụng và lạm dụng dịch vụ y khoa cho mục tiêu thương mại.

Hành động ca tụng thuốc viên ngừa thai như là một loại thuốc vô hại, hoặc cố ý không nói rõ cho giới phụ nữ biết tai hại của thuốc là một hành vi bất nhân và phản khoa học.



III. — TÌM HIỂU THỊ TRƯỜNG THUỐC NGỪA THAI.

Lịch sử thuốc viên ngừa thai : Vào năm 1952. Bs Gregory Pincus, BS. Min-Chueh Chang và BS. John Rock đã tìm được thuốc viên ngừa thai và thử nghiệm tại khu vực các gia đình nghèo đông con thành phố San Juan (Porto-Rico). Giá thuốc rất cao cho đến khi BS. Russell Marker tìm được cách chiết thuốc progesterone từ loại thảo-mộc (rễ cây cabeza de negro). Đến năm 1960 các nhà sản xuất thuốc bắt đầu sản xuất thành kỹ nghệ và tung ra thị trường quốc tế với một bộ máy quảng bá mạnh mẽ. Đến 1967, có đến 8 triệu 5 phụ nữ sử dụng thuốc và số người tiêu thụ tăng thêm hàng triệu mỗi năm. Riêng năm 1967, thị trường quốc tế tiêu thụ đến trên 2 tỷ viên. (2.040 000.000 viên mỗi tháng) (theo báo Life)¹³. Tính đến tháng 8 1969 cơ quan Food and Drug Administration (F.D.A)¹⁴ của Mỹ phúc trình cho biết thế-giới tiêu thụ đến 185 triệu chu kỳ thuốc viên mỗi tháng (mỗi chu-kỳ có loại 20 viên hoặc 21 viên). Nếu tính thành tiền VN. với giá độ 1.000\$ VN mỗi chu kỳ mỗi tháng thì ta sẽ thấy sự quan trọng của thị trường thuốc viên ngừa thai như thế nào. Sản xuất kỹ nghệ từ 10 năm nay tăng gấp 200 lần sánh với 1969. Do đó thế lực kinh tài yểm trợ thuốc viên mạnh như thế nào chắc chúng ta đã hiểu.



IV. — TẠI SAO NGƯỜI TIÊU-THỤ TĂNG NHƯ VẬY ? AI THU LỢI ?

Tại nhiều nước Tây phương, thuốc viên gặp đúng thời đạo đức và 'uân lý xuống dốc, cùng với phong trào giải-phóng người phụ-nữ và tự do luyện-ái,

Các lý do khác là : thuốc viên có thể được tiêu thụ bởi mọi phụ nữ trưởng thành (từ lúc có kinh cho đến hết kinh), bất luận tuổi tác và có gia đình hay chưa có.

Thuốc viên là một phương pháp ngừa thai không đau đớn và giản dị.

Thuốc viên ngừa thai giúp cho mọi phụ nữ hưởng lạc thú, có tác động kích dâm đến 52% mà không sợ có mang bầu, do đó khuyến khích sự lãng loạn dâm dăng.

Thuốc viên được bộ máy buôn bán và sản xuất hỗ trợ làm cho phụ nữ khắp thế giới tiêu thụ qua chương trình gọi là "Kế-hoạch gia đình" hay "Kế hoạch giảm dân số". Tuy nó có giúp cho các gia đình đông con hạn chế số con, nhưng ngược lại làm tai hại về thể xác và tinh thần cùng đảo lộn thuần phong mỹ tục. Mọi người Việt Nam nên hiểu thêm bề trái của vấn đề và sự công phá độc hại của thuốc viên ngừa thai.



Thuốc viên là một loại thuốc có hại cho cơ thể và tâm trí, làm ô-nhiễm tinh thần và có thể làm băng-hoại xã hội cũng như một loại ma túy khó bài trừ vì mang lợi tức khổng lồ cho những kẻ sản xuất có thể lực. Nước Nhật và nhiều quốc gia khác đã cấm dùng thuốc ngừa thai. Tại Mỹ, Anh, có nhiều trường hợp y-sĩ bị kiện vì gây bệnh ứ huyết và tử vong vì loại thuốc trên.

Tập đoàn quốc-tế "con buôn" ít bao giờ trọng luân lý. Họ có thể lực và nắm đầu sáu tay mỗi tay, bán một loại sản-phẩm khác nhau :

- Thuốc trị bệnh
- Thuốc ngừa thai
- Khí giới và dụng cụ chiến tranh.
- Sản-phẩm kích dâm
- Nông phẩm thặng dư và dụng cụ phế thải
- Tiền bạc để mua chuộc hay gây áp-lực
- Xa xỉ phẩm để tạo nhu cầu mới cho quần chúng thuộc các nước khu vực nghèo và đông dân.

Các sản-phẩm trên đều được tung ra thị-trường nhân danh tự-do và nhân-đạo.

Chúng ta đừng để họ mê hoặc hoặc sử dụng mà quảng thuốc viên ngừa thai để bị đời truy thêm. Tuy là một dân tộc nghèo và bị đau khổ chết chóc vì chiến tranh, nhưng chúng ta còn hơn họ về nhiều khía cạnh khác, nhất là về phương diện tinh thần và đạo đức. Ngày nào xã hội ta còn giữ được

những chân giá trị tinh thần và dân tộc ta còn biết trọng « nhân nghĩa làm gì », chúng ta còn có triển vọng đi lên trong lúc vẫn minh vật chất nhất định đi xuống vực thẳm và bị tiêu diệt. Chiến tranh đã tàn phá thể xác, gây tang tóc và đau thương, ma túy và thuốc viên có thể làm cho chúng ta mất hết cả hồn lẫn xác.

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

1. J.J. Tsuei MD *Family Planning Methodology*
(Medical metabolic effects and their implications) Taiwan 1971. ROC.
2. Ringrose C.A.D. *Emotional Responses of married women receiving oral contraceptives.*
Canadian Medical Association Journal 92 : 1207, 1965.
3. David B. Clark quoted by J.J. Tsuei op. cit.
4. Brehm Hand Kaser. O. *New facts on short and long term administration of hormonal contraceptives* -- Social and Medical aspects of oral contraception International Congress. Serie 130. Excerpta Medical Foundation, Amsterdam 1966, p. 112.
5. Robertson G.S. *Serum Protein and Cholinesterase in Association with Contraceptives Pills*, Lancet 1 : 232, 1967.
6. Burton J.L. *Effets of oral Contraceptives on Erythrocyte Sedimentation Rate in Healthy Young Women*) British Medical Journal 3 : 214, 1967.
7. Mueller, M.N. and Kappas, A. — *Estrogen pharmacology*, Journal of Clinical Investigation M3 : 1904, 1964,
8. Eisalo, A. Jarvinen, P.A. Luckainen, T.,
Hepatic Impairment during the Intake of Contraceptive pills. Clinical trial with Post menopausal women. British Medical Journal 2 : 426, 1964
9. Doll. F. trong *British Medical Journal* 2 : 69-76. 1969
Doll. R, vessey, M.P. *Investigation of relation between Use of oral Contraceptives and Thrombo Embolic disease*, A further report, British Med. J. 2 : 651 1969.
10. J.J. Tsuei, op. cit. p. 61.
11. Grimble, A. — The Lancet s : 1029, 1966
12. J.J. Tsuei, op. cit pp. 71-72-73.
13. *Life — An International Report « Birth Control »* p. 51. — Time Life International Special Project.
14. Second Report of the Advisory Committee on obstetrics and gynecology, Food and Drug adm. USA. August, 1969,

Thử Tìm Hiểu Giá-Trị Khoa-Học Của Phương- Pháp Hạn Chế Sinh Đẻ Của Bs. Billings

« ĐỊNH NGÀY RỤNG TRỨNG DỰA TRÊN TRIỆU
CHỨNG XUẤT NỒN »

● NGUYỄN TẤN CHỨC

Trước các ảnh hưởng tai hại của các phương-pháp ngừa thai nhân tạo, các nhà y-học trên thế giới đang nỗ-lực tìm các phương pháp thiên nhiên, giúp cho các gia-đình quá đông con có thể ngừa thai hoặc quyết định gia hạn khoảng cách sinh sản.

Các phương pháp thiên nhiên dựa trên căn bản những ngày có kinh khó áp dụng và không đúng vì chu kỳ kinh nguyệt của người phụ nữ biến đổi bằng tháng. Gần đây hầu hết các chiều hướng nghiên cứu thiên nhiên dựa trên ngày rụng trứng như :

a) phương pháp dựa trên nhiệt độ tăng trọng ngày rụng trứng (thermo-symptomatic Rhythm Method).

b) phương pháp đo lường điều tố trong nước miếng trong thời kỳ trước ngày và sau ngày rụng trứng bằng giấy thử-nghiệm. (Oral Diagnostic Test Tape of Salivary Enzymes) do Đại-Học Y-Khoa Buffalo — BS. Joseph J. — J. Ricotta và Đại-Học Y-Khoa Chicago — BS. Albert Larinez và Viện Thí-Nghiệm Weston tại Ottawa Illinois chủ trương¹

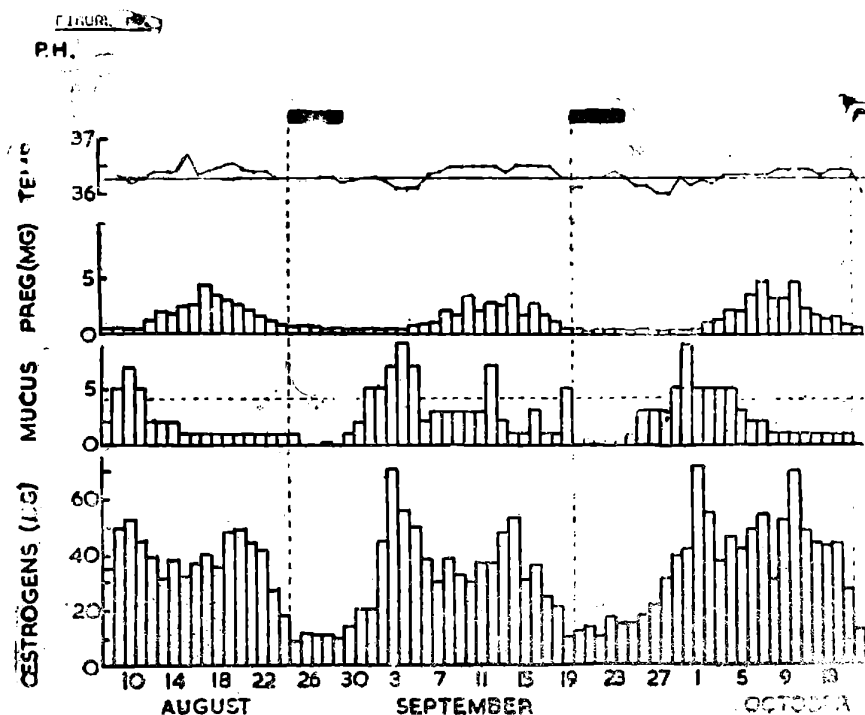
c) Phương pháp của BS. John Billings (Mucus symptomatic ovulation method).

A. CĂN BẢN KHOA-HỌC CỦA PHƯƠNG-PHÁP BILLINGS.

Từ năm 1950 BS. John Billings đã khởi đầu công việc đo lường của kích thích tố FSH, LH của tuyến yên (hypophyse) và các kích thích tố nữ oestrone, oestradiol và pregnanediol trong nước tiểu trong chu kỳ kinh nguyệt của phụ nữ. Từ đó, những ngày có thể thụ thai và không thụ thai và ngày rụng trứng được ghi nhận bằng các áp dụng tổng hợp việc đo nhiệt độ, đo kích thích tố nữ và triệu chứng xuất nồn² (xem bản I và II).

BẢN I — cho ta thấy 2 chu kỳ của một phụ nữ (Bà P. H.) chưa có gia đình. Chất xuất nhơn ra nhiều đúng trong ngày gia tăng tốt đỉnh của kích thích tố nữ và chất nhơn giảm khi kích thích tố giảm.

Bản 1



Urinary oestrogen and progesterone levels, basal symptoms and basal temperature during two cycles in a normal subject.

BẢN II.— cho thấy 2 chu kỳ nơi 2 phụ nữ khác có gia đình, dấu S chỉ sự gia tăng chất nhơn do sự giao hợp (↓) gây nên (nếu muốn nhận rõ sự biến đổi chất nhơn ngưng giao hợp trong ngày sau để phân biệt với chất xuất tinh).

BẢN III — Bản so sánh giữa hai chu-kỳ : Bà O. B. và Bà M. C. Chu-kỳ Bà O. B là một chu-kỳ không có rụng trứng và chu-kỳ Bà M. C là chu-kỳ bình thường. Nên lưu ý trong chu-kỳ M. C là sự ghi lượng chất nhơn chỉ bắt đầu từ lúc chất oestrogens trong nước tiểu tăng trên 10mg/24 giờ vì con

số này theo kinh-nghiệm chỉ tăng theo sự hoạt-động mạnh của noãn tuyến và cho biết qua triệu chứng chất nhờn là ngày rụng trứng sắp đến.

BẢN IV — Mô hình của một chu kỳ kinh nguyệt kéo dài đến 43 ngày (giai đoạn tiết folliculine dài đến 28 ngày thay vì 14 ngày).

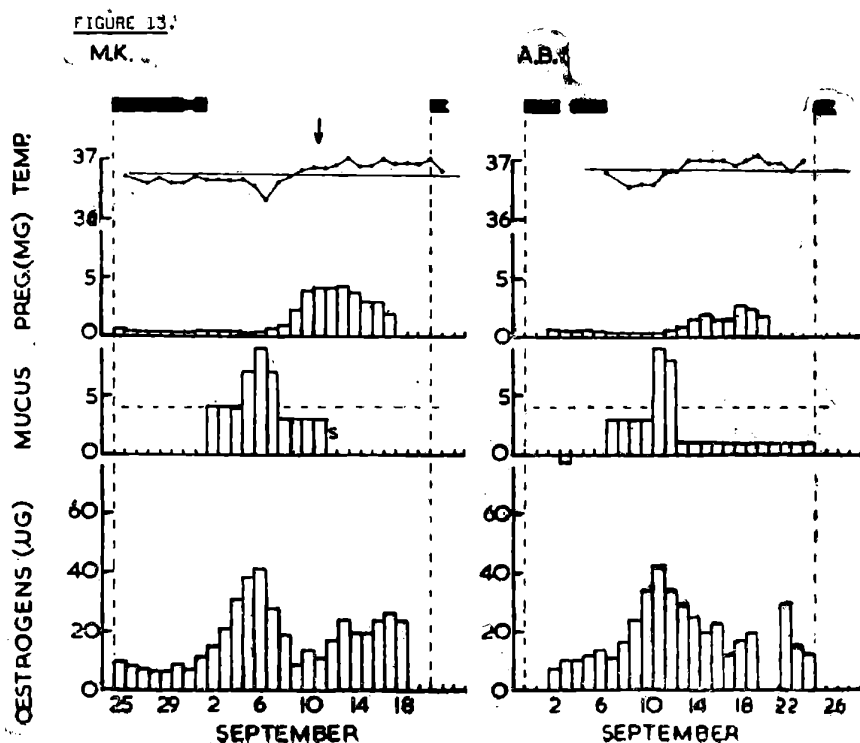
BẢN V — Mô hình của một chu kỳ đã đi đến sự mang thai nhờ giao hợp trong những ngày gần lúc rụng trứng.

BẢN VI — Mô hình của một trường hợp hậu sản bình thường vì cho con bú sữa mẹ trong 18 tháng (ở đây chỉ cho thấy 4 tháng sau cho đến khi có kinh trở lại).

Theo sự nghiên-cứu của BS. Billings và Cộng sự viên, chúng ta nên lưu ý các yếu tố sau đây :

1) *Chu kỳ không rụng trứng (cycle anovulaire)* Rất thường xảy ra nơi các cô gái chưa có gia đình và các bà trên 40 tuổi và rất hiếm đối với phụ

Bản 2



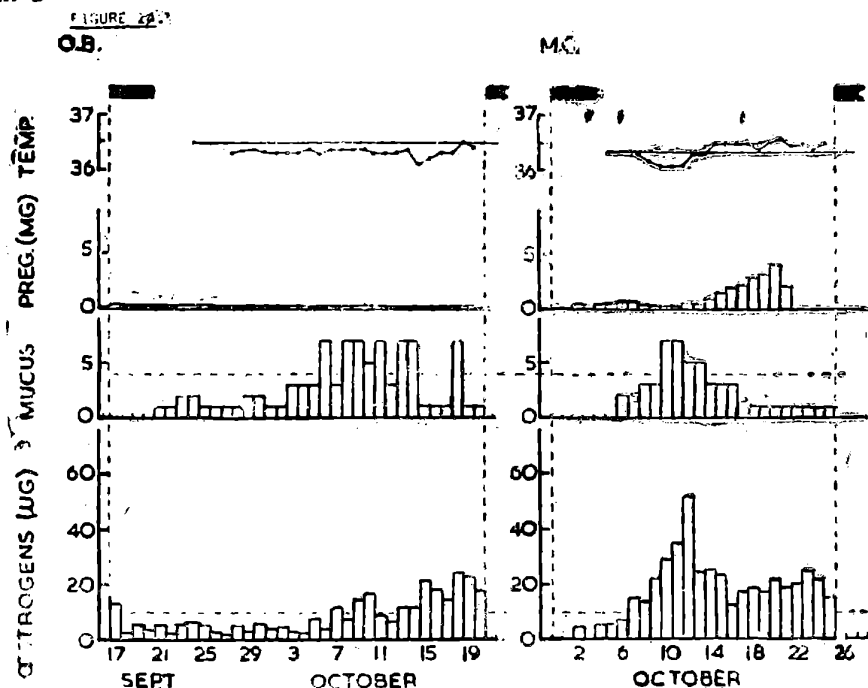
nữ tuổi từ 20 đến 40. Chu kỳ không rụng trứng luôn luôn đi đôi với sự biến đổi bất bình thường của chu kỳ kinh nguyệt, kích thích tố nữ tính và sự xuất nhôn — Dĩ nhiên chu kỳ không rụng trứng bất khả thụ thai — cũng như trong thời gian cho con bú sau khi sanh.

2) Trường hợp cho con bú :

Trong suốt thời gian cho con bú, có định luật sinh lý thiên nhiên càng cho con bú nhiều thì tác động của các kích thích tố trên noãn cầu lại giảm nhiều chu kỳ không rụng trứng.

Khi phụ nữ cai sữa cho con lần lần hay đột ngột thì sự rụng trứng có thể trở lại trong 1-2 chu-kỳ trước khi thấy kinh lại. Do đó cần nên kiêng cử trong thời gian cai sữa và đợi khi có hành kinh trở lại rõ ràng mới áp dụng lại phương pháp.

Bản 3



Trên nguyên tắc, nên cho con bú sau khi sanh thì 6 tuần sau có thể giao hợp cho đến 2 tháng trước khi định cai sữa.

3) Trường hợp bị hư thai : Chỉ cần đợi cho có kinh lại rồi mình định chu kỳ những ngày an-toàn và không an-toàn.

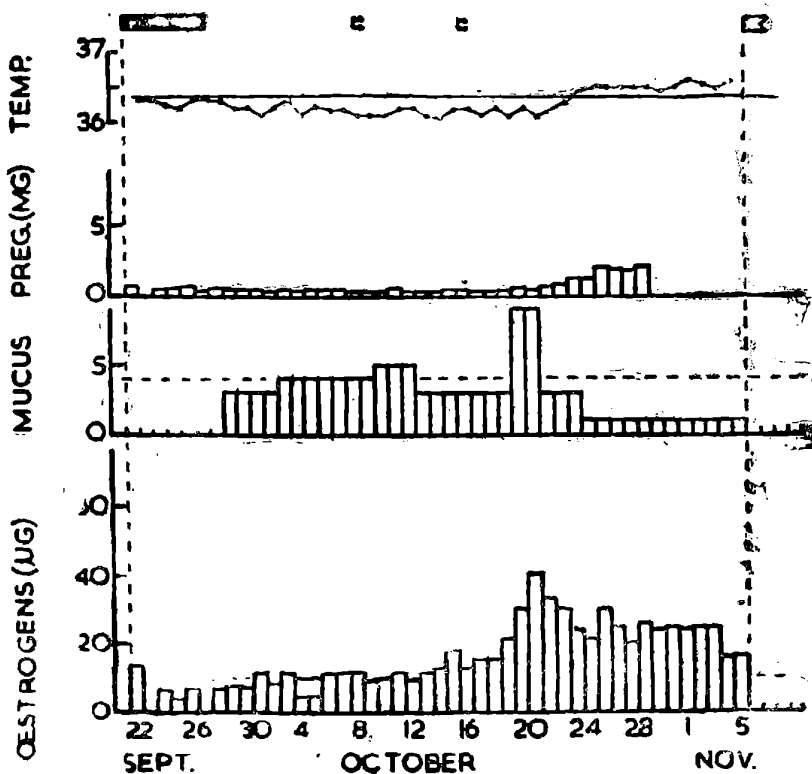
4) Trường hợp xuất huyết trong chu-kỳ kinh-nguyệt :

Tình trạng này thường đi đôi với triệu chứng mệt mỏi, yếu sức nhất khi ra huyết nhiều lần dù chút ít hay nhiều — cần phải đi khám bệnh nơi y sĩ.

Bản 4

Mrs. D.B. an anovulatory cycle; Mrs. M.C. a normal ovulatory cycle.

FIGURE 15. (Bản IV)
J.S.



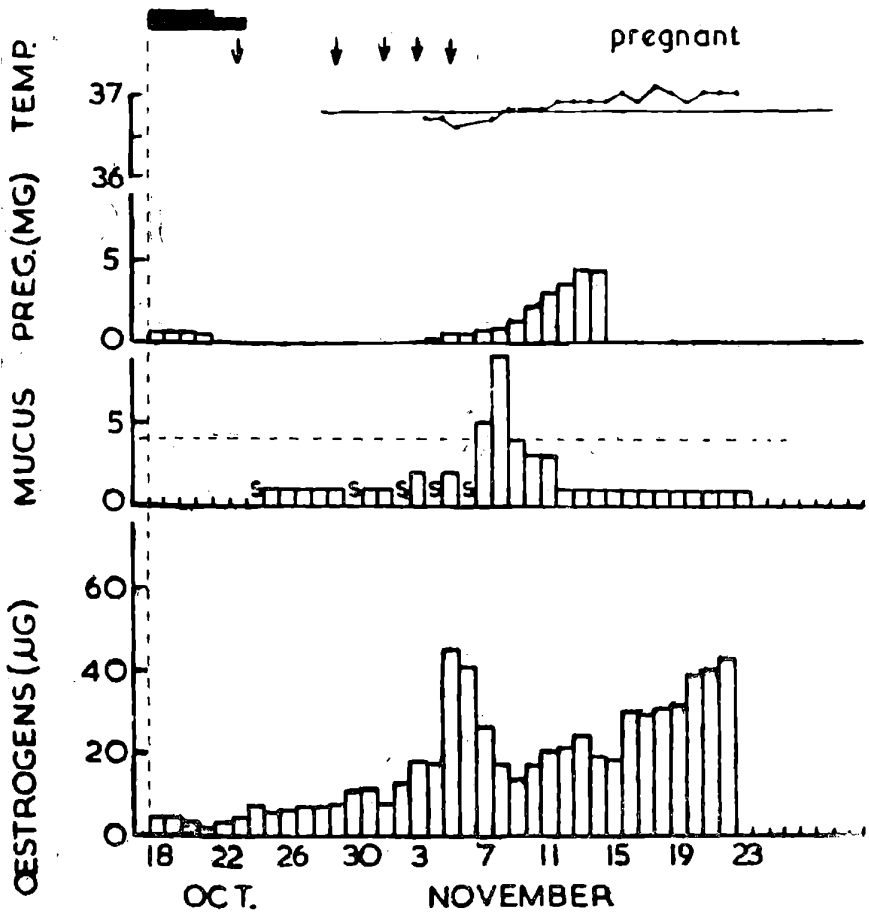
A cycle with a prolonged follicular phase.

Bản 5

Mrs. M.C. a cycle with a double mid-cycle oestrogen peak Mrs. O.M. a normal ovulatory cycle.

FIGURE 17.

M.M.



A cycle resulting in pregnancy.

NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP :

Nên chia các thời kỳ xuất nhờn rõ rệt thành hai loại :

a) Loại chất nhờn có thể thụ thai (fertile type cervical mucus)

- cảm giác trơn nhờn rõ rệt (wetty)
- trong như trứng gà sống (clear)
- nhớt nhầy (slippery)
- dẻo có thể kéo thành sợi (stretchy)
- số lượng chất nhờn nhiều.

b) Chất nhờn không thụ thai (infertile type cervical mucus)

- có cảm giác khô (dryness)
- có tính cách đục hay vàng nhợt
- có tính cách đặc nhưng không dẻo dai
- số lượng chất nhờn ít.

Phải áp dụng phương-pháp hoàn toàn đúng :

- khi bộ sanh dục không mắc bệnh
- kiêng cử thật đúng
- lưu ý kỹ lưỡng về hai loại chất nhờn trên.
- cử 1 ngày sau khi có giao hợp ngày trước nếu không định rõ chất nhờn xuất tinh và chất nhờn thường.

CÁC TRIỆU CHỨNG KHÁC :

Chứng căng vú và đau đầu vú : thường xảy ra trước ngày thấy kinh vài hôm và trong ngày rụng trứng (vú thật căng và to thêm)

Chứng hừng đỏ và nóng (hot flushes) nơi mặt, cổ và ngực làm cho da trở nên hồng nóng và ra mồ hôi. Chứng này xảy ra độ 1-2 phút rồi biến mất. Có thể tái diễn nhiều lần trong ngày hoặc đêm trong lúc hết xuất nhờn. Bởi đó chứng này đi đôi với những ngày khô và an toàn.

B. XỬ-DỤNG PHƯƠNG-PHÁP BILLINGS ĐỂ TRỊ BỆNH HIỂM MUỘN HOẶC CÓ THAI THEO Ý MUỐN.

Các điều kiện cần bản để trị bệnh hiểm muộn như sau :

- 1) Bộ sinh dục của đôi vợ chồng không bệnh tật

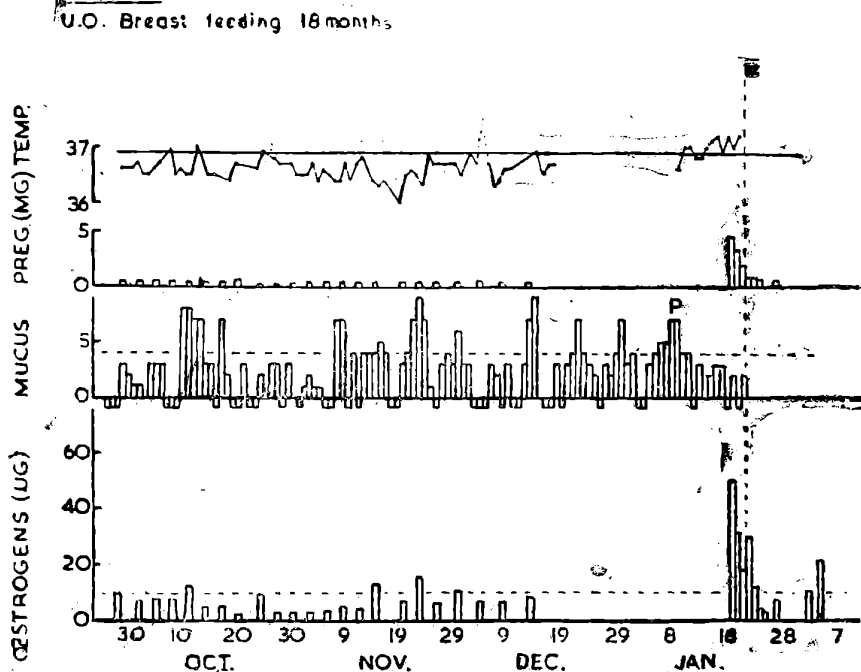
- 2) Chất xuất tinh và tinh trùng của đàn ông bình thường về phẩm và lượng.
- 3) Định rõ ngày rụng trứng (ngày cao đỉnh) để giao hợp.
- 4) Kiên cứ giao-hợp 7-10 ngày trước ngày rụng trứng để gia tăng số lượng tinh trùng.
- 5) Minh định rõ tính cách đặc biệt của chất nhờn loại có thể thụ thai và không thụ thai.

Chất nhờn có thể thụ thai xuất vào ngày rụng trứng đặc biệt giúp bảo vệ năng lực di chuyển của tinh trùng mạnh nhất đến nơi thụ sinh với trứng.

Vì tinh trùng có nhiễm sắc thể (X) chromosome (nữ) sống dai hơn loại nhiễm-sắc-thể (Y) chromosome (nam) cho nên giao hợp sau ngày rụng trứng thì có nhiều may mắn để sanh con gái hơn.

Bản 6

U.O. Breast feeding 18 months



Results during breast-feeding and the first ovulation.

KẾT LUẬN : Phương pháp của BS. Billings có căn bản khoa học và đã được chứng minh rõ ràng là rất hiệu lực. Các sự thất bại khi dùng phương pháp là do sự định ngày rụng trứng sai, quan sát không đúng tính cách biến đổi của chất nhớt. Hiệu lực của phương pháp đến 95%. Đặc biệt phương pháp có thể giúp cho sự thụ thai theo ý muốn rất hiệu lực và hợp thiên nhiên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Ovulation Method Workshop — Proceedings. St Margaret's Hospital. Sydney August 3-5. 1973.
Responsible Parenthood Association — Catholic Family Life Center N. S. W.
- 2) Scientific basis of the Ovulation Method Research Today. Pr. James B. Brown, OB — Gyn Department. University of Melbourne Victoria Australia.
- 3) Atlas of Ovulation Method — The safe Period based on the Mucus Symptom by Evelyn L. Billings, John J. Billings and Rev. Maurice Catarinich. The Advocate Press — Melbourne 1973.
- 4) Preliminary Report on the Correlation of salivary enzymes with the fertile phase in the human female.
Joseph J Ricotta MD. — Raymond O. Foster. Proceedings of the XIIe Congress FIAMC Oct 11-14 1970 Washington DC. USA
- 5) Control of ovulation time with steroid and non-steroid compounds — XIIe Congress FIAMC Washington Oct, 1970.
- 6) The Ovulation and the Menopause by Evelyn L. Billings Ovulation Method Workshop Sydney 1973.
- 7) A trial of the Ovulation Method of family planning in Tonga John and Lyn Billings — M. C. Weissmann, Lepolno, Foliaki.
- 8) The Contribution of Family Planning Programmes by John J Billings (A paper presented by DR. Billings) 1974.

UÔNG KHỎI CHÍCH

là tả, Kiệt ly — có đằm, máu

VEREX

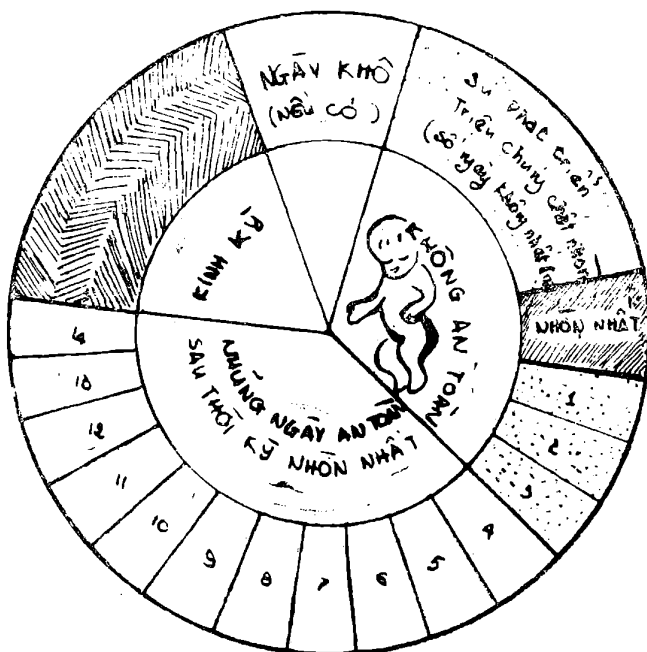
NGƯỜI LỚN — CON NÍT

55° KW 508 . 8YT / QCP. 29-10-69

Phương pháp định ngày trứng rụng của John Billings

Đây là một phương pháp ngừa thai tự nhiên, vô hại, đáng tin cậy và được chấp nhận về mặt luân lý mà không cần dùng bất cứ loại thuốc nào.

THỜI KỲ AN TOÀN CĂN CỨ TRÊN TRIỆU CHỨNG CHẤT NHỜN



1. Sau kinh kỳ, bạn có thể có cảm giác khô ráo ở khu vực quanh cửa mình (âm hộ), số ngày có cảm giác khô ráo này có thể thay đổi trong từng chu kỳ: nhiều trong một chu kỳ dài; ít hơn, nếu có, trong một chu kỳ ngắn.

2. Sự chấm dứt thời kỳ khô ráo có nghĩa là chất nhờn bắt đầu xuất hiện. Nếu không có thời kỳ khô ráo tiếp theo thời kỳ có kinh, tức là chất nhờn đã bắt đầu xuất hiện rồi (Vì lẽ chất nhờn kéo dài đời sống của tinh trùng, nên sự thụ thai có thể xảy ra theo bất cứ sự giao hợp nào vào những ngày có chất nhờn trước khi trứng rụng).

3. Một chất nhờn trong, trơn, giống như lòng trắng trứng gà, xuất hiện khoảng một hay hai ngày vào lúc: tột đỉnh của triệu chứng chất nhờn và gây ra một cảm giác trơn nhờn rõ rệt. Ngày cuối của cảm giác này được ghi nhận là tột đỉnh (nhờn nhất): Trứng rụng ngay sau thời kỳ tột đỉnh (nhờn nhất). Những ngày 1, 2 và 3 sau thời kỳ nhờn nhất đều không an toàn.

KHOẢNG AN TOÀN: Thời gian giữa thời kỳ NHỜN NHẤT và ngày bắt đầu KINH KỲ dài khoảng 14 ngày. Những ngày AN TOÀN sau này bắt đầu từ ngày thứ 4 sau thời kỳ Nhờn Nhất. Nếu có chất nhờn nào xuất hiện về sau thì nó sẽ gợn đục.



Phương pháp ngừa thai John Billings hay là phương pháp luân - lý ngừa thai căn cứ trên ngày trứng rụng

Đây là một phương pháp *tự nhiên*, vô hại, chắc chắn, hợp luân lý và không cần dùng bất cứ loại thuốc nào.

THỜI KỲ KHÔNG THỤ THAI ĐƯỢC CĂN CỨ VÀO CHẤT NHỜN TẠI ÂM HỘ

1. Sau kinh kỳ, người phụ nữ có thể thấy cảm giác khô ráo ở khu vực quanh cửa mình (âm hộ). Số ngày cảm giác khô ráo, tùy theo chu kỳ: chu kỳ dài thì có nhiều ngày khô ráo, chu kỳ ngắn thì ít ngày khô ráo.

2. Ngày nào thấy âm-hộ không còn khô nữa là ngày chất nhờn đã bắt đầu tiết ra. Nếu hết kinh, mà chẳng thấy có ngày nào khô ráo, nghĩa là chất nhờn đã khởi sự tiết ra rồi.

Nhờ chất nhờn mà tinh trùng phái nam sống được trong bộ sinh dục phái nữ trong nhiều ngày, chờ đợi trứng rụng sẽ kết thai ngay. Vì vậy giao hợp trước ngày trứng rụng rất dễ thụ thai.

3. Ngày nào thấy chất nhờn nhiều, làm trơn cửa mình là ngày thuận tiện nhất để thụ thai. Ngày ấy gọi là ngày *nhờn nhất*, chất nhờn trong suốt như lòng trắng trứng gà tươi.

4. Sau ngày nhờn nhất thì trứng rụng, 1, 2, 3 ngày sau ngày nhờn nhất cũng là ngày rất thuận tiện để thụ thai.

5. Bắt đầu từ ngày *thứ 4 sau nhờn nhất* thì không thể thụ thai nữa dù có giao hợp, vì trứng chết rồi. Những ngày ấy gọi là ngày *an toàn*, lâu vào khoảng 10 ngày, nếu chu kỳ là 28 ngày, lâu hơn nữa nếu chu kỳ dài hơn.

Sau ngày nhờn nhất 4 ngày, nếu còn thấy chất nhờn, nhưng chất nhờn lơ lơ đục trắng và không trong nữa, thì vẫn an toàn.



Đã có

Phương Đông ĐÔNG TẬP

Với Mục lục toàn tập theo bộ môn và tác giả
Có bán tại tòa báo và các tiệm sách, sạp báo lớn :

Tập 1 : từ số 1 đến số 6, giá bán 950\$

Tập 2 : từ số 7 đến số 12, giá bán 800\$

Tập 3 : từ số 13 đến số 18, giá bán 800\$

Tập 4 : từ số 19 đến số 24, giá bán 800\$

Tập 5 : từ số 25 đến số 30, giá bán 950\$

Gửi mua tại Tòa Báo thì mỗi tập :

Ở xa trong nước, kèm thêm 150\$ cước phí bảo đảm.

Miền Trung và Cao-nguyên thêm phụ phí Hàng không 100\$ (250\$) Ngoại quốc, thêm cước phí đường thủy và bảo đảm 400\$.

Mua tại Tòa báo sẽ được hưởng giá đặc biệt

Gia đình người NHẬT

VỚI NHỮNG YẾU TỐ UYÊN NGUYÊN NHƯ
TRUYỀN THỐNG.

□ PHAN KIM HUÊ



家六の (家の六)

Sống trong những ngôi nhà cổ sơ cất trên một cái lỗ đào xuống đất rộng độ mười chiếc đệm (tatami tức lối hai mươi thước vuông, gọi là tate-ane no ie ¹), người Nhật xây dựng tổ ấm của mình theo nguyên tắc căn bản tồn tại mãi đến hiện tại là Hòa hợp gia đình chính hạnh phúc của nhân loại ².

Mỗi ngôi nhà như vậy tụ tập những phần tử cắt ruột chẳng khác ngày nay gồm cha mẹ, con cháu độ khoảng mười người. Nếu đông hơn người ta không ngại đào lỗ, chôn 4 cây cột cao quá đầu người treo đầu nhau với một đòn tay bên trên (hay đòn dông như nhà của ta) và phủ cỏ hay cành lá lên trên.

Kiểu nhà này người Nhật sống trọn thời đời Thạch Khí (Sekki-jidai)

từ cổ đại đến thế kỷ thứ ba sau Công Nguyên. Trong thời đại thạch khí này (l'âge de pierre — the stone age — Steinzeit), người Nhật cổ thời hình như thấy kiểu nhà tổ ong này không thuận tiện khi mưa ướt át nên họ loay hoay mãi mà vẫn lúng túng chưa biết phải cất nhà lại cách nào cho tiện hơn. Và họ loay hoay như vậy suốt bốn mươi thế kỷ. Những kiểu nhà ngày nay vẫn còn những vết tích, mà các cuộc tìm kiếm đã phát hiện đầu tiên ở Huyện Shizu-oka.

Gia đình người Nhật chịu ảnh hưởng nặng nề của tôn giáo và văn hóa. Thế nên muốn hiểu biết nếp sống gia đình người Nhật hiện tại phải đi từ cái gốc thượng cổ thời đại tới hiện tại, qua bao cuộc du nhập của các «đạo» và «tôn giáo» cùng ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa cũng như Âu Mỹ, thì mới hiểu tại sao gia đình người Nhật hiện tại nó mang một hình thức như vậy và ẩn chứa một truyền thống như vậy.

1. MẪU HỆ (Bokai)

Thoạt kỳ thủy, người nam phải vất vả săn bắn để tìm thịt thú về

nuôi cả gia đình nên giao trọn quyền «nội trị» cho người nữ. Chế độ mẫu hệ ra đời. Chế độ mẫu hệ thật ra không phải người đàn bà cầm quyền người đàn ông, sai khiến, chỉ huy họ mà đó chỉ là thay quyền người cha để quản trị gia nghiệp mà thôi.

Đối với người Nhật, phụ nữ vì vậy gánh lấy một trách nhiệm nặng hơn nam giới nhiều. Và họ hình dung những thần thánh đều thuộc phái đẹp cả. Mà đứng đầu nữ thần ấy là Amaterasu-ōmikami, có nghĩa là Nữ Thần Mặt Trời.

Tưởng nên mở đầu ngoặc chỗ này đề xin trình bày rõ một chút là chữ Kāmi của Nhật có nghĩa là thần, là thần linh, là linh chứ không cứ là thần như ta hiểu. Chữ Kami là chữ ghi âm từ ngôn ngữ của người Nhật trước khi được dùng chữ thần của Trung Hoa đưa sang theo lối Hán Quốc đề đọc chữ này là Kami. Vậy khi thấy chữ Kami của Nhật thì ta nên hiểu nó theo nghĩa Nhật hơn là nguyên nghĩa thần của Nho tự. Và cũng vì vậy mà khi dùng Nho tự để ký âm thì người Nhật thời đó dùng bốn chữ Nho (thiên chiếu đại thần) để ký âm cho Amaterasu-ōmikami thì chúng ta đừng nên... soi kính hiên vi vào bốn chữ Nho, mà chỉ nên hiểu vắn tắt đó là Nữ Thần Mặt Trời, hoặc theo Trung

Hoa là Thái Dương Thần Nữ. Cũng vì cái lối dùng nho tự một cách Nho rùng như vậy mà ngày nay ai học Nhật ngữ gặp những chữ Nho (Kanji) mà hiểu theo nghĩa chính thì kẻ như «đó tở nai» rồi đó.

Cũng vì tôn tượng người nữ rồi nhân cách hóa thần thánh thành những người nữ, và ngày nay tìm được những pho tượng nữ thần cùng khắp nước Nhật. Tượng một số ít lối ba mươi sáu (36) phân, còn hầu hết đều tượng nhỏ, cao ba, bốn phân thôi.

Ở thời đại đầu tiên này đời sống gia đình đã tạo ra tín ngưỡng đề rồi từ đây về sau tín ngưỡng và văn hóa ảnh hưởng đến gia đình, trở nên một truyền thống.

Người đàn bà mang nặng, đau đau với thiên chức sanh con đẻ cái lưu truyền miêu duệ nên người Nhật nặn hay khắc trên đá hình nữ thần đều chú trọng đến bộ ngực to lớn và cơ quan sinh dục. Đó là nhân tính của nữ thần người Nhật sùng bái thời xa xôi ấy.

Những tượng nữ thần bằng đất sét nung đánh dấu giai đoạn tiền bộ nhứt của Thạch Khí Thời Đại mà người Nhật gọi là jōmon-shiki-jidai (Thăng Văn Thức Thời Đại, tức là thời đại thời đá sẫm màu còn nhám nhúa như dây lừng).

Chúng ta cũng nên nhớ rằng vào Thời Đại Thạch Khí với các đồ đá đẽo, đá mài thì người Nhựt đã tự cho rằng họ có văn hóa rồi, và mẫu hệ là một hình thức của văn-hóa vậy.

2. PHỤ HỆ (fukei)

Những gia đình sống trong những nhà tổ ong ấy lần lần qui tụ lại thành xóm để hợp tác nhau trong các công việc săn bắn. Và thế hệ bộ tộc ra đời. Đã sống đời bộ tộc (bujoku) dĩ nhiên sinh hoạt dễ dàng hơn, nhà nhà sung túc hơn thì phú quý sinh lễ nghĩa đành rồi mà còn sanh thêm nghi thức thờ cúng nữa. Thần đạo vì vậy ra đời. Thần đạo (Shinto) chủ trương thờ cúng các thần thiên nhiên và thần nhân cách hóa, bắt đầu từ Nữ Thần Thái Dương mà giòng Thiên Hoàng do đó sinh ra, rồi 180 vị thần hạ giới theo lệnh Nữ Thần Thái Dương, đến thần làng, thần xã, thần gia tộc... vân vân rồi từ thế kỷ thứ XI về sau các giòng võ gia và võ sĩ dấy nghiệp thì lại thêm một số thần sưa cho đến nỗi người Nhựt tôn thờ đến tám triệu (8.000.000) thần đủ loại.

Đề tôn thờ và cúng kiến các vị thần ấy, người phụ nữ không thể đảm đang được, mà phải là nam nhân, thế nên người chồng lãnh yál nhiệm vụ tông quản gia nghiệp hầu

dễ bề cúng tế. Chế độ phụ hệ lại bắt đầu.

Trong các ngày Đại Tế Lễ (Matsuri³) các gia trưởng họp nhau làm những món ẩm thực thịnh soạn để dâng cúng các thần chường⁴ hầu ban cho dân hưởng thái bình an lạc, tránh mọi tai ương, cũng như tạ ơn thần đã giúp dân nhiều ân phúc. Và sau đó các người đàn ông mới xúm lại đánh chén với nhau.

Các đại lễ cầu mưa thuận gió hòa này thường tổ chức vào mùa xuân trên khắp nước Nhựt, vào những ngày khác nhau tùy ngành cúng tế. Và việc cúng tế dành độc quyền cho nam giới đang bắt đầu lãnh gánh nặng phụ hệ. Tới đây ta thấy rằng gia đình người Nhựt đã chịu ảnh hưởng của tín ngưỡng rồi đó.

3 VỨT XÁC CHẾT VÀ TẮY UẾ

Ai đến nước Nhựt, bước vào gia đình nào cũng thấy sạch sẽ, nhiều người làm tường họ hợp vệ sinh như vậy nhờ hấp thụ văn minh Âu Mỹ. Muốn biết tại sao gia đình người Nhựt thu xếp sạch sẽ, vén khéo thì phải ngược dòng thời gian.

Người Nhựt tin rằng xác chết là một vật dơ bẩn nên họ đem vứt thật xa nhà, có khi trói gô xác chết hoặc dội nổi đất để hồn của xác chết đừng theo họ. Và họ mỗi khi bước

đến gần xác chết là phải về tắm rửa sạch sẽ để tẩy uế, sợ phải xui xẻo. Từ quan niệm này người Nhật ăn ở theo một sinh hoạt mới, hề thấy do là tắm «xả xui», nhà cửa chỗ nào do bẩn thì dọn dẹp ngăn nắp, đầu vào đó hẳn hoi.

Đến nỗi người Nhật lúc đầu thời đại Thạch Khí, họ sống gần như du mục vì sợ ở gần chỗ người chết mà ô uế chẳng nên hề có người chết là họ đi nơi xa xôi nào đó cất nhà mới. Vì vậy mà ngày nay người Âu Châu đến nước Nhật phải khen sự sạch sẽ trong gia đình họ.

4. THỦ CÔNG NGHỆ: NỀN TẢNG SINH HOẠT GIA ĐÌNH

Ở Thời Đại Thạch Khí này người đàn ông Nhật từ đời sống du mục bước sang bộ tộc định cư (ta không thể coi việc người Nhật mỗi khi có người chết, bỏ nơi đó đi cất nhà nơi khác mà gọi là du mục hay du canh được). Người Nhật tự xem như đã có văn hóa từ khi biết đồ đá và mài đá đầu răng văn tự phải đợi đến thế kỷ thứ tám sau Công Nguyên mới có (sẽ trình bày ở đoạn tiếp).

Người đàn ông Nhật từ việc các chuyên săn bắn chuyển qua việc nặn các tượng thần và các đồ dùng bằng đất sét và đem nung. Tức người đàn ông Nhật trong gia đình đã hợp tác với nhau làm đồ gốm.

Những đồ gốm chia làm hai loại: loại trước nhám nhúa vì kỹ thuật thô sơ tượng trưng cho văn hóa Jōmon-shiki-bunkaki (thăng văn thức văn hóa kỳ).

Những đồ gốm về sau nhờ kỹ thuật canh tân và hoàn mỹ nên trở nên trơn tru được gọi là những biểu tượng của văn hóa Yayoi-shiki-bunkaki (di sinh thức văn hóa kỳ).

Gọi thăng văn vì đồ gốm có những đường ráp nối xù xì theo kỹ thuật sau đây: như muốn nặn một cái lọ, cái hũ chẳng hạn, người ta lấy một miếng đất vò tròn, ép xuống làm đáy. Kế lấy miếng đất khác ép mỏng, khoanh tròn ráp vào làm thân. Rồi tuần tự lên phần cổ và miệng. Những chỗ ráp nối ấy chẳng khác dây thừng nên gọi là «thăng văn».

Gọi di sinh vì những đồ gốm sau này khai quật được trong các cuộc tìm kiếm di tích cổ thời ở khu YAOI (Di Sinh) thuộc Tokyo hiện giờ.

Chính nhờ kỹ thuật làm đồ gốm cải tiến, qui tụ mọi người đàn ông lại hợp tác với nhau trong công việc mà trở nên một truyền thống tới nay. Hiện giờ những công ty lớn của người Nhật đa số đều do mọi người trong giòng họ chung vốn lại với với nhau, ít khi hùn hạp với người ngoài. Họ chỉ hùn vốn với người ngoài để khai thác những công việc kém quan trọng, Cũng vì truyền gia

đình hóa mọi công việc kinh doanh này mà người Nhật rất «hiêm» khi truyền dạy kỹ thuật hoặc học thuật của họ cho người ngoại quốc. Du học sinh đến Nhật chỉ được học tinh hoa hạng nhì hoặc hạng ba của họ thôi, còn thứ hạng nhất dành cho quần chúng Nhật và thượng hạng chỉ riêng số tuyển chọn cao cấp hoặc hoàng tộc. Thế nên bất cứ nước nào muốn chuyên viên của Nhật đều thấy rằng họ giỏi thật đó, song chỉ vẽ không tận tình, khác hẳn chuyên viên Âu Mỹ. Đó cũng diễm hay cá nhân họ vì họ như trái chanh vắt nước cứ rỉ rả từng giọt, đến khi chanh hết nước thì rả rời cả tay rồi. Nhưng trên phương diện học thuật và thương mại thì như vậy kể ra quá «hiêm».

Gia đình hóa mọi công cuộc kinh doanh của gia đình dân Phù Tang Tam Đảo bắt nguồn từ một trong những yếu tố từ Thạch Khí Thời Đại này.

5. CHÔN CẮT NGƯỜI CHẾT

Sang đến mạt kỳ của Thạch Khí Thời Đại vì người ta đã sáng tạo được nhiều món vật trang sức bằng nanh, răng, ngà thú vật cũng như thổ khí (bằng đất sét nung) để dùng trong gia đình mà người Nhật có quan niệm rằng sở dĩ linh hồn người chết còn trở về nhà vì họ quyến luyến các vật dụng, các món trang

sức. Thế nên không gì bằng chôn theo họ những món đồ dùng ngày thường và xây cất ngôi mộ cho họ thật đẹp.

Người Nhật từ cổ thời đã tin tưởng rằng con người có linh hồn và linh hồn ấy bất diệt. Sự tin tưởng này thật mãnh liệt vì linh hồn đây tức tinh thần và vì vậy người Nhật sống ở đất Nhật hiện nay vô cùng tôn trọng danh dự. Người đàn bà Nhật mãi đến sau này tuy từ bỏ ngôi vị mẫu hệ, trao quyền quản trị gia nghiệp cho người chồng song họ vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc huấn luyện con cái trọng danh dự, trọng màu cò, yêu tổ quốc. Thế nên không có chi lạ khi người Nhật mổ bụng tự tử để chết vinh hơn sống nhục chẳng khác câu thơ của Corneille «qui peut vivre infame est indigne du jour».

Mạt kỳ của Thạch Khí Thời Đại này người Nhật gọi là Kofun-jidai (cổ phần thời đại).

6. BÓI TOÁN (URANAI *)

Tin tưởng ở linh hồn bất diệt, tin tưởng ở thần linh, người Nhật từ Cổ Thời Đại đã có tập quán hỏi thần linh hoặc nhờ thần linh giải quyết những vấn đề mà họ không giải quyết nổi. Bói toán nảy có trước khi văn hóa Trung Hoa du nhập Nhật theo ngã Hàn quốc, một thuộc địa từng thời kỳ của Nhật Bản.

Cò thời, người Nhật đã có những lối bói toán theo điềm mộng, theo năm sỏi người muốn bói trao cho các thầy bói, bói theo bước chân đi từ nhà ra khỏi ngõ đến khi gặp một người nào đó. Cái gì cũng bói được cả vì người Nhật rất tin tưởng nơi thần linh ở cạnh bên họ.

Tập quán này trở thành truyền thống đến nay mọi gia đình người Nhật hễ có chuyện gì đều đi hỏi những bốc sư mà họ gọi là Uranai-sha (shi). Sanh một đứa con cũng tổ chức lễ hỏi thần coi sau này đứa bé thành đạt, thất bại ra sao trên đường đời. Một cô sinh viên trước khi thi tốt nghiệp đại học cũng tìm bốc sư. Một nhà kinh doanh trước khi mở thêm một ngành hoạt động cũng có bốc sư cố vấn cho.

Bói toán trở thành một tập quán trong mọi gia đình Nhật nên chẳng ai xem nó là dị đoan cả, dầu ngày nay người Nhật tiến bộ nhiều phương diện đứng vào hàng đầu thế giới.

GHI CHÚ :

竪穴の家

2. 円満な家庭は人間の大きな幸福である

3 糸 (配) り

4. 占り

5 神憑り

Người Nhật đủ thành phần đến văn phòng bốc sư (chớ không phải ngồi lê đường nhan khối, mu rùa, áo quần lem luốc mồ hôi nồng nặc, ngồ trâu, nhựa thuốc hắt vào mũi khách như mấy... giáo sư coi tay hay bói bài cào của ta) một cách tự nhiên như ta vào quán xá bên đường uống một ly cà phê, nước đá chanh, nước ngọt hay giải khát la ve vậy.

Người Nhật rất tin tưởng ở thần linh ứng nên họ hay tổ chức những buổi cầu thần như bên Việt Nam ta tổ chức đồng bóng vậy. Những nghi thức này người Nhật gọi là : Kamigakari⁵. Khi thần ứng điềm họ xin rồi thì dầu chết họ cũng lao vào vì không còn ngần ngại gì cả.

Người Nhật hiện nay hòa hợp tôn giáo vào gia đình cũng vì nguyên nhân sâu xa này. Và cũng vì nguyên nhân sâu xa này mà mọi tôn giáo đều du nhập vào dân gian dễ dàng hơn nơi các quốc gia khác.

(còn tiếp)

CHUNG QUANH VẤN ĐỀ KẾ HOẠCH GIA ĐÌNH

LTS. Đây là ý kiến về vấn đề K. H. H. G. Đ. của Kỹ Sư Hà Dương Bru chủ tịch «Hội các nhà khoa học và kỹ thuật Việt Nam», một vị rất có uy tín trong giới khoa học.

Ngay sau đệ nhị thế chiến, Cơ Quan Lương-Nông của Liên-Hiệp-Quốc đã nghiên cứu và phổ biến những tài liệu về dân số và khả năng sản xuất thực phẩm của nhiều nước trên thế giới. Theo những tài liệu ấn hành vào khoảng 1950-52 thì dân số gia tăng từ 1% hoặc ít hơn ở các nước Tây-Âu, và từ 2 đến 4% ở những nước ít mở mang như Ấn, Hồi, nhiều nước ở Nam Mỹ-Châu Phi-Châu và Á-Châu. Ngược lại, mức tăng gia năng xuất thực phẩm thì lại cao hơn ở Âu-Mỹ; và ở lục địa Ấn-Độ, Châu-Phi, Nam Mỹ v.v... thì không gia tăng thực phẩm kịp với dân số của họ.

Nếu nhận xét tổng quát cho toàn thể nhân loại thì có nhiều điểm đáng bi quan, vì đã gia tăng dân số cứ tiếp tục chổng chát thêm mỗi năm, trong khi năng-xuất của đất đai sản-xuất thực phẩm theo không kịp, nhất là diện tích canh tác thực-phẩm thì mỗi ngày lại bị thu hẹp hơn vì nhu cầu mở mang Kỹ-Nghệ. Do đó, nhiều nước trên thế giới, và đặc biệt tại Ấn Độ, Trung-Hoa lục địa và Nhật-Bản, vì áp lực dân số quá mạnh, đã thực thi sách lược hạn chế sinh sản từ vài chục năm nay. Ở những nước Tây-

Âu mà tiện nghi vật chất đầy đủ thì người dân cũng tự ý hạn chế sinh đẻ rất nhiều.

Tại Việt-Nam, Vấn-Đề Kế-Hoạch Gia-Đình được Hội Khoa-Học Kỹ-Thuật công khai nêu ra lần đầu vào tháng 6-1964 trong một buổi thuyết trình và thảo luận tại rạp Thống Nhất Saigon. Sau đó câu chuyện thịnh thoảng lại được hâm nóng khi có dịp trên các mặt báo, trong Quốc Hội v.v..

Rồi trong ba ngày liên tiếp trong tháng hai vừa qua 18, 19 và 20-2-74 một cuộc hội thảo về dân số đã được tổ chức quy mô tại hội trường Hoàn Mỹ, do Liên-Hiệp-Quốc tài trợ. với sự hiện diện của khoảng 200 nhân vật. Thuyết trình viên và tham luận viên là những Giáo-Sư Kinh-Tế học, Xã-Hội học, những Giám-Đốc Ngân-Hàng, Doanh nhân tên tuổi, những Bác-Sĩ Y-Khoa, những vị Linh-Mục v.v... hằng quan tâm và nghiên cứu đến vấn đề.

Qua các báo chí tường thuật lại thì các ý kiến đều đã được nêu ra và thảo luận khá sôi nổi, thuận có mà nghịch cũng có. Có thể tóm tắt về phương diện Kinh-Tế, Giáo-Dục, Xã-Hội, đa số đồng ý là nếu giảm bớt đã gia tăng dân số từ 3% xuống

khoảng 1% mỗi năm thì sẽ giúp ích cho sự phát triển đề nâng cao mức sinh hoạt cho toàn dân rất nhiều (Dĩ nhiên điều tiên quyết vẫn là phải có hòa bình đã.) Những ý kiến chống đối mạnh mẽ nhất là về phương diện phong tục đạo đức và tinh thần dân tộc, e sợ một sự tan rã của nền tảng gia-đình Việt-Nam.

Như vậy kế hoạch hóa gia đình trên nguyên tắc đã có đa số các giới nhận thấy là cần thiết. Và có lẽ chính quyền cũng không mong gì hơn để giảm dần áp lực về Giáo Dục và Xã-Hội tại những nơi quá đông dân cư ngụ.

Tuy nhiên, việc thực thi vấn đề này tại Việt-Nam sẽ hết sức khó khăn và tế nhị. Kế hoạch hóa cách nào để vẫn giữ được những phong tục tốt đẹp của dân tộc? Để khỏi có sự xáo trộn hoặc ít đồ vỡ nhất đối với nền văn hóa cao quý của người Việt-Nam?

Sự tiến bộ vật chất do Khoa-Học và Kỹ-Nghệ tạo nên đã và sẽ đem lại cho ta nhiều sự thay đổi những tập tục cổ truyền mà nếu không biết cách cải thiện, chỉ nhằm mắt theo những lẽ lợi ích kỷ của Âu Mỹ thì kẻ như đã nguy hiểm vô cùng cho nền văn hóa dân tộc rồi. Giờ đây nếu cho áp dụng ồ ạt kế-hoạch gia-đình với tất cả những phương tiện có thể dùng như ở các nước khác, để cho tự do đến tay mọi người thì chắc là nền tảng gia-đình Việt-Nam sẽ bị hủy hoại và một số đồng đảo thanh niên sẽ trở nên trụy lạc, mất hết nhuệ khí

và tinh thần cần thiết cho công cuộc kiến thiết quốc gia.

Hiện tại, tuy chưa có luật lệ nào cho phép, nhưng cũng đã thấy có những gia-đình khá giả đã có thể sinh nở theo ý họ muốn, những thí điểm thuộc Bộ-Y-Tế cho thí hành (như báo chí đã loan tin) việc ngừa thai cho những thiếu phụ đã có nhiều con mà muốn hoãn sinh.

Như vậy là đã có sự hạn chế sinh sản tại những gia-đình khá giả trước nhất. Họ biết và sẵn phương tiện do giới Y-Dược cung cấp, họ muốn chỉ có 3-4 con vì sợ quá đông thì không đủ tài chánh để nuôi cho ăn học nhất là khi họ đã có nhiều nhu cầu, hưởng nhiều tiện nghi thì càng đòi hỏi một mức sống cao hơn và không chịu nổi cảnh nheo nhóc quá đông con. Dù muốn dù không, sự kiện trên đây sẽ lan tràn trong giới phong lưu ở thành thị. Trong khi đó thì những gia đình nghèo lại rất đông con không đủ phương tiện nuôi dưỡng thì hầu như chưa biết gì về những phương pháp có thể giúp họ sinh sản theo ý muốn.

Chúng tôi thiên nghĩ việc lập các thí điểm của Bộ Y-Tế như trên là rất thuận tình và không phương hại đến đám thanh niên chưa lập gia-đình. Nhờ vệ-sinh và y-khoa ngày nay mà có sinh là có dưỡng thì bây giờ là nhiệm vụ của nhà chức trách Y-Tế phải điều hòa vấn đề sinh sản giúp các gia-đình nghèo, phổ biến cho họ biết những phương pháp được coi như vô hại, như phương pháp Ogino-Knauss, phương pháp John

Billings (căn cứ trên chu kỳ chất nhờn của người nữ), huấn luyện thật nhiều cán bộ Y-Tế về kế-hoạch hóa gia đình để sẵn sàng chỉ dẫn cho các thiếu phụ muốn giảm đà sinh sản để có sức khỏe làm việc và đủ khả năng nuôi dưỡng đàn con đã sinh ra.

Kế hoạch gia đình theo phương pháp tự nhiên hay tiết dục vẫn là lý tưởng nhất, hợp luân lý cổ truyền

của dân tộc, hợp đường hướng đạo đức đông phương lại không hại đến sức khỏe của vợ chồng. Tuy nhiên nếu kế-hoạch gia đình được thực thi sâu rộng qua nhà chức trách Y-tế hoặc các Bác-sĩ chuyên khoa giàu lương tâm nghề nghiệp thì có lẽ là thích hợp cho Xã-Hội Việt-Nam trong giai đoạn hiện tại.

HÀ-DƯƠNG-BUƯ



H. TRAN

Vitac 50

TINH CHẤT VITAMINE C

cần cho

CÁC NHÀ THỂ THAO VÀ CÁC SINH VIÊN HỌC SINH

■ Một vài cảm nghĩ quanh một bài báo

Hoàng-văn-Đức

LTS. Tập-san Y-Học số 49, trang 49-55 của Nghiệp-đoàn Bác-sĩ Việt-nam có đăng tải bài Vấn đề dứt đoạn sự mang thai theo ý muốn hay là vấn đề tự do phá thai của Nguyễn thành Chung. Bài báo cho rằng : «sự phá thai đã được hợp thức hóa trong nhiều nước trên thế giới ; (vì rằng) sự phá thai lên lút trong các kiểu-kiện phân khoa học đã đem lại cho họ nhiều hậu quả vô lường về thể xác và tâm hồn. Sự phá thai không thể coi là vô nhân đạo vì lẽ giản dị bào thai không phải là con người. Sự chống đối phong trào tự do phá thai hoàn toàn chủ quan, không có căn bản khoa học và thiên nhiên. Phá thai không bao giờ được xem như là một hành động giết người cả. Giáo hội La mã đã và đang không chấp nhận những tư-tưởng khoa học tiến bộ. Đời sống hiện hữu trong bào thai, đời sống cũng hiện hữu trong hạch cò họng hay trong ruột thừa. Phá thai tức là phá đời sống thì các phần thuật cắt thịt dư cò họng hay cắt ruột thừa cũng là hành động giết chết đời sống. Thịt dư cò họng, ruột dư cũng như bào thai phải được xem là một phần cơ thể con người. Người đàn bà được toàn quyền quyết định về đời sống riêng của mình trong đó có quyền muốn mang thai hay không. Sự tiến bộ là điều kiện tất yếu cho sự sống còn của một đời sống sung sướng. Và một đời sống tốt đẹp thêm lên cho tất cả mọi người bao gồm tự do cá nhân rộng-rãi và sung-mãn vật-chất phải là mục đích tối hậu của bất kỳ cải cách xã hội nào đáng được gọi là tiến bộ».

Bài báo đã gây một phản ứng khá mạnh mẽ đối với những người hằng quan tâm tới vấn đề. Bác sĩ Hoàng văn Đức đã bày tỏ một vài cảm tưởng khi đọc bài báo trên qua những dòng dưới đây.

1. Tập San Y-học Nghiệp-đoàn Bác-sĩ Việt-Nam

Bài của Nguyễn-Thành-Chung đáng chú-ý và bình phẩm, vì đã được được tuyển chọn đăng vào cơ-quan ngôn luận chính thức của Nghiệp-đoàn Bác-sĩ Việt-Nam.

Độc-giả phải nêu lên câu hỏi : đây phải chăng là triệu chứng một sự chuyển hướng tại Việt-Nam biến y sĩ thành một chuyên viên "dồ tề", giết hại mầm sống, và y viện thành nơi khai thác một nghiệp vụ mới là nghề phá thai để làm giàu ?

Giữa sứ mạng «cứu nhân độ thế», với nghiệp vụ kinh tài, cơn cám dỗ rất dễ dàng, và đây cũng là câu hỏi rất to lớn phải được đặt ra trong tâm can của chính tác giả Nguyễn-Thành-Chung.

Đọc xong, độc giả đâm ra ngờ vực, Hippocrate hay Hải Thượng Lãn Ông là ai ? Lại thêm một thần tượng nữa bị xô ngã và gót giày "chuyên-viên y-tế kinh-tài" Nguyễn-Thành-Chung đang bậm hực đạp lên một cách cuồng nhiệt.

Bài báo như một vệt hoen ố và tanh hôi làn hương Xuân Giáp Dần của tờ Tập San Y Học Nghiệp Đoàn Bác Sĩ Việt-Nam.

2. Nhận xét chung về bài báo

Y sĩ, về một khía cạnh nào đó, là một chuyên viên trong thế giới cần có chuyên môn. Tuy nhiên sứ mạng của y-sĩ vượt hẳn ra ngoài trách-vụ chuyên viên. Nếu chưa hiểu được điều quan-trọng ấy, không nên hành nghề y-sĩ, vì chỉ làm một tên lang băm với xảo-thuật y-khoa, không hơn không kém.

Đã là chuyên viên, chỉ có một cái nhìn phiến diện. Truyện 10 anh mù sờ voi là truyện Việt-Nam châm biếm cái nhìn cận thị của người chuyên viên. Chỉ nhìn được 1 mà không thấy 10, chỉ đứng ở một bình diện mà lại phủ nhận các khác bình diện khác, chỉ đứng ở một góc mà bắt chắp các góc khác.

Tác-giả Nguyễn-Thành-Chung tỏ ra cận thị, căn bệnh của chuyên viên. Cổ chấp một cách mù quáng trong lối nhìn và phủ nhận toàn diện con người gồm nhiều chiều kích, nhiều bình diện. Sờ voi còn dễ hơn sờ con người.

Bên trời Tây, huyền thoại chuyên-viên là anh chàng Prométhée : tâm, can, phổi, ruột bị móc đi chỉ còn giữ lại nguyên vẹn lý trí và óc não. Prométhée là tượng trưng cho cả nền văn minh máy móc của Tây Phương dựa trên khoa-học và kỹ-thuật.

Người chuyên viên học khoa học và kỹ-thuật rồi đâm ra «DUY» khoa học và kỹ thuật, phản ảnh anh chàng Prométhée bệnh hoạn, mất hết các quan năng tim phổi ruột gan, đầu óc và lý trí độc diễn và quán triệt tất cả. Phần thâm sâu và tinh túy nhất trong con người đã rã rời mất hết.

Toàn bài mang một tinh chất lý trí xác quyết độc chiều và độc đoán :

— chỉ có một sự thật duy nhất là khoa học thực nghiệm.

— chỉ có một chiều kích duy nhất là duy vật.

— chỉ có một người duy nhất nắm được toàn lý là chính tác giả.

— thái độ khinh蔑 bất cứ ai khác mình biểu lộ một tiềm thức đang khống chế và thống trị tâm lý của tác giả : TRIỆT THA NHÂN.

Tiềm thức GIẾT NGƯỜI uất ở tận đáy lòng. Tiềm thức giết người cũng được phản ảnh qua thái độ «độc tôn, độc đoán, độc diễn và độc tài». Một con người mang khuynh hướng «triệt xã-hội» (asocial).

Toàn là những nét điển hình của người chuyên viên hiện nguyên hình trạng là anh chàng Prométhée, khi bị hành hình ở trên chóp đỉnh Caucase, chỉ có bộ óc độc diễn.

□ Dom Le Saux đã chết

Tu sĩ Henri Le Saux, người đồng chí của linh mục J. Monchanin trong việc lập nên lối tu theo kiểu Ấn độ, đã tạ thế ngày 7-12-1973 tại Indore, Ấn độ, thọ 63 tuổi. Ông đã cùng với Jules Monchanin lập nên am tu, Saccidānanda, cùng với Monchanin viết cuốn *Ermites du Saccidānanda*, và sau đó còn viết nhiều tập sách khác nhằm đưa những yếu tố Ấn độ vào trong đời sống và tư tưởng Công giáo. Tu-danh Ấn độ của ông là Abhishik-tananda.

□ Lễ giỗ tổ Hùng Vương

Lễ giỗ tổ năm nay (2-4-74; 10-5 âm lịch) tổ chức càng rộng rãi hơn mấy năm trước. Khắp các tỉnh đều có lễ lớn cả. Trước đây tại miền Nam, có lẽ chỉ có Hội Chấn Hưng Tinh Thần bằng năm tổ chức lễ này tại miếu Tao đàn, Sài Gòn. Kể đó một Ủy Ban Vạn Động dựng đền thờ quốc tổ do sáng kiến của Bs Ngô gia Hy, với nhà lão cách mạng Ba Liệu làm chủ tịch, đã đứng lên kêu gọi toàn dân góp sức xây một ngôi đền có tính cách quốc gia. Ủy ban đã quy tụ được nhiều đơn vị lãnh đạo các tôn giáo lớn : Đức Tổng Giám Mục Sài Gòn, đạo Cao Đài, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, một số vị lãnh đạo Phật Giáo v. v., đồng thời thành lập được ủy ban địa phương tại 14 tỉnh

Ủy ban đã chọn khu Núi Thị Vải Vũng Tàu và chòi Tổng Thống, dâng đất xây đền. Không may, hội Đền Hùng mới ra đời cũng muốn làm việc đó và không muốn đứng chung trong ủy ban, nên chính phủ nể một vài người trong Hội chưa dám dâng đất thề theo sự thỉnh nguyện của ủy ban trên. Tờ thấy còn chia rẽ vậy, chắc buồn lắm đấy.

□ Thuyết trình Giáo dục Gia đình

Phong trào HƯNG GIÁO VĂN ĐÔNG tổ chức hai buổi thuyết trình về GIÁO DỤC GIA ĐÌNH. Bài thứ nhất về Giáo dục về đời sống Gia đình do Giáo sư Phạm-thị-Tự.

Đúng 4 giờ 15 chiều Chúa nhật 21-4 ông Phụ tá Đỗ-văn-Rỡ thay mặt ông Tổng Trưởng VHGD đến chủ tọa. Cử tọa về sau càng đến đông, khoảng 400 người. Diễn giả, một người đã nổi tiếng nói hay và lưu loát, lại chuyên dạy về gia đình, làm việc xã hội (Giám đốc trường Công Tác Xã Hội) từ lâu năm, nên khỏi nói cũng biết rằng nói hay và hấp dẫn. Tư tưởng không có gì cầu kỳ, nhưng phân tích sáng sủa kèm với những kinh nghiệm quý hóa, những nhận xét sắc bén và những giải pháp thực tế.

Tài nói của bà đã khiến ông Phụ tá hết lời khen ngợi. Vì trời mưa lớn, nên ông Phụ tá có giờ nói dài, bày tỏ ý kiến của ông đối với vấn đề quan trọng này. Ông cũng hết lời khen ngợi ban Tổ chức (với luật sư Phạm thành Dân, Dược sỹ Đào sĩ Chu, hai khối thanh niên Gia đình Nhập Thê và Thiện Chí) với sự tiếp đón chu đáo và sự sắp đặt quy củ.

Như Ông Chủ tịch Phong trào cho biết, năm nay kỷ niệm 3 năm thành lập tạp chí Phương Đông, và Phong trào cũng như Tạp chí đánh dấu năm kỷ niệm này bằng chủ đề GIA ĐÌNH.

Bài của các diễn giả sẽ đăng trong số báo tháng tám về Giáo Dục Gia Đình

Xin Lưu ý Quý Học giả

Những bài đã đăng trong Phương Đông (hay báo nào khác cũng vậy) thì không thể lấy đăng trong một tờ báo khác nếu không có sự đồng ý của Phương Đông.

Ngược lại những bài đăng ở báo khác rồi, xin đừng gửi đăng Phương Đông nữa, trừ phi có sự thỏa thuận với nhau trước.

Xin đa tạ

Ân Nhân của Phương Đông

- LINH MỤC ĐÌNH TIẾN KHOA, Saigon, một năm báo tiếp 3.000đ
- LINH MỤC ĐÌNH BÌNH ĐỊNH, Saigon một năm báo tiếp 2.500đ



Danh sách độc giả dài hạn mua tiếp

- | | |
|-----------------------------|-----------|
| — Thầy NGUYỄN XUÂN THẢO | Đà Lạt |
| — Bà NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT | Saigon |
| — Nữ tu BIBIANE | Ba xuyên |
| — Thầy TRẦN ĐỨC HẢI | Đà Lạt |
| — Chị NGUYỄN THỊ THANH LÂM | Saigon |
| — Sinh viên NGUYỄN QUỐC ĐÀI | — |
| — Thầy LÂM MINH | — |
| — Thầy TRẦN ĐÌNH NHA | Bạc Liêu |
| — Thầy NGUYỄN TOÀN BẢO | Vĩnh long |
| — Thầy PHAN VĂN CHÍNH | Cần thơ |
| — Thầy PHAN DUY HIẾU | Sài gòn |
| — Ông NGUYỄN HỮU NHA | Gia định |
| — Thầy NGUYỄN VĂN CUNG | Rạch Giá |
| — Thầy PHAN VĂN BÌNH | Vĩnh long |
| — Thầy CAO TẤN CHI | — |
| — Thầy NGUYỄN VĂN HIẾU | — |
| — Cha HỒNG KIM LINH | Pháp |
| — Cha NGUYỄN HUY CẦM | Vĩnh long |
| — Thầy BUI VĂN ĐANG | KBC 4124 |
| — Thầy HỒ SĨ ĐỒ | Saigon |

— Cô KIM THANH	Huế
— Cha CHRISTOPHE ĐỨC	Ban mê thuật
— Cha NGÔ DUY LINH	Pháp
— Cha NGUYỄN TẤN PHƯỚC	—
— LM. NGUYỄN HÒA NHẢ	Saigon
— Thầy JB. THIÊN	Bình Tuy
— Thầy ĐỖ HUY CƯỜNG	Đà lạt
— LM. NGUYỄN VĂN ĐÌNH	Thủ đức
— Chị ĐỖ THỊ LA VANG	Huế
— Cô DƯƠNG HỒNG	Saigon
— Ông VŨ SỸ	Biên Hòa
— Thầy TRẦN QUỐC TUẤN	Đà lạt
— Thầy LÊ TIÊN	—
— LM. ĐỖ BÁ AI	Phan Rang
— Dược sĩ VŨ NGỌC TRẦN	Saigon
— LM. NGUYỄN THẾ HIỀN	Tây Đức
— NHÀ TẬP DÒNG TÊN THỦ ĐỨC	Gia định
— Thầy NGUYỄN VĂN QUYẾN	Đà lạt
— TRUNG TÁ LÊ THANH TRUYỀN	Saigon

Hộp Thư

Phương Đông đã nhận được những bài sau đây :

- Khuya một mình, Mênh mông của Trần-hữu-Nghiêm (Huế)
- Phế vị đại trường vi biểu lý của Hồ-văn-Trí (Đà Nẵng)
- Nguyễn binh Khiêm, phi long tại thiên của Nguyễn-tôn-Nhan (Gia-Định).

Đính Chính

Số Phương Đông 34 trong bài « Lễ trao giải thưởng VHNTTQ 1972-1973 » trang 284, giòng thứ 5 (tính từ dưới lên),

in là : Ta đây — đến trưa ba mươi...

Xin sửa là : Ta đây—lời một văn sĩ trung niên —đến trưa ba mươi...

Danh Sách độc giả mới

— THẦY NGUYỄN VĂN MẾN	Đà Lạt
— THẦY NGUYỄN VIỆT ĐÌNH	—
— LM. TRẦN ĐÌNH	—
— THẦY TRỊNH VĂN PHÁT	—
— THẦY DƯƠNG VĂN NGOAN	—
— THẦY NGUYỄN TRỌNG LƯU	—
— THẦY NGUYỄN THANH TÂM	—
— R.P. NGUYỄN VĂN CHÂU	Suisse
— GIÁO SƯ NGUYỄN QUANG ĐỨC	Đà Lạt
— BÁC SĨ TRẦN VĂN DU	Saigon
— KỸ SƯ NGUYỄN DUY THU LƯƠNG	—
— LM. NGÔ VĂN NHƠN	Huế
— THẦY NGUYỄN TẤN KHOA	Đà Lạt
— THẦY TRƯƠNG VĂN TRANG	—
— THẦY JB. VI	Huế
— THẦY PET. SON	—
— THẦY PET. THỰC	—
— THẦY PHẠM VĂN BÍCH	Biên hòa
— HÃNG PFIZER	Saigon
— LM. ĐỖ BÁ ÁI	Phan Rang
— LM. BERNARD LONG	Phước Lý

Giới thiệu Sách Báo

Chúng tôi đã nhận được sách báo gửi tặng, xin giới thiệu sau đây :

Niên giám thư viện 1973, do bà Nguyễn thị Cút biên soạn, Hội Thư Viện Việt Nam xuất bản. Đây là tập Niên giám thư viện thứ hai do Hội xuất bản. Niên giám trước thực hiện năm 1970. Niên giám này nhằm bổ túc niên giám trước. Sách in công phu và không để giá bán. Tài liệu đầy đủ, nhưng thấy thiếu sót một thư viện quan trọng, rất giá trị và đó là Thư viện của Giáo Hoàng học viện Đà Lạt.

Mùa khói ám, thơ của Lê thanh Liem, nhập cuộc xuất bản, với những tâm tình ưu uẩn của người lính.

Ba trăm năm thăng trầm của **CHÙA THIÊN MỤ**, do Hồng Hoài, Xuân Hữu xuất bản, khảo cứu về chùa Thiên Mụ, Huế, qua dòng lịch sử.

Tiếng Vọng Bốn Phương

● Anh Khảo thân,

Hồi trong năm, có dịp về thăm nhà (sau 7 năm xa cách) nhân có việc trường, tôi rất tiếc không đủ thì giờ đến thăm tòa soạn *Phương Đông*. Chắc anh cũng biết, *Trung Tâm Việt Học* ở đây mua báo đều đặn, qua *Linh mục Gélinas* ở *Trung Tâm Đắc Lộ*. Hồi anh Dương đức Như qua đây 6 tháng, tôi vẫn thường nói với anh ấy là tôi thấy tờ *Phương Đông* nội dung phong phú và nghiêm túc. Tôi đặc biệt khoái những bài viết rất cần thận và tỉ mỉ của ông Nguyễn Bạt Tụy...

*Thư của Giáo sư Nguyễn đình Hòa,
Giám Đốc Trung Tâm Việt Học
Đại học đường Southern Illinois*

● Kính gửi Giáo sư Chủ nhiệm *Phương Đông*

... *Phương Đông* đã được giới thiệu khá rộng rãi ở khắp các tỉnh miền Hậu giang. Trong các dịp hội họp với các cán bộ, viên chức và nhất là với các sinh viên Văn khoa sư phạm của tôi, tôi luôn luôn không bỏ qua cơ hội đề cập. Mong rằng tờ *Nguyệt san* sẽ được đứng vững trước cảnh kiệt giấy kém tiền này.

*Thư của Giáo sư Nguyễn văn Hân
Giáo sư trường Đại học VănKhoa / Sư phạm
Viện Đại Học Hòa Hảo Long Xuyên*

● Kính thưa Ông Chủ nhiệm.

Chúng tôi là một số sĩ quan Hải quân và cũng là độc giả của *nguyệt san Phương Đông* kể từ số báo đầu tiên tới nay. Chúng tôi rất kính phục đường lối cũng như tôn chỉ của quý báo đã theo đuổi. Và *Phương Đông* đã mang lại một sắc thái mới cho diễn đàn văn học, văn hóa dân tộc..

Thư của Hải quân Trung úy Phan tấn Tài KBC 3317/2.

● Kính gửi quý vị trong Ban Biên Tập Báo *Phương Đông*

Việc cung ứng cho quần chúng Việt Nam những sự chỉ dẫn cần thiết về các phương pháp ngừa thai thiên nhiên như là phương pháp Billings cần được các báo như báo *Phương Đông* phổ biến rộng rãi thêm để chặn đứng những tai hại của chương trình thuốc viên vòng xoắn.

Hội chúng tôi sẽ hiệp lực cùng quý vị trong mọi kế hoạch công tác cần thiết.

*Thư của Bác sĩ Nguyễn tấn Chức
Chủ tịch Hội Bác sĩ Công giáo Việt Nam*

MANGOSTANA

sirop

(Trích tinh vỏ măng cụt)

Hiệu nghiệm
với các chứng



Tác dụng nhanh chóng,
êm dịu và không độc

thích hợp với quần lớn
trẻ em và các bé tò mò

SOLUTHIOL

MÉTALURGE
INDUSTRIE
VERIFICATION: ANTHRIQUES
HÉPATOSES HÉPATIQUES, URICAIRES, CYTÉRIES
FRANCOCOLITE, DERMATITES
MADE IN U.S.A.

Chẩn trị

- CÁC CHỨNG PHẪNG
- CÁC BỆNH NGOÀI DA
- BỆNH KINH NIÊN

VỀ ĐƯỜNG HÔ HẤP

THERAPEUTIQUE DES CARENES SOUFREES

SOLUTHIOL

VPS

Số 189-BYT-QCQP. 06.09.73

BIOFERROL

Fer. Lysine B12
PREPARATION BIOMEDICALE
COMPOSEE
ALIMENTAIRE
INDUSTRIELLE
ANALYTIQUE
SOLUTHIOL

MECHOLIN

EL. METALURGIQUE
CYTRATE DE TACHOLIN
INOSITOL - SORBITOL
LIQUIDE POUR PREPARER
10 ML. - 200 MG. - 1000 MG.

BIOFERROL

VPS

THIẾU MÁU - MẮT MÁU
CHẠM LỎN - YẾU NHƯỢC

MECHOLIN

• ĐAU CÁN - YẾU CÁN
• TẠO BÓN - KHÓ TIÊU

Số 190-BYT-QCQP. ngày 6/9/73

- Biên lai chính thức 1034/BTT/NBC/HCBC ngày 26-6-1971.
- Giấy miễn ký quỹ 1520/BTT/PTTT/NBC ngày 10-10-1972
- In tại Nhà in LA SAN 45 đường Nguyễn-Thông — Saigon

Lớp **HỘI HỌA** đông phương

do Phong Trào Hùng Giáo Văn Đông chủ trương

- Vốn học thiếu nhi - Lớp học người lớn
- Lý thuyết và lịch sử hội họa
- Các họa sĩ danh tiếng phụ trách
- Chín năm nhũn cấp học - Mỗi cấp ba tháng
- Mỗi ba tháng có khóa mới

Ghi tên : sáng chưa nhất - tại 161 Yên Đổ - Saigon 3
chiến thoại : 24.592 - Văn phòng H.G.V.D.

Tên chữ : **nhân sinh - dân tộc**